

I THÁNG I NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ: mười

TRẦN HƯƠNG TỬ : *một ý kiến về văn-hóa dân tộc* *
VÕ QUANG YẾN *Nobel khoa-học năm 1966* * ĐOÀN
THÊM *những ngày chưa quên : chiến tranh Đông
Dương* * NGUYỄN GIA TƯỜNG *trẻ có tư chất (dịch
Carl G. Jung)* * TỪ TRÌ *khủng hoảng nội các Tây-đức :*
một biến chuyển quốc tế * VŨ HẠNH *« thiến » vì chiến
cuộc* * THẾ UYÊN *tiền đồn* * ÂU HOÀI SƯƠNG *nguồn
cao nước độc* * NGUYỄN KIM PHƯƠNG *ba người
thánh thiện (dịch Léo Tolstoy)* * NGỌC VÂN *điều hòa
sinh đẻ* * TRẦN HUIỄN AN *hẹn xưa* * HOÀNG ĐÌNH HUY
QUAN *một chút đời vui* * **SINH HOẠT** : *Đêm văn
nghệ của sinh viên học sinh*

*Saigon * nguồn gốc cải lương
từ dân gian lên sân khấu*

240

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 229 ĐẾN 240



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- *SES SIROPS*
- *SA PARFUMERIE*
- *SON VINAIGRE*
- *SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES*

DiC

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 240 ngày 1 - 1 - 1967

TRẦN HƯƠNG TỬ <i>một ý-kiến về văn-hóa dân-tộc</i>	3
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel khoa học 1966</i>	11
ĐOÀN THÊM : <i>những ngày chưa quên : Chiến-tranh Đông-Dương</i>	17
NGUYỄN GIA TƯỜNG (<i>dịch CARL. G. JUNG</i>) <i>trẻ có tư chất</i>	27
TỪ TRỊ <i>khủng hoảng nội các Tây Đức, một biến chuyển quốc tế</i>	33
VŨ HẠNH <i>nói chuyện "thiện" : thiện vì chiến cuộc</i>	42
THẾ UYÊN : <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	48
NGỌC VÂN <i>điều hòa sinh đẻ</i>	55
HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN <i>một chút đời vui</i>	60
NGUYỄN KIM PHƯỢNG <i>ba người thánh thiện (dịch LÊO TOLSTOY)</i>	61
ÂU HOÀI SƯƠNG <i>nguồn cao nước độc</i>	66
TRẦN HUIỀN AN <i>hẹn xưa</i>	72
SINH HOẠT	
TRẦN TRIỆU LUẬT : <i>Đêm văn-nghệ của sinh viên Saigon</i>	74
THẾ NHÂN : <i>Nguồn gốc cải lương từ dân gian đến sân khấu</i>	76

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 229 ĐẾN 240

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 15\$ - Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

QUYẾT-ĐỊNH CHUNG CỦA CÁC BÁN-NGUYỆT-SAN VỀ VIỆC TĂNG GIÁ BÁO

Đã từ nhiều tháng nay các bán-nguyệt-san đã phải chịu đựng quá nhiều nỗi thiệt thòi về mọi phí khoản (như ấn loát, phát hành, biên tập v.v...)

Xét vì không tiếp tục chịu đựng sự nhảy vọt quá đáng của giá sinh hoạt, chúng tôi đồng thanh quyết định sẽ tăng giá bán các nguyệt-san từ 15 đồng đến 20 đồng một số. Sự tăng giá này sẽ bắt đầu áp dụng kể từ số báo ra ngày 1 tháng 1 năm 1967.

Ước mong bạn đọc sẽ thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của sinh hoạt văn hóa hiện tại, mà tiếp tục ủng hộ chúng tôi, để chúng tôi có thể cung ứng cho bạn đọc, một cách đều đặn, những món ăn tinh thần thanh nhã và bổ ích.

Saigon, ngày 1 tháng XII năm 1966.

- 1) BÁCH KHOA : Ô Lê Ngô Châu.
- 2) PHỒ-THÔNG : Ô Nguyễn Thu Minh.
- 3) TIN VĂN : Ô Nguyễn Ngọc Lương
- 4) VĂN : Ô Nguyễn Đình Vượng.
- 5) VĂN HỌC : Ô Phan Kim Thịnh.

GIÁ BÁO DÀI HẠN NĂM 1967

Theo quyết định chung trên đây, giá mua báo dài hạn, sang năm 1967, được ấn-định như sau :

Một năm : **420đ.**

6 tháng : **220đ.**

Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay : **30đ** một năm.

Báo gửi đi ngoại quốc, cước phí tàu thủy : **50đ.** một năm.

Mỗi số : **20đ.**

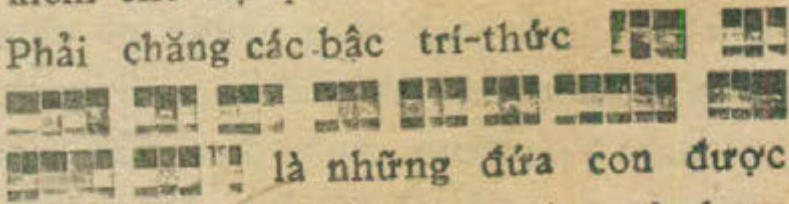
Giá công sở : **40đ.**

Một ý-kiến về

VĂN-HÓA DÂN-TỘC

• TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Giữa lúc những thành phần sáng suốt và kiêu hùng của dân tộc cùng nhau đứng lên chống lại mọi hình thức thống trị tinh thần ngoại bang, trường Tây ở Trung học và tiếng Tây ở Đại-Học, chúng ta nên cùng nhau minh định thế nào là hướng đi của văn hóa dân tộc. Thật là đau lòng, khi mấy chữ văn hóa dân tộc được nói lên, vì nó như bị vùi lấp dưới lãng quên của lớp người có trách nhiệm duy trì và phát triển nó từ nhiều năm nay. Những người này đã vì lười linh và tư lợi chỉ mãi vun trồng cây văn hóa ngoại lai, cả khi những kẻ thống trị xứ này đã gắp súng chui bút chạy về nước họ. Người ta thường nói đến 3 hình thức thống trị: thống trị về chính trị, về kinh tế, và thống trị về tinh thần. Giá nhìn sang xứ Khờ-me, chúng ta dễ thấy dân tháp Chùa đã độc lập về chính trị, kinh tế và tinh thần chưa? Nói thế, vì việc người thì sáng, việc nhà thường quáng. Như thử nhìn vào thực trạng nước ta, cái nước «bốn ngàn năm văn hiến» này, chúng ta thấy gì? Tôi không có ý nói về độc lập chính trị và kinh tế, nhưng thử hỏi chúng ta đã độc lập về tinh thần chưa?

Tưởng ai cũng thấy độc lập tinh thần là cái căn bản hơn cả độc lập chính trị và kinh tế. Mất nước, ta còn tinh thần tự kiêu và tranh đấu, chắc ta sẽ dành lại độc lập. Còn như họ trả độc lập cho ta, ta lại vẫn tôn thờ ngoại bang, họ rút lui khỏi xứ mình rồi mà mình vẫn vọng về họ, coi họ là thầy mình, và mình chưa dám làm chủ nhà mình, thì độc lập ở đâu? Có những kẻ quá tuổi trưởng thành rồi, mà vẫn chưa trưởng thành, vẫn giữ tinh thần tưng phục ngậy ngô, không dám tự quyết gì hết. Điều đó có khi tại những người đó mắc bệnh «ấu trĩ», nhưng cũng nhiều khi chỉ vì cha mẹ đã kiềm chế họ quá lâu và quá chặt chẽ. Phải chăng các bậc trí-thức  là những đứa con được «Mẫu-quốc» âu yếm cách riêng và được cưng như con đỏ, nên họ ghi ơn sâu đậm của Mẫu-quốc, đồng thời không làm sao thoát ra khỏi tình trạng «người con» và người phục dịch chỉ biết phụ họa, không biết xưng xuất. Sau một ngàn năm nội thuộc nước Tàu, dân ta không mất niềm kiêu hãnh và tinh thần tự lập.

Nhưng chỉ sau không đầy một trăm năm thống trị của Pháp, tinh thần tự lập của dân ta hình như bị tổn thương nặng nề. Hồi Pháp mới xâm chiếm và hồi Pháp còn đô hộ xứ ta, kẻ sĩ của mình chia làm 3 loại : một loại yếm thế, hủ nho, đã có thái độ đã điều, phủ nhận thực tế phủ phàng của nền thống trị kỹ thuật Tây phương và tự ru ngủ bằng những hình ảnh thời vàng son vừa mất. Một loại đông hơn, và sau trở thành đại đa số, đã chạy theo Pháp, say mê văn hóa Pháp đến mức vong bản : vô tình, thật là vô tình, họ bị Pháp dùng làm « cộng-sự-viên » trong việc cai trị xứ này. Họ đã quá quen Pháp, quen sống như Pháp, ~~...~~ khi phải đứng lên cho văn hoá dân tộc, họ bịn rịn như đứa trẻ con nhà nông nọ được một ông lớn ở Đô thành nhận cho trọ học nhiều năm, nay mắc cỡ không muốn nhận vợ chồng nông dân kia là ba má nữa. Như vậy bọn sĩ phu này đã ốm ở coi văn-hoá Pháp là tiếng noi của mình, mặc dầu họ không dám coi Pháp quốc rõ ràng là Đất Mẹ của họ. Nhìn vào hai thứ sĩ phu trên đây, chúng ta phải buồn rầu nhận rằng chúng ta đã mất tinh thần tự lập.

Đúng thế, nhìn vào hai loại sĩ phu đó, chúng ta thấy tinh thần tự lập của văn hoá dân tộc đã tiêu tan : một hạng thúc thủ chịu thua, một hạng vong nô chạy theo kẻ thống trị. Lại thứ ba, loại người trí thức Việt Nam, muốn đưa văn học dân tộc ra khỏi cảnh tống nho thảm bại, đồng thời không chịu để mất những gì là truyền thống dân tộc khi hoà mình trong đà tiến mãnh liệt của thế giới ngày nay. Loại thứ ba này chỉ cần nhắc đến những Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Nguyễn-trường-Tộ. Nhưng, thậm thay, phần tinh anh này

của đất nước ít quá, nên đã bị thực dân cùng với bọn vong nô văn-học chèn lấn làm mất hết ảnh hưởng nơi học đường và trong các sinh hoạt văn hoá.

Đó là truyện ngày xưa.

Còn ngày nay ? Mỗi khi nghe nói đến văn-hoá dân tộc, người sinh viên thấy gì ? Thấy một mớ những hô hào suông, và thấp thoáng thấy hình ảnh vài « cụ đồ nho mới của Đại-Học », mấy giáo sư triết học Đông phương với những trình bày đầy thiện chí, nhưng không mấy sáng sủa vì thiếu nền tảng và phương pháp nghiên cứu, làm sinh viên ngộ nhận, đồng hoá truyền thống với lúng túng và thiếu minh bạch, thiếu tinh chất khoa học. ~~...~~ không ai minh định được thế nào là văn hoá dân tộc, ngoài mấy bài phát thanh của Hội Khổng-học và mấy bài diễn-huyết của mấy giáo sư triết học Đông phương. Thực tình xin hỏi : Hội Khổng học có ảnh hưởng gì với mấy chục ngàn sinh viên toàn quốc ? Những nhà giáo và bộ Quốc gia giáo dục có bao giờ để ý đến những ý kiến của Hội Khổng học ? Hỏi thế, tôi không có ý coi nhẹ công việc của Hội Khổng học, nhưng chỉ có ý nêu lên sự kiện tình trạng hững hờ của giới lãnh đạo văn học nước ta trong việc hoạch định một lối đi cho văn học quốc gia. Hơn nữa, sự kiện này còn nói lên rằng toàn dân ta vẫn ở trong tình trạng lưỡng nan : bỏ hẳn văn hoá cũ thì không đành (vì thế chính phủ mới cho lập ban triết Đông ở Đại-Học và nâng đỡ Hội Khổng-học), nhưng sự thực thì văn hoá

của ta, hiện thân nơi giới Đại-Học, vẫn không Việt-Nam lắm. Văn Tây quá.

Như vậy những người có trách nhiệm với dân tộc như các chánh phủ trước đây và các hội đồng Đại-Học Việt-Nam cho đến nay vẫn chưa hoạch định một nền văn-hóa dân tộc, hoặc có hoạch định thì lại chỉ mới là những « ước vọng xa xôi » chứ chưa phải là kế hoạch được trù định mang ra thi hành như kiểu kế hoạch 5 năm, 10 năm.

Muốn hoạch định một hướng đi cho văn học dân tộc, chúng ta phải làm gì ? Chúng tôi không ngờ nghệch đến mức tưởng mình khôn hơn các bậc đại trí thức đã thay nhau cầm vận mệnh văn hóa dân tộc, nhưng giữa hai thái độ bảo thủ mù quáng và cấp tiến quá trớn, tưởng có thể có chỗ cho một thái độ tổng hợp. Tôi không nói thái độ dung hòa, nhưng thái độ *tổng hợp*, vừa bảo toàn được sắc thái dân tộc, vừa giúp dân tộc tiến kịp đà của thế giới ngày nay. Nhìn vào gia đình tây phương, chúng ta thấy cũng là triết-học, nhưng Anh Quốc có một lối triết học, Pháp quốc có một kiểu triết học, và Đức quốc lại có một truyền thống triết học. Về y-khoa cũng thế : tuy giống nhau về căn bản, nhưng y khoa Pháp không giống y khoa Đức và cũng không giống y khoa Mỹ. Chúng tôi quan niệm cái dân tộc tính của mình ở chỗ tiến bộ đó, và chỉ ở mức đó, truyền thống mới không bị đồng hóa với ngưng trệ và cồ hủ.

Cụ Phan-sào-Nam đã viết một câu bất hủ : « Khôn cũng cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống ». Vấn đề văn hóa dân tộc cũng vậy : bảo-thủ không được, lại càng không được, chỉ biết mới được. Bảo thủ mù quáng sẽ làm

dân tộc chết đứng trong thế-giới vô cùng giao động ngày nay. Lại càng sẽ làm cho dân tộc mất gốc, mà mất gốc thì rồi cũng tan tành. Tôi xin mạo muội góp vài ý kiến như sau :

A. — Bảo thủ mù quáng không phải là truyền thống.

Khi chúng ta nói văn hóa dân tộc là văn hóa truyền thống, chữ truyền thống ở đây có một ý nghĩa linh thiêng đầy sinh khí, hàm ý một sức sống mãnh liệt đã bắt chấp bao chướng ngại trên dòng thời gian và đang cuốn cuộn lao mình vào ngày nay. Truyền thống là như thế, chứ ai lại coi cái thứ truyền thống kiểu « khăn đóng » kia là có thần lực bảo đảm cho dân tộc ta một chỗ đứng đàng hoàng trong cái đại gia đình nhân-loại ngày nay, một gia đình mà tranh đấu là lẽ sống. Mà tranh đấu luôn, vì khoa học ngày nay đã làm mất hết những hàng rào tự nhiên xưa kia về không gian và thời gian. Ngày xưa bên Tây xa lắm và phải mất nhiều thời gian mới chạm trán nhau : ngày nay ta có thể trực tiếp nói chuyện với người phương Tây bằng điện thoại, và trực tiếp nhìn thấy họ qua hệ thống truyền hình. Hơn nữa, với hỏa tiễn, họ có thể phá ta trong nháy mắt và nếu ta có hỏa tiễn ta cũng có thể như vậy. Như thế khi nói truyền thống, chắc ta không nghĩ đến một cái gì đã chết, một cái gì đã bị loại ra khỏi vòng chiến, nhưng ta nghĩ đến một sức sống thần diệu đã trở thành quý giá vì đầy chiến thắng trong quá khứ và chắc chắn sẽ bảo đảm cho dân ta được sinh tồn trong cuộc va chạm liên lý của tình trạng thế giới ngày nay.

Khốn nỗi những ai hay nói đến truyền thống ? Những ai hay nói đến

văn hóa dân tộc? Phải chăng là những vị đại diện cho đà tiến và sức sống của dân tộc? Phải chi mấy học giả đề cao văn-học dân tộc biết trình bày một cách sáng sủa, cho con em thấy đó là những hình thức tư tưởng và những phương pháp nhận định có giá trị cho cuộc sống hôm nay! Khốn nỗi cho sinh viên chỉ thấy kiểu trình bày cổ văn, «rằng hay thì thật là hay», nhưng chỉ hay như một cái gì cồng kềnh, một giá trị đã xa xưa, một báu vật để ở bảo tàng viện. Trong khi đó thanh thiếu niên hòa nhau chạy theo những tư tưởng của Tây phương, cả những tư tưởng bị phụ huynh cấm đoán, vì họ thấy ở đó con đường sống của họ, hoặc họ tưởng lầm đó là con đường đường sống của người thời nay. Họ muốn sống. Không muốn chết. Không muốn làm theo những người mà các thanh thiếu niên của họ bán thế kỷ 20 này thầm nghĩ rằng đã bị bán rẻ lịch sử loại ra ngoài vòng.

Phải chăng sự thực là thế? Hễ nghe nói truyền thống, thanh thiếu niên nghĩ ngay đến một cái gì đã cũ, một cái gì đã hết thời, một cái gì đã trôi vào quá khứ với chữ nho và văn-minh bất lực của người Tàu mà cha ông ta đã hấp thụ khi xưa. Phải chăng thanh thiếu niên phần nào có lý đề nghị thế? Phải chăng chiêu bài truyền thống và «văn hóa dân tộc» chỉ là tiếng kêu vô vọng của một nền văn minh đã bị chết và bị văn minh khoa học và kỹ thuật ngày nay loại ra ngoài vòng? Tôi rất yêu dân tộc, rất quý văn hóa dân tộc, vì thế mà đau lòng khi thấy những người xướng xuất văn hóa dân tộc không vạch ra được những nét căn-bản cho nền văn hóa của ta ngày nay. Nói ngày nay, nghĩa là một nền văn-hóa vừa dân tộc vừa hiện

ngang đứng vững ở giữa những trào lưu tư tưởng ngày nay. Thường người ta chỉ nói nhiều về văn-hóa dân tộc theo nghĩa một cái gì đã xưa, hay rất cồng kềnh nhưng không thể mang ra mà sống ở thời đại nguyên tử này. Văn hóa dân tộc theo nghĩa đó, cũng như truyền thống theo nghĩa thuyết bảo-thủ, là một cái gì ta phải tránh. Thanh thiếu niên chán ghét thứ truyền thống đó là phải vì cái đó là truyền thống tồi tàn, bất lực và bệnh hoạn. Truyền thống đó đồng nghĩa với «bảo tàng viện», đồng nghĩa với «lỗi thời». Tiến hóa là luật sinh-tồn của vạn vật. Cái gì không tiến kịp thời, sẽ bị đào thải. Còn gì đáng yêu bằng vẻ ngây thơ của trẻ em, nhưng nếu khi lên mười tám hai mươi mà vẫn ngây thơ như trẻ em lên bảy, thì thật là thảm hại. Cũng thế, truyền thống câu nệ là một thứ bệnh ấu trĩ đệt đời.

Một triết gia đã viết: *Truyền thống là cái mất gốc* (la tradition est oublieuse de ses origines). Truyền thống hay quên nguồn gốc của mình. Quên rằng những vị sáng xuất ra những nền tư tưởng ấy, những triết thuyết ấy, như Khổng - phu - tử hoặc như thánh Thomas, là những vị cứu tinh đã can đảm đưa ra một chương trình cải cách hòng cứu vãn một tình thế đang lâm nguy khốn đốn. Chính tài đức và lòng can đảm của các ngài đã làm các ngài trở nên những vị lãnh đạo tinh-thần của thời-đại các ngài và nêu gương cho hậu thế. Nhưng tài ba của ông thầy thường trở nên tai vạ cho môn sinh: môn sinh khâm phục thầy quá, phục sát đất quá nên không nhận định được rằng thời thế đã đổi thay và một giải pháp khác mới giải quyết nổi những khó khăn của thời đại mới này. Họ phục thầy họ quá,

nên không dám nghi khác và nghi hơn thầy họ nữa : thế là trong khi thầy họ là người thực tế và can đảm nhìn thời thế để tìm phương giải quyết, thì họ lại chỉ là những người ôm một mớ giấy và một mớ quan niệm suông. Họ đã trung thành với chữ của thầy, nhưng họ hoàn toàn bất trung với tinh thần cách mạng và thực tế của thầy họ. Họ đã quên nguồn, quên hình ảnh sống động của thầy họ. Họ đã mất gốc. Truyền thống của họ là một truyền thống chết.

B, — Lai-cảng mất gốc không phải là canh-tân.

Trên đây chúng ta vừa gặp nhóm bảo thủ. Không dè, họ giống như những nho sĩ cuối thế kỷ trước, những người đã « bẻ quan tòa cảng » làm cho dân ta rơi vào thế lạc hậu, thành mỗi ngon cho bọn xâm lược. Ai cũng kính phục thiện chí và thành tâm của họ, nhưng người ta hoài nghi về khả-năng của họ trong việc gây dựng một nền văn-hoá dân-tộc. Đứng cạnh những đám tân-học có thực tài, họ không giấu nổi những mặt cảm. Họ cũng biết và thăm đau đớn rằng đại đa số sinh viên không tin tưởng nhiều nơi họ. Nhưng nhìn sang các vị tân học đã thành tài, người ta lại cũng chưng hửng ! Người ta có cảm tưởng như họ là những ngoại nhân còn bị sót lại khi thực dân cuốn gói về nước : không nói đến sự nhiều vị quên cả tiếng mẹ đẻ, chỉ nói đến sự kiện đáng lẽ phải làm cho kẻ sĩ ứa máu mồm : đó là giáo-sư Đại-Học và sinh viên cùng là người Việt, mà thầy lại dạy trò bằng tiếng Lang-sa hay tiếng Hồng-mao ; Toà nhà Đại-Học là chốn cao-tôn nhất của một quốc gia, tượng trưng cho tinh

thần dân-tộc, vậy mà tiếng Đất Mẹ lại không được dùng, và người ta dùng tiếng ngoại-bang thay. Thế rồi sinh-viên phải lập ủy-ban vận động đưa tiếng Mẹ vào Đại-học : thật là một điều chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Tính cách mất gốc của một số kẻ sĩ tân học đang được phơi bày hàng ngày nơi hai loại sự kiện : nơi sinh hoạt của những người mang tên trí thức đã thành thân, và Đại Học đường, nơi đào tạo ra những thành phần ưu tú nhất của dân tộc.

Đời sống những vị tân học của chúng ta chẳng tân tí nào. Đời sống của họ cũ như truyện thực dân. Thực dân cúp đuôi về nước rồi, vì họ là thực dân ngoại bang, còn các vị nọ, xưa kia « ăn lương tây » « nhập ngạch tây », nay vẫn còn phây phây đê đầu cưỡi cò dân đen. Rồi những vị do Đại-Học của mình sản xuất cho dân tộc (kỹ sư, luật sư, bác sĩ, dược sĩ v.v...) phần lớn cũng sống thật cách biệt với dân chúng. Bây giờ đi vào các lớp giảng huấn của các phân khoa Đại-học. Phải nhận rằng trường Luật tiến nhất : đã dùng tiếng Việt giảng dạy và đã thực sự nghiên cứu về tập tục và luật pháp nước mình. Văn khoa cũng khá tiến bộ, mặc dầu tiếng Tây tiếng Tàu vẫn vang lên ở giảng đường, và công trình xây dựng văn hóa dân tộc mới chỉ ở trong mơ ước mà thôi. Chưa thấy có những tổ nghiên cứu. Sợ rằng, như bạn Trần-triệu-Luật viết trong BK số 237, Đại-học của mình vẫn chỉ là những trường Cao đẳng thôi. Chưa nghiên cứu, mình vẫn chỉ dạy cho sinh viên những cái mình học được ở Tây ở Mỹ, chưa đào bới những tài nguyên tinh-thần của dân tộc để xây

dựng văn hóa dân tộc. Còn nhìn sang một số phân khoa khác, ta thấy gì? Tôi sẽ không nói nhiều, sợ rằng không giữ được bình tĩnh và công bình, nhưng chỉ xin nói rằng: bao lâu Đại Học chưa dùng tiếng Việt để dạy sinh viên, thì kể là chưa bắt tay xây dựng cho văn hóa dân tộc. Còn dạy bằng tiếng Tây là còn duy trì truyền thống Tây, còn làm cho sự bắt đầu chậm đi những năm quyết định. Nói thế, vì thế nào rồi Đại học Việt Nam cũng phải dùng tiếng Việt Nam, Rõ như hai với hai là bốn. Nhưng chậm trễ bắt đầu, là đặt què hương vào cái thể đi chợ trưa: đi chợ trưa thì chỉ còn cá ươn và rau già. Giả thử mấy năm nữa Đại học ta mới dùng tiếng Việt và mới tiến, thì khi đó ảnh hưởng kỹ thuật, văn hóa, khoa học của Nhật, của Phi, của Tàu và có lẽ của Mên đã chiếm hết lãnh vực sống rồi. Minh đã chậm tiến, chậm quá rồi. Nếu nay lại cứ chần chừ không bắt đầu, thì chỉ có chết.

Hãy bắt đầu đi các ngài ơi! Bao lâu tiếng Việt chưa hoàn toàn dùng làm chuyên ngữ ở Đại học, thì công trình nghiên cứu không thể bắt đầu được. Chắc có ngài sẽ bảo tôi nguy luận. Các ngài cho rằng đã có người học và dùng tiếng Tây để nghiên cứu, và phải biết tiếng Tây tiếng Mỹ mới nghiên cứu được. Đúng lắm, nhưng đó là công việc nghiên cứu của *một hai người* thôi, không thể là cơ sở nghiên cứu quốc gia, giống như những tổ nghiên cứu của Hà nội chẳng hạn. Nói đến đây, tưởng cũng nên nhớ rằng công việc nghiên cứu khoa học, văn học, nghệ thuật ngày nay không thể là việc của cá nhân như thời trước. Thí dụ nguyên-tử học, từ đầu đến nay, luôn luôn là công việc nghiên cứu chung của những nhóm khoa-học gia.

Tại đâu Hà-nội thiếu phương tiện hơn ta mà họ đạt được những thành quả đến nỗi một số giáo sư ở đây phải nhờ tài liệu văn-học của họ? Chỉ vì họ có tổ nghiên cứu, có tổ chức và quy mô làm việc chung. Như vậy, bao lâu chưa dùng tiếng Việt ở Đại-học, thì công việc nghiên cứu không thể bắt đầu theo phương thức rộng lớn và lâu bền, xứng đáng một nền quốc học được.

Đề kết thúc, tự nhiên tôi nhớ đến câu nói của một giáo sư Đại-học trẻ tuổi, rất ghét Tây và tất cả những gì lai căng, nhưng nghe mấy vị « đông phương » đề cao « văn hoá dân tộc », ông thường nhăn mũi nói: « Truyền thống cái mẹ ranh gì. Chính trị hết ». Phải chăng lối truyền thống nọ là truyền thống chết, không có khả năng thu hút thanh thiếu niên vì nó không mang dân tộc đến một con đường sống? Nhìn vào sinh hoạt của dân chúng Việt-Nam, chúng ta thấy mọi sự đã đổi mới, không còn vết tích gì của thời các cụ đồ nho nữa: từ quần áo mặc đến cách xây nhà, từ xe cộ ta dùng đến cách trang trí căn phòng, từ hộp quẹt đến cái bút tờ giấy đều làm theo kỹ thuật quốc tế. Nói quốc tế, vì kỹ thuật và khoa học không có què hương: toán học ở Nga cũng chính là toán học ở Mỹ và xứ ta. Khoa học cũng thế, và y học cũng vậy: đó là di sản chung của loài người, mặc dầu nó được phát xuất từ Tây phương. Như vậy không ai có ý nghĩ là dân ta phải trở về với di vãng của mình, cùng với văn hoá và tôn giáo của mình xưa. Lịch sử đi không trở lại: hướng tiến của dân tộc không ở đằng sau, nhưng ở đằng trước. Hơn nữa lịch sử nhân loại đang ở nấc tiến nhanh: 50 năm vừa qua, khoa học và kỹ thuật đã tiến xa hơn 500 năm ngày xưa. Vô phúc

cho dân tộc nào không đi kịp đà tiến vì sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát và loại ra ngoài vòng. Vậy chúng ta phải gấp bắt tay xây dựng cho dân tộc một nền văn học hùng mạnh. Hãy bắt tay ngay hôm nay xây dựng Đại-Học Việt Nam. Truyền thống mù quáng là mất gốc. Lai-căng cũng mất gốc. Văn-học dân tộc đích danh là văn-học của người Việt-Nam hôm nay đón nhận tất cả những tinh hoa và tiến bộ của văn học thế giới, và đón nhận với *tu-chất* riêng biệt của mình.

Hai bọn sĩ phu ngày xưa, hủ nho và theo Tây, phần nào được gọi lên nơi hình ảnh của hai thứ kẻ sĩ hôm nay, phe truyền thống hẹp hòi và phe nói tiếng Tây. Phe truyền thống hẹp hòi giống như cây khô héo không hút được sinh khí của thời đại tân tiến nữa. Phe vọng ngoại lại không phải con tinh thần của Đất Mẹ : họ đầy sinh khí, dư khả năng, nhưng họ không xây dựng cho Đất Mẹ vì họ không đứng vào lòng dân tộc.

Chúng tôi tin tưởng rằng Ủy-ban vận động dùng tiếng Mẹ ở Đại-Học sẽ thành công. Khi tiếng Mẹ được dùng, chính là khi chúng ta bắt đầu xây dựng nền Đại-Học VN đó. Thoạt đầu sẽ khó khăn, sẽ nghèo nàn, nhưng ta bắt đầu có chút vốn. Với thời gian, nền Đại-Học VN sẽ trưởng thành mau lẹ, sẽ thu hút tất cả tinh hoa và sinh khí của văn học thế giới. Nền văn học VN khi đó là một cơ-thể tráng kiện, nó đồng hoá tất cả những gì nó lãnh thụ. Khi đó dân tộc ta có thể cất đầu lên mà không thẹn với dân tộc nào khác, vì ta có những ban nghiên cứu sử địa, ban nghiên cứu triết học, ban nghiên cứu y-học với tất cả những chuyên môn của nó, ban nghiên cứu vật lý v.v. Hãy bắt đầu đi ! Vạn sự khởi đầu nan, nhưng rồi những khó khăn đó sẽ được đền bù bằng những thành quả tốt đẹp và vững bền.

TRẦN HƯƠNG TỬ

(28-XI-66)

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

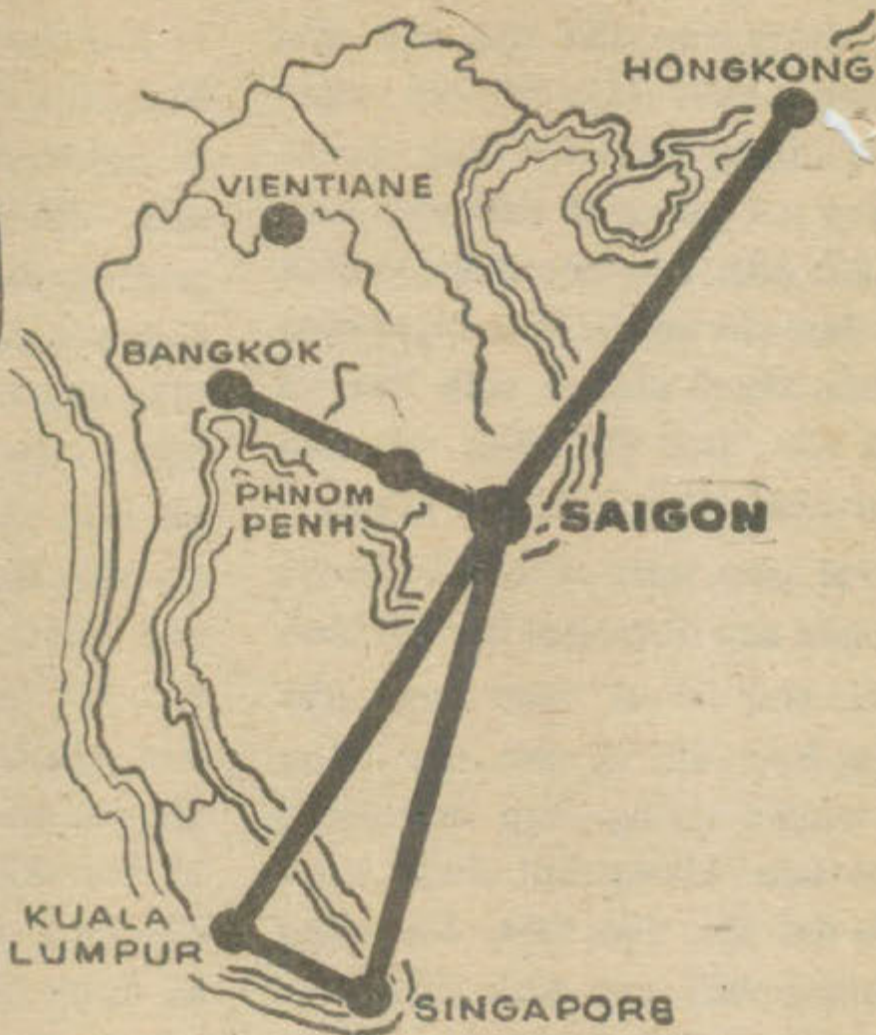
CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
 — Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

TRONG ĐÔNG-NAM Á

V
i
ệ
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
của ĐƯỜNG BAY

Haasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM  **HÀNG-KHÔNG**
116, HUYEN-HUE, SAIGON. 21.624-625-626

Nobel khoa - học 1966

• VÕ - QUANG - YẾN

Giải vật - lý - học : Giáo sư Alfred Kastler (Pháp).

Giải vật - hóa - học : Giáo sư Robert Sanderson Mulliken (Mỹ).

Giải sinh - lý và y - học : Giáo sư Peyton Rous và Giáo sư Charles B. Huggins (Mỹ).

Tính chất đặc biệt của những giải Nobel năm nay là không phải thưởng một phát minh mới lạ vừa qua mà chú trọng về thành tích căn bản của những nhà bác học đã thúc đẩy cuộc khảo cứu trong mọi ngành đi xa. Thật vậy, công tác khảo cứu về phương pháp « hút bơm quang học » của giáo sư Kastler (1) không phải đã được thực hiện những năm gần đây mà từ năm 1950, nghĩa là 7 năm trước khi luồng sáng Maser ra đời, 10 năm trước khi tia Laser được nói đến và 14 năm trước lúc những nhà vật - lý - học đem phương pháp hút bơm quang học ra ứng dụng thành Maser và Laser được thưởng giải Nobel (2). Qua địa hạt hóa học, khảo cứu về những phép nối trong phân tử cũng không phải là một công tác mới lạ mà thật ra giáo sư Mulliken đã bắt đầu từ năm 1925. Còn về sinh lý và y học thì có lẽ giáo sư Rous đã đạt kỷ lục về mặt này vì cực trùng gây ung thư ở trên cơ thể gà ông tìm ra được năm 1911 !

Nhân đây ta có thể đưa ra hai nhận xét :

— Thứ nhất là các nhà bác học có thể luôn luôn nuôi một hy vọng thường trực : giải Nobel có thể tới tay một ngày bất ngờ.

— Thứ nhì là không chỉ những cuộc khảo cứu ứng dụng, những phát minh có ích dễ thấy được thưởng giải mà những cuộc khảo cứu căn bản cũng được viện Hàn lâm Thụy - điển, nói riêng, giới khoa học, nói chung, luôn đề ý tới.

Lẽ tất nhiên các nhà bác học không phải khảo cứu để được thưởng giải Nobel nhưng giải Nobel, ngoài số tiền 300.000 coron Thụy - điển (khoảng 285.000 quan Pháp), còn là một khuyến khích lớn cho nhà khảo cứu. Khuyến khích này còn là sự sửa chữa một cuộc

(1) Xem bài « Laser, cuộc cách mạng thứ nhì trong ngành điện tử học », Bách khoa số 181.

(2) Xem bài « Nobel khoa học 1964 », Bách Khoa số 192

bất công trong trường hợp giải vật lý học năm nay.

Phương pháp hút bơm.

Thật vậy, năm 1964, khi có tin ba nhà vật lý học Townes, Prokhorov và Basov được thưởng giải Nobel vì đã sáng chế ra các tia Maser và Laser, tất cả các giới khoa học đều tự hỏi vì sao tên giáo sư Kastler không được nhắc đến. Công tác khảo cứu về phương pháp hút bơm quang học của ông không những là căn bản của cuộc phát sinh các luồng sáng Maser và Laser mà còn là một cuộc phát triển lớn lao trong ngành quang phổ nghiệm quang học. Vì vậy, năm nay Hội đồng thưởng giải Nobel khi đề nghị thưởng giáo sư Kastler không những đã làm một việc đúng lý mà còn đã tỏ ra biết tìm hiểu tất cả các cuộc khảo ứng dụng cũng như căn bản khắp mọi ngành.

Giáo sư Kastler, sinh năm 1902 ở Guebwiller ở miền Alsace, là một cựu sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm đường Ulm ở Paris. Ở trường ra, ông được bổ dạy ở một trường trung học ở Bordeaux rồi qua làm phụ tá ở viện Đại học khoa học. Ở đây, ông bắt đầu tìm ra được hướng khảo cứu: môn quang phổ nghiệm, và dụng cụ để thực hiện cuộc học hỏi: môn cơ học lượng tử. Biết vận dụng một cách tài tình, không mấy lúc ông trở thành một trong những nhà vật lý học giỏi nhất về lượng tử. Ông trình bày luận án tiến sĩ ít lâu trước đề nghị thể chiến về cuộc khảo cứu những dãy hấp thụ của hơi iốt, chẳng có gì đặc sắc nhưng làm cho giáo sư Rocard, giám đốc phòng thí nghiệm vật lý học ở Trường Cao đẳng Sư phạm đường Ulm đề ý. Năm 1941, giáo sư Rocard mời ông về đây làm giảng sư.

Bao nhiêu điều kiện để đạt được thành tích tốt vào một lúc đã may mắn tụ hợp lại: chỗ làm, người làm và ngay cả đề tài rút từ luận án tiến sĩ của ông ra. Dem khai triển, bồi bổ dần dần, ông cho ra đời phương pháp hút bơm quang học. Xưa nói ngay, khi được tin được giải Nobel giáo sư Kastler tuyên bố tức khắc thành tích cuộc khảo cứu của ông là do một nhóm khảo-cứu-viên thực hiện, trong số đó nhà bác học trẻ tuổi Jean Brossel, đã từng đi tu nghiệp ở Anh và Mỹ, là người cộng sự đặc lực nhất.

Chúng tôi đã có dịp bàn nhiều về phương pháp hút bơm quang học(2) nhưng cũng xin lược qua đây nguyên tắc đơn giản. Trong mỗi nguyên-tử có những điện tử chạy xung quanh hạch nhân, trên những mức năng lượng khác nhau. Những điện tử có thể mất năng lượng và chạy xuống mức dưới nhưng người ta cũng có thể cho nó thêm năng lượng để cho chúng chạy lên mức trên. Một hiện tượng đặc biệt là khi ở mức lớn, chúng rất dễ mất năng lượng để chạy xuống mức dưới. Từ năm 1917, nhà bác học lừng danh Einstein đã khám phá ra hiện tượng này, một cuộc khám phá đầy hứa hẹn về mặt ứng dụng. Nhưng muốn phương pháp có thể thực hiện được cần phải tích trữ một số điện tử ở mức năng lượng lớn để dần dần cho rơi xuống mức dưới và từ đấy thu lượm năng lượng đã phát ra.

Vào một thời buổi mà những nhà vật lý học xưa bảo chẳng còn gì khảo cứu nữa trong môn quang học, giáo sư Kastler có ý hay là kiếm cách «bơm hút» những điện tử ở một mức năng lượng thấp lên, không phải ở một mức cao hơn, mà hai mức cao hơn. Muốn bơm hút, ông dùng

những bức xạ để kích thích điện tử. Máy bơm hút của ông có thể xem như là một xe nước gồm có ba tầng mà tầng trên cùng là bể chứa đựng điện tử luôn luôn sẵn sàng cung cấp điện tử cho tầng thứ nhì và tầng dưới cùng và chính giữa hai tầng sau này mà ông thu lượm năng lượng đã phát ra.

Khi đã biết làm sao tụ tập được nhiều năng lượng rồi thì chỉ còn cần biết thêm một chi tiết nữa là hiểu được các tia Maser và Laser. Trong ánh sáng mặt trời, các điện tử chuyển động từ mức này qua mức khác một cách lộn xộn, các luồng sóng điện "hỗn độn" cả trong thời gian lẫn không gian. Trong máy bơm hút quang học, những điện tử cùng một lượt mất năng lượng để rơi xuống mức dưới, tất nhiên phát quang cùng lúc và ánh sáng phát ra không "hỗn độn" mà là «kết hợp». Tính chất của một tia sáng kết hợp là vừa rất lớn mạnh về mặt năng lượng, lại theo một hướng nhất định chứ không phải chiếu khắp tứ tung, như vậy ta hiểu vì sao tia sáng Maser hay Laser mãnh liệt vô chừng.

Chúng tôi xin miễn bàn ở đây về những ứng dụng ngày càng nhiều trong mọi lãnh vực của tia Laser vì quá dài dòng. Chúng tôi chỉ xin nói qua trong mặt thực hành, nhất là trong ngành y học, tia sáng này đã giúp ích biết bao các nhà bác sĩ, từ cách khâu ghép cương mô mắt bị bóc ra đến cuộc chữa những sùng phù, ung thư ở những chỗ khó đạt đến được.

Riêng về phần giáo sư Kastler phương pháp hút bơm quang học chưa phải là mục đích cuối cùng của cuộc khảo cứu mà chỉ là một bước đầu của một chương trình rộng lớn, một phương tiện để có thể tiến xa. Là một nhà bác học kiểu mẫu, khiêm nhường, từ tốn, ông còn là

một người yêu chuộng hoà bình, sẵn sàng bắt tay với các nhà bác học khác trong tinh thần của hội nghị Pugwash. Nhân viên của Viện Hàn-lâm khoa-học, được giải của thành phố Paris năm 1963, giáo sư Kastler hiện nay là một trong những nhà bác học lừng lẫy nhất của Pháp.

Quy-hình điện-tử

Nếu giáo sư Kastler thường được nhắc nhở về những ý tưởng hoà bình, thì giáo sư Mulliken, năm nay được giải Nobel vật hóa học, đã từng dính dấp không nhiều thì ít đến những thế chiến vừa qua. Thật vậy, trong thế chiến thứ nhất, ông khảo cứu về những khí độc. Từ năm 1942, ông lại làm việc trong kế hoạch Plutonium ở Chicago. Lẽ tất nhiên không phải nhờ những công tác về khí độc và bom nguyên-tử mà ông đã được giải Nobel năm nay. Hội đồng thưởng giải đã đề nghị tên ông vì đã đề ý đến những thành tích mà ông đạt được lúc khảo cứu về phép nối hoá-học giữa các nguyên tử.

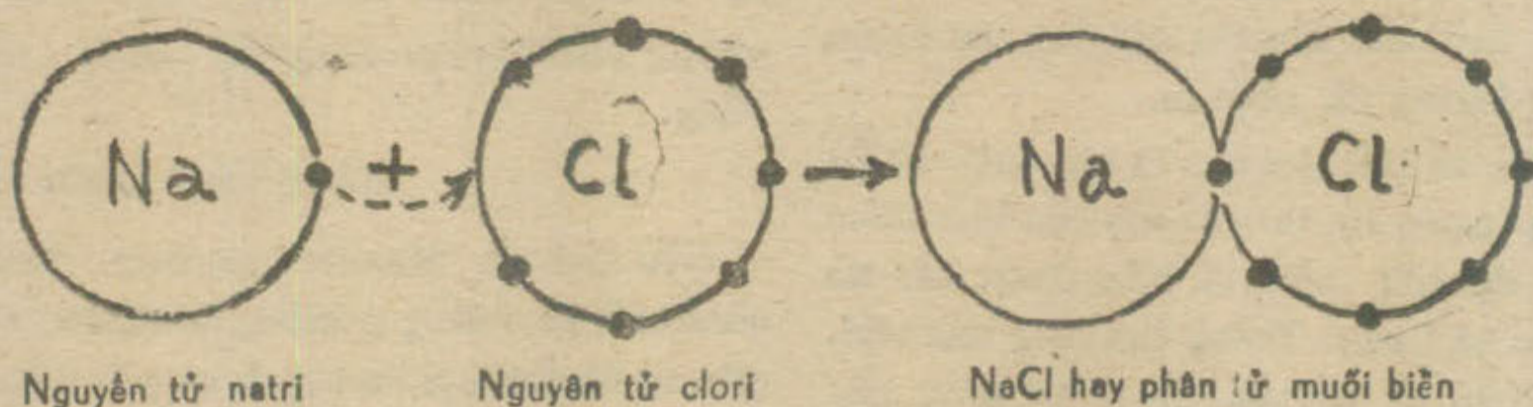
Nói cho đúng, công cuộc khảo cứu của ông không phải hoàn toàn hóa học mà là nửa lý học, nửa hoá học và thành tích chỉ có lợi ích về mặt lý thuyết. Từ năm 1931 đến năm 1961 ông đã là giáo sư vật lý học. Nếu năm nay giải vật hóa học về tay ông là vì ông đã biết áp dụng những phương pháp lý học lý thuyết để khảo cứu về các phép nối giữa các nguyên-tử.

Ngày nay người ta biết rõ hai nguyên tử muốn hợp lại với nhau để làm thành phân tử thường bỏ chung với nhau một hay nhiều điện tử ở lớp ngoài cùng (3).

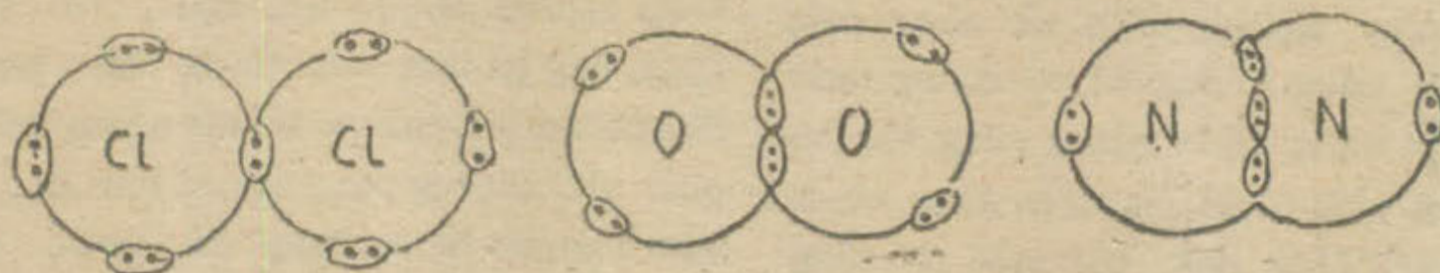
(3) Xem bài «Cấu tạo điện tử và hiện tượng hóa học», Đại học-Huế, số 18.

Ví dụ trong phân tử muối biển hay natri clorua NaCl có hai nguyên tử natri Na và clori Cl. Lớp ngoài cùng của nguyên tử natri chỉ có một điện tử độc nhất. Lớp ngoài cùng của nguyên tử clori thì

lại có đến 7 điện tử. Theo luật bát-độ điện-tử; các lớp ngoài cùng muốn chiếm đoạt thêm điện tử cho đủ số 8 cho nên điện tử bên nguyên tử natri dễ chạy qua lớp ngoài của nguyên tử clori.

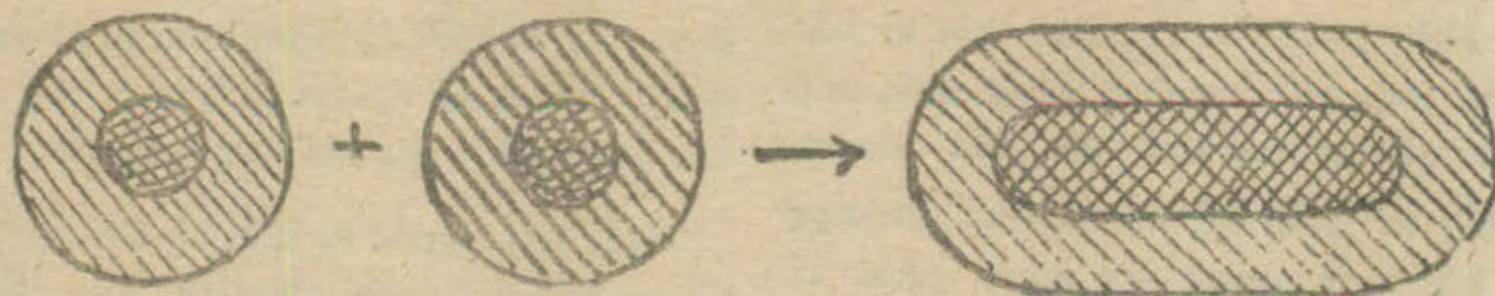


Các nguyên tử còn có thể bỏ chung nhiều điện tử với nhau : 2,4,6 như trong phân-tử khí clori CL₂, dưỡng khí (oxi)O₂, đạm khí (nitri) N₂.



Giáo sư Mulliken muốn tìm hiểu tính chất của những điện tử ấy cùng cách vận động của chúng từ một nguyên tử này qua một nguyên tử khác. Cuộc khảo cứu này quan trọng vì nhờ đấy mà người ta có thể suy đoán sức mạnh nối liền hai nguyên tử với nhau. Để bắt đầu ông học hỏi cử động của điện tử quanh hạch nhân trong nguyên tử đứng một mình. Cuộc

khảo cứu này dần dần đưa ông lại khái niệm một quỹ-hình điện-tử nghĩa là một hình trong ấy người ta có nhiều xác-xuất tìm ra được điện tử. Khi hai nguyên tử lại gần nhau để hợp với nhau qua một phép nối, hai quỹ-hình của hai nguyên tử cũng trà trộn với nhau để làm thành một quỹ-hình khác gọi là quỹ-hình phân tử.



Quỹ hình hai nguyên tử khinh khí (hytri) H

Quỹ hình phân tử khinh khí H₂

Công tác của giáo sư Mulliken ít được biết đến vì sau ông, giáo sư Linus Pauling, người đã được luôn hai giải Nobel hóa học và hòa bình, đã bồi bổ thêm nhiều và đưa ra những căn bản rất vững vàng cho môn hóa-học tối tân.

Ung thư muôn mặt

Rất đáng tiếc là những căn bản vững vàng như thế chưa được đưa ra trong địa hạt khảo cứu ung thư. Nếu hai bác sĩ Rous và Huggins là hai nhà bác học Mỹ thứ 29 và 30 được giải Nobel sinh lý và y học, và nếu người ta không kể nhà giải phẫu bệnh lý học Johannes Grib Eibiger năm 1926 cũng đã được thưởng vì công tác có dính dấp rất nhiều đến ung thư, đây là lần đầu tiên Viện Hàn lâm Thụy-Điền đã đề ý đến những thành tích trong cuộc chiến đấu chống chứng bệnh ghê tởm này. Đúng ra, Hội đồng thưởng giải đã tỏ ra vô cùng thận trọng vì từ một nửa thế kỷ nay, số công tác khảo cứu về ung thư không phải là ít và thành tích lắm khi cũng thật là quan trọng. Chọn hai bác sĩ Rous và Huggins để thưởng, họ đã đưa ra một ý tưởng tượng trưng vì đã chọn hai người khác hẳn nhau về phương pháp khảo cứu.

Bác sĩ Rous, năm nay 87 tuổi, là một nhà thực nghiệm, đã làm việc suốt đời ở Viện Rockefeller mà hiện nay ông là người kỳ cựu nhất và cũng là một người điều khiển được kính trọng nhất. Năm 1911, lần đầu tiên ông tìm ra được một cực trùng có thể gây ung thư ở gà mái, cực trùng này mang tên ông.

Chống với tính nhu hòa của bác sĩ Rous, bác sĩ Huggins là một người nóng tính. Ông thường bảo ông là một thầy thuốc tìm cách làm đỡ đau bệnh nhân trước đã rồi mới khảo cứu sau. Lúc ông đã lên tiếng công kích những đồng nghiệp chỉ cặm cụi với chai lọ, kính hiển vi hay với đàn chuột. Dù sao, thành tích của ông và của nhóm khảo-cứu-viên do ông điều khiển ở phòng thí nghiệm ung thư Ben-May ở Chicago cũng thật là đáng kể.

Khám phá quan trọng nhất của ông là một công tác chung với bác sĩ Hogges năm 1941: nhờ thực nghiệm ông đã chứng minh được vai trò trọng yếu của những kích-thích-tổ cái, trong cuộc chữa ung thư. Ông là người đầu tiên đã tranh đấu cho sự cần yếu, trong trường hợp ung thư ở vú, cắt luôn cả sừng phù lẫn những tuyến nội tiết, theo ông, đã làm sừng phù nặng thêm: thận, noãn sào, não thùy. Đồng thời ông xác định những phương sách trị liệu những sừng phù ở vú với kích-thích-tổ. Cách trị liệu này thường được sử dụng cùng với những phương pháp thủ thuật và xạ liệu. Những năm gần đây, cùng với các nhà cộng sự, ông đã khảo cứu nhiều về cơ-chế căn-bản cách gây ra ung thư với các hóa chất.

Nhân tìm ra được những hydrocarbua thơm (4) gây ra rất dễ ung thư trên vú chuột, ông đã lập ra một phòng thí nghiệm vừa đề học hỏi cách phát triển ung thư khi cho các hóa chất ấy vào, vừa đề khảo cứu cách trị liệu những ung ấy với kích thích tố. Nghiên cứu môn hình-học các phân tử gây ung thư, ông và các nhà cộng sự đã chứng minh những hóa chất ấy vì có những tính chất chung với những axit nucleic nên đã đột kích vào được các axit nucleic đặc biệt của những tế bào ở vú. Khi biết vai trò trọng yếu của axit nucleic trong cuộc chế tạo tế bào mới (5), ta hiểu ngay vì sao ung thư dễ hiện ra.

Nếu bác sĩ Huggins chỉ chú trọng về mặt gây ung thư với hóa chất, bác sĩ Rous vẫn luôn luôn đeo đuổi vạch mặt cực

4) Xem bài « Hóa chất hữu cơ và bệnh ung thư », Đại học Huế, số 7.

(5) Xem bài « Nobel khoa học 1962 », Bách khoa số 145.

trùng mà mẫu đầu tiên ông đã tìm ra được năm 1911. Tuy nhiên ông đã phải đợi đến năm 1953 mới thấy nó được rõ trong kính hiển vi điện tử. Buổi ban đầu thật là khó khăn vì không mấy ai tin ông và lắm người không ngần ngại lên tiếng chỉ trích. Ngày nay « cực trùng Rous » được học hỏi trong mọi phòng thí nghiệm khảo cứu về cực trùng ung thư.

Người ta có thể nuôi nó và đem gây ung thư ở nhiều loại chim. Người ta lại tìm thấy cực trùng này không những chỉ đột kích vào một vài loại tế bào chỉ diệp mà thôi mà còn có một tính chất khác nữa là khi yếu khi mạnh, khi nhác nhớt, khi hoạt động mạnh. Hiện tượng này giáo sư André Lwoff (giải Nobel sinh lý và y học năm ngoái) cũng đã nhận xét khi học hỏi với vi trùng lysogétie. Với hiện tượng này người ta hiểu tất cả khó khăn của nhà khảo cứu khi muốn vạch mặt cực trùng.

Dù sao, sau bước đầu của bác sĩ Rous, sau những công tác của bác sĩ Oberling luôn đồng ý với khái niệm cực trùng, các nhà bác học hiện nay đang khảo cứu nhiều về cực trùng ung thư ở trên bò cũng như ở trên chim, chuột. Còn cực trùng ung thư ở trên người thì hiện chưa sao học hỏi được vì một duyên cớ rất giản dị nhưng nan giải là không thể thí nghiệm trên người!

Ung thư muôn mặt. Cùng một sùng phù mà là nơi hội ngộ của nào cực trùng; hóa chất, nào bức-xạ, kích thích tố. Tác nhân gây ung thư đủ loại và vô số. Chỉ có một điểm chung là cơ chế tế bào hỗn loạn. Đây là điểm còn cần phải tìm hiểu. Tế bào bị hỗn loạn lại lan tràn khắp cơ thể. Đây lại là một điểm khác cần phải kiếm cách ngăn cản. Ngoài môn thủ-

thuật và xạ-liệu, bác sĩ Huggins đã có ý hay dùng hóa-chất ngăn cản ung thư. Kết quả khả quan từ năm 1941 đã thúc đẩy ngày nay một cuộc khảo cứu đầy hứa hẹn.

Nói như bác sĩ Escoffier-Lambiotte trong báo Le Monde mà chúng tôi đã đã dùng để làm tài liệu, giải Nobel sinh lý và y học năm nay thật đã là một cuộc tổng hợp trong công tác bài trừ ung thư: Rous, con người của phòng thí nghiệm và cực trùng, Huggins, chuyên viên của bệnh viện và môn trị liệu bằng hóa chất.

VÕ-QUANG-YẾN

SÁCH MỚI

Bách-khoa Thời Đại đã nhận được, do Cục Tâm-lý-chiến Q. L. V. N. C. H. gửi tặng, những tác-phẩm sau đây của phòng văn-ngệ Cục Tâm-lý-chiến xuất bản nhân dịp «Tuần-lễ Văn-hóa Quân-đội Quốc-khánh 1966»:

— **Mây trắng đồn xa** tập truyện của Huy-Phương, gồm 9 truyện ngắn, dày 158 trang, mẫu bìa của Hiếu Đệ.

— **Một chuyến về phép** tập truyện của Huy-Vân, gồm 11 truyện ngắn, dày 158 trang.

— **Ngọn đời máu** truyện dài của Minh Triệu, dày 108 trang.

Trân-trọng cảm ơn Cục Tâm -lý-chiến và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc BK. TĐ.

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN - THÊM

Chiến-tranh Đông-Dương

Tùy quan-điểm, cuộc xung-đột lớn lao này có thể gọi là chiến-tranh giành độc-lập, chiến-tranh chống Đế-quốc và giải phóng dân-tộc, hay chiến-tranh chống Cộng và bảo vệ tự-do...

Thực ra, nó bao gồm tất cả các ý-nghĩa, tính-cách và mục-đích kể trên, lại chỉ tạm ngừng đề chuyển sang giai-đoạn khác. Bởi thế, và để tránh mọi thành-kiến có thể làm sai lạc nhận-định, đành gọi theo lối quốc-tế và khách-quan là chiến-tranh Đông-Dương.

Chiến-tranh Đông-Dương đã làm đầu đề cho hàng vạn bài báo và hàng trăm cuốn sách, lại được gọi ra trong hàng ngàn văn-kiện ở ngoại-quốc. Nhưng trên đất này, tại chính nơi nó đã xảy ra, rất ít thấy tài-liệu do người VN phổ biến.

Sự-trạng này rất lạ-lùng, khi cả một thế-hệ đã nhìn rõ khói lửa, chịu đựng súng đạn và mọi nỗi đau khổ, và hiện nay, còn biết bao người đã từng lăn lóc trên các mặt trận và sống sót với những vết thương ở thân-thể hay trong tâm-hồn.

Thế mà viết về cuộc đổ máu dào dạt ngót mười năm, viết nhiều nhất những trang sử bi-đát và hào-hùng của chúng ta, lại là những ký-giả ngoại-quốc, chánh-khách ngoại-quốc, văn-nhân ngoại-quốc, quân-nhân ngoại-quốc : phải chăng ở cả lãnh-vực này, chúng ta cũng trông cậy vào ngoại-viện ?

Thì hãy nên trách mình trước : vì thế, tôi đã cố theo dõi chiến-sự và sưu-lượm tài-liệu. Khờ cho tôi, là phần lớn giấy tờ đã bị lạc ở Bắc-Việt từ 1954, và đã phải tìm lại một cách rất khó-khẩn để bổ khuyết những ghi nhận vụn-vật trên vài cuốn sổ nhật-ký.

Thôi thì đành tóm tắt, và tự an ủi rằng những người ít tuổi chưa biết câu chuyện quá dài, chỉ cần có một ý-niệm giản-lược, đề rồi ra tự mình tìm hiểu nhiều hơn.

Và lại, những sự mà chính tôi đã muốn biết rõ, không phải là các chi-tiết thuộc từng biến-chuyển, song là những yếu-tố cho phép giải đáp một câu hỏi : vì sao Pháp cùng chánh-quyền quốc-gia VN 1954 đã phải bỏ miền Bắc và rút về miền Nam ?

oOo

Sau vụ đồ vờ, người ta đã oán hận và đả kích lẫn nhau. Bao gia-đình phải bỏ quê hương,

Nhưng dở hay, thì sự đã rồi. Tất cả vấn-đề, là bởi đâu đã xảy ra sự đảo ngược thế cờ 1946 ? Vì những gì đã xui nên thất-bại, rất có thể còn gây thất-bại nếu người ta lại sớm quên.

oOo

Các nguyên-do trực-tiếp, chắc phải nằm trong lãnh-vực quân-sự. Thua trận, tất-nhiên vì đánh kém. Song có thể nào như vậy, ở những binh hùng tướng dũng ? những đệ-nhi sư đoàn thiết-giáp Leclerc ? những Nhảy Dù mũ đỏ hiên-ngang những Tabors lực-lượng châu Phi ? Và bao nhiêu minh-tinh rực-rở : 5 sao Carpentier, Navarre, 4 sao Valluy, Blaizot, Salan, 3 sao Alessandri, De Linares, De la Tour, 2 sao với bằng tiến-sĩ Cogny ?...

Ấy thế mà họ không thành công, với những chiến-lược chiến-thuật đã mấy đời thử thách, theo truyền-thống Turenne, Napoleon I hay Foch. Áp dụng ở Âu-châu, binh-pháp đó đã giúp cho chiến thắng, cứu quốc, và lưu danh muôn thuở. Nhưng khi được thí nghiệm ở đồng ruộng và nhất là rừng núi VN, nó vẫn không ngăn nổi những vụ phục-kích phá hủy từng đoàn quân xa hay sát hại hàng trăm binh sĩ. Nó lại càng tỏ ra vô-hiệu trong sự tái lập an-ninh là mục-tiêu cuối cùng của Pháp và của chánh-quyền quốc-gia VN.

Từ tháng 2/1947 đến tháng 6/1954, chẳng tháng nào không có những cuộc hành-quân qui-mô với sự tham gia của các binh-chủng, được tru hoạch rất công-phu, tiến thoái liên lạc theo đúng địa-điểm và thời-gian ấn định, nào thế gọng kìm gọng kẹp, đề bắt địch giao chiến, nào thế vòng quanh đánh tả đánh hữu vv... Không thiếu chi cả, chỉ thiếu cái quan trọng nhất, là đối-phương: nó thường đi đằng nào chẳng biết mà cũng không buồn treo miến-chiến-bài. Ấm ầm ra đi thì lại ấm ầm kéo về, bắn thị-oai hàng vạn phát đạn, tiêu phí hàng chục triệu quan : như trường-hợp hành-quân *Phoque* (11/10/1950) chiếm đóng Thái Nguyên vẹn vẹn 10 ngày ; — hành quân *Đồng Tháp* (13/4/51) hành quân *Hautes Alpes* (27/3/53) tại vùng *Điện-Hồ*, *Sầm-Sơn*, *Thanh-Hóa*.....

Địch đã cố-ý lánh mặt, thì không lên rình sao bắt gặp ? Hà-tất phải có bằng tốt-nghiệp Tham-Mưu mới biết lối mèo săn chuột. Mỗi khi xuất quân, hàng chục cam-nhông, háp-tờ-rắc, tàu bò mở máy chạy như phá đường, lại cồng kênh chở theo hàng tạ dụng-cụ thực-phẩm, trong khi địch chỉ có khẩu súng, băng đạn, hai chân leo khỏe và bò nhanh. Rồi các đoàn công-voa hay bị đánh tai-hại, hết chuyển này đến chuyển khác, lúc qua lại giữa hai rặng cây hoặc ven núi, từng loạt súng từ cao lia xuống hay mìn giấu trong bụi nổ tung; nhiều lần số xe bị phá và người bị chết bị thương lên tới hàng trăm: như vụ phục-kích trên đường Saigon-Đalat (13/1/1948) đường Saigon-Biên Hoà (13/2/50) đường Đalat—Ban-Mê-Thuột (1/4/50) thung-lũng Đông-Khê (8/10/50) giữa Qui Nhơn — An Khê (29/1/53)....

Tồn-thất như vậy thường do sự hiển-hiện quá lộ liễu trước một đối-phương quen ăn nấp và đánh úp. Hại hơn nữa, Pháp còn đề cho địch làm chủ ban đêm và lợi dụng cả bóng tối mà tăng sức công phá. Pháp chỉ ra khỏi căn cứ bao ngày từ

5 giờ sáng đến 5 giờ chiều, sau đó thì đóng chặt cửa đồn, tức là chuyển từ thế công sang thế thủ. Lệ bất-dịch này được theo rất đúng ở khắp Đông Dương, vì hai lẽ: tiết kiệm sức lực của binh sĩ, e ngại nguy-hiểm nếu mò mẫm trên những vùng không quen thuộc nhiều, khi dân-quân địa-phương biết từng ven ao bờ ruộng. Nên địch thừa cơ vây đánh, hoặc đập ụ, xẻ đường, gài mìn; mìn thường nổ lúc đơn-vị đầu tiên vừa ra khỏi đồn đi tuần buổi sớm.

Đồn bót dĩ nhiên là tối cần, song nếu quá nhiều, thì phương hại rất nhiều đến sự hành quân. Quân số Pháp, kể cả da đen, không bao giờ quá 350.000, thế mà phải đóng rải rác khắp Đông Dương, từ biên giới Hoa Việt đến Vịnh Thái Lan, biết bao nhiêu người cho vừa? Bởi vậy không lấy gì làm lạ, khi De Lattre đương đầu với 40 tiểu đoàn VM từ Vinh Yên đến Đông Triều (13-18-1-51) phải trưng dụng tất cả máy bay quân sự dân sự để chở gấp viện binh từ Nam Vang và Sài-Gòn ra. Đầu 1953, số đồn ở Bắc Việt lên tới 917, và tổng số quân đồn trú khắp trung Nam Bắc Việt và Mên Lào, vượt quá 100.000, nên Navarre không còn đủ lực lượng lưu động để tấn công ở nhiều mặt trận. Trong khi đó, đối phương chẳng cần bảo vệ phòng thủ chi hết, chỉ việc rình đánh tiến đánh mà thôi, lại còn tăng cường rất chóng, nhờ sự giúp đỡ của Trung Cộng: cuối 1952, Võ Nguyên Giáp điều khiển 125.000 chính quy, 75.000 chủ lực, 150.000 du kích các hạng. Các đơn vị VM không bị cầm chân một chỗ cố định, nên tuy không đủ quân xa và không có phi cơ, vẫn mặc sức văng lai, đi đâu và lúc nào tùy ý: sự di chuyển mau lẹ, phải chăng là điều-kiện tối yếu để nắm phần chủ-động ở chiến-trường? Pháp thừa rõ mà sao không tự liệu?

Sự tai hại còn thê thảm hơn, khi đồn bót đặt không đúng chỗ hoặc ở nơi không thể giữ được vì địa-thế hiểm trở, tiếp tế và cứu viện đều khó khăn. Đó là tình trạng rất nhiều căn cứ, nhất là tại thượng-du Bắc Việt: Lao Kay, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, vv... Đến khi đồn bị công hãm, thì sự triệt-thoái thành một vấn-đề nan giải: hễ ra khỏi là bị chặn đánh. Ngày 3-10-50, Pháp bỏ Cao Bằng định về Thất Khê ở phía Nam, thì giữa đường lọt ổ phục kích tại Đông Khê, số bị chết bị thương và bị bắt vượt quá hy vọng của VM: 75 sĩ quan, 292 hạ sĩ, 2949 lính, theo lời thú nhận của Bộ trưởng Letourneau trước một Quốc hội vô-cùng sôi nổi. Ngày 17-10-50, đại tá Contans thoát từ Lạng Sơn về được Phủ Lạng-Thương, với vài tiểu-đoàn, thì tỏ vẻ rất hân hoan cùng báo giới, tưởng chừng vừa thắng lợi vẻ vang.

Tuy vậy, — và thật lạ quá, — Pháp cứ thối nào tụt ấy, quả là chết cũng không chừa. Đồn lớn Nghĩa Lộ bị cô lập từ lâu và bị tấn-công nhiều lần, rồi thất thủ ngày 8-10-52 Pháp lại từ đó rút về đóng tại một nơi hẻo lánh khác, (4-11-52) Na-San được xây kiên cố, nhưng bị đánh mạnh vài lần, Pháp phải bỏ ngày 13-8-53. Đáng lẽ phải rút bài học và xét lại toàn diện vấn-đề trú quân, thì ngày 20-11-53, Tổng tư lệnh Navarre lại mở cuộc hành quân Castor đưa 6 tiểu đoàn tới lập căn-cứ đại quy mô Điện-Biên-Phủ, một nơi trũng chung quanh có núi mà không liệu trước địch có thể từ trên cao bắn xuống. Rồi quả nhiên sự đáng ngại đã xảy ra. Ngày 14-2-54 bảy đồn đều bị vây kín vòng trong vòng ngoài do các sư đoàn 304VM, số 308, số 312, số 316,

đại đoàn 351. Rồi cái gì phải đến đã đến, nghĩa là trong 55 ngày đêm, bão lửa đổ sập xuống 12.000 quân, cho 4000 thiệt mạng, và 8000 bị bắt bị thương, khiến vô nghiệp của Navarre tận cùng với trận này và cuốn sách của đại-tướng ghi nhớ những ngày hấp hối của Đông-Dương, *L'Agonie de l'Indochine*.

Nhưng cuộc đại-bại này đâu phải là tội của riêng ai, tuy quý-ông danh-tướng hồi đó trót quên lời dạy của Nã-Phá-Luận: đồn-lũy chỉ xây ra để cho người ta chiếm, *les forts sont faits pour être pris*. Xét cho cùng, vụ Điện-Biên-Phủ chỉ là hậu-quả khó tránh của bao nhiêu lỗi lầm đã kè, nhất là của một sự-kiện tối-ky trong việc cầm quân: sự thay đổi quá nhiều chủ-tướng, và tệ hơn nữa, sự mâu-thuẫn trầm-trọng giữa các cấp chỉ-huy. Mỗi ông một kế-hoạch, một chiến-lược, vì tự-ái, đố-ky, hay tương tranh quyền-bính. Nhưng trong mấy năm trời, kiểm-duyet của nhà binh đã bịt kín những vụ xung-đột nội-bộ, nên mãi đến sau tháng 7/1954, khi cháy nhà mới thò ra mặt chuột.

Từ 1947 đến hết 1948, tướng Valluy và tướng Blaizot nắm chắc các thành-phố, kiểm soát mấy trục giao-thông chính, đồng-thời tìm cách bao vây để bóp ngạt đối-phương: một mặt, xua đuổi xa xung chiếm đóng, một mặt ngăn chặn không cho chạy thoát sang Tàu. Bởi thế, các ông mở những cuộc hành-quân từ đồng bằng lên mạn núi Bắc-Việt, và án ngữ tại những căn-cứ Lao-Kay, Cao Bằng, Lạng-Sơn v.v., vì tin rằng đóng ở mấy nơi kia cách nhau hàng trăm cây số, là khép kín được một giải biên-thùy núi non trùng điệp: sự ngậy thơ này khỏi cần chứng tỏ, tuy hơi khó tưởng tượng.

Tướng Carpentier sang làm Tổng-tư-lệnh, là một người chưa từng biết gì về Đông-Dương. Theo một nhà báo, thì khi được bổ-nhiệm, ông mới vội tìm một địa-đồ xứ này để coi lần đầu. Nên khi mới nhận chức, ông dành ý vào Tư-lệnh miền Bắc là Tướng Alessandri, một quân-nhân quen biết từ lâu cả đất lẫn người Việt, Thái, Thổ, Mán, Mèo.. Ông này chủ trương: chiếm hết trung-châu, nhưng không chờ địch về quấy rối, phải đem đại-quân phá địch tại sào-huyệt bốn góc Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Yên Bái, nghĩa là vào tận hang hùm bắt cọp, theo lối Ban-Siêu nhà Hán chinh phục Tây-Vực Thổ-Phồn. Bởi thế, vùng chiếm đóng lan rộng ở đồng bằng, hồi 1949 và đầu 1950. Nhưng vì hai tướng có chuyện bất-hoà, Carpentier bác bỏ kế-hoạch kia, và ở nhiều trường-hợp, tự ý ra lệnh thẳng, lại đi ngược đường lối Alessandri. Tướng này quyết giữ Lạng-Sơn, Carpentier bắt rút. Khi phải bỏ Cao-Bằng, Alessandri đòi rời quân bằng phi-cơ cho đỡ nguy-hiểm, Carpentier truyền phải đi bộ: nên các đoàn quân của đại-tá Charton và đại-tá Lepage bị chặn đánh tại Đông-Khê. Cứ như thế, sự mâu-thuẫn kéo dài đến cuối 1950, khi tình-thế trở nên vô-cùng nghiêm-trọng, nhiều sư-đoàn VM lấp ló bên cửa ngõ trung-châu. Chính khi đó, tướng De La Tour được chỉ định tạm thay Alessandri, lại vội vã sửa soạn bỏ hết miền Bắc, và ra lệnh tản-cư đàn bà con trẻ Pháp ở Hà-Nội (tháng 12/ 1950).

De Lattre de Tassigny được cử sang cứu vãn, dự tính cải tổ sâu rộng đoàn quân Viễn-chinh. Nhưng vừa tới Hà-Nội, tướng này đã phải đối địch trong nhiều trận lớn, mỗi lần với vài chục tiểu-đoàn, tại Vinh-Yên (12-21/1/51) Mạo-Khê-Đông-Triều (29-31/3/51) Ninh-Bình (28/5-16/6/51) Nghĩa-Lộ (2/10 — 5/10/51) v.v. Nhưng ông quyết đánh trả mạnh, vì biết rằng lùi và đợi giữa lúc khí-thế địch đương hăng, là tự dẫn vào chỗ thảm-bại. Vì thế, cứ sau mỗi phen ngăn chặn và phá vỡ được các cuộc tấn-công ào ạt, ông liền thừa thế phản công và chiếm lại vai trò chủ-động như ở Sơn-Tây, Phủ Lạng Thương (23/1/51) Hà Nam (4/2) Ninh-Bình (13/2) Bình Lu, Phong Thổ (15/2) Lục Nam, Đông Triều (5/4) Gia Lộc, Hải-Dương (1/5) Phủ Lý, Nam Định (18/6) Vĩnh Ninh (4/7) Trà Lý, Thái Bình (9/9—25/9), và ngày 31/11, 17 tiểu-đoàn Pháp tái chiếm Hoà Bình đề từ 3 đến 15/12 kịch chiến với 2 Sư-đoàn VM.

Hai bên cùng bị thiệt hại nặng, nhưng với phản-lực của De Lattre, Hà-Nội còn đứng vững, và trung-châu chưa thể bị thôn tính trong thời-gian ngắn. Chẳng may cho đoàn quân Viễn-chinh, De Lattre bị đau và qua đời. Raoul Salan, với một uy tín và dũng-lực kém xa De Lattre, được cử lên thay ngày 6/1/52. Ông vội vàng ra lệnh rút về Hà Đông 22.000 quân mà chính De Lattre đưa tới Hoà Bình để làm mồi dử đánh các sư-đoàn 304 và 308 đương lần quét bên sông Bờ và quanh núi Ba Vì. Ngày 6/5, ông tuyên bố nên tụ tập lực-lượng để bình định trung-châu. Kế đó, ông mở nhiều cuộc hành-quân táo thanh đồng ruộng : hành-quân *Dromadaire* ở Hưng Yên, Bùi Chu (15/5) hành-quân *Tango* tại Sông Đuống, Hưng Yên, Phúc Yên (18/5) hành-quân *Antilope* vùng Phủ Lý, Hưng Yên (2/6) v.v...

Tuy thế, hình như ông không giỏi tiên liệu và quyết đoán, nên lối tiến thoái không rõ-rệt, cách ứng phó thường lúng-túng. Đã định bỏ thượng-du, lại cho đóng ở Na-San để bị tấn công; và khi thấy Nghĩa-Lộ thất thủ (3/10) ông mở cuộc hành quân *Lorraine* lên phía Hưng Hoá, Phú Thọ, Yên Bái, rồi bị phản công rất mạnh, đành rút về mạn dưới. Đột-nhiên địch mở mặt trận Lào, ông vội bỏ mặc trung-châu Bắc-Việt mà ông đã hứa năm vững, để lập cầu không-vận chở 12.000 quân sang cứu Đông Chum (19-4-53) ông cam kết bảo vệ Luang Prabang chống xâm lăng. Nhưng địch không hề đánh, chỉ giả vờ và đe dọa cho Salan tổn công phân tán lực lượng. Trong khi đó đồng bằng Bắc Việt bị phá hoại mạnh: như ở tỉnh-lỵ Kiến An (20-4) thành phố Nam Định (28-4) đại xã Đồng Quan (4-5) và đồn lớn Yên-Vi (10-5).

Chánh phủ Pháp thấy cần thay đổi, nên ngày 28-5, cử tướng 5 sao Henri Navarre sang thế Salan. Lại một kế hoạch nữa được đem ra thí-nghiệm : giao cho quân-đội VN nhiều trách-nhiệm hơn, rút nhiều tiểu-khu cho những tiểu-đoàn khinh-quân mới lập, tập trung lực-lượng để chờ dịp đánh mạnh, tăng phần tiếp-viện cơ-giới và chuyên-môn : nghĩa là vẫn chưa thấy chủ-ý và chiến-lược. Dù sao, bốn tỉnh miền Nam Trung-Việt, Bình, Phú, Nam, Ngãi được chuyển cho Trung-tướng Thủ-Hiến Phan-Vấn-Giáo đề tùy nghi tiểu-phủ : kết-quả ra sao, không cần phải nói. Còn sự tập-trung, thì quả là tài-tình : dồn về

Điện-Biên-Phủ, lập căn-cứ rất lớn nhằm mục-đích ngăn chặn VM không cho qua Lào, đồng-thời bảo vệ miền trung-du. Giữa lúc đó, Navarre tuy chuyên về tình-báo, yên trí rằng 78 tiểu-đoàn địch còn mãi đe dọa trung-châu, nên ông cố tìm cách xua đuổi: hành-quân *Brochet* đánh trung-đoàn 42 VM, tại Thái-Bình Ninh-Bình, hành-quân *Mouette* ở Nho-Quan Phát-Diệm Thanh-Hoá, đề dầy lui các sư-đoàn 304 và 320; nhưng từ 15 đến 23-10, chẳng gặp bóng ma nào cả. Rồi ngày 8-2-54, ông lại cho đi duyệt sư-đoàn 308 ở phía Luang Prabang. Có biết đâu tất cả các đơn-vị đó đã lạng-lẻ kéo về bao vây Điện Biên Phủ, và ngày 13-3 khởi cuộc tấn-công.

oOo

Tóm lại, sáu tổng tư-lệnh, cùng sáu bảy kế hoạch khác nhau. Hình như người ta quên rằng trong Thế-chiến II, từ 1941 đến 1945, chỉ có một Eisenhower ở chiến trường Âu-châu, và một Mac Arthur tại Thái-Bình-Dương.

Thực ra, những tướng thật giỏi, nếu còn có thoai thác, đâu có chịu sang đây cầm quân: như đại tướng 5 sao Alphonse Juin chẳng hạn, Ông thừa biết rằng có lãnh trọng-trách cũng không ích gì, vì tổ-chức và cục-diện chánh trị đệ tứ Cộng-Hoà Pháp không cho phép đặt rõ và theo đúng một chánh-sách chiến-tranh nhất định, điều-kiện căn-bản của sự thắng-lợi. Ông đã đặc-biệt lưu ý chánh-phủ Ba-Lê về điểm tối yếu này, nhân dịp điều tra tình-hình Đông-Dương sau vụ Đông-Khe

— Chúng ta muốn gì? Muốn đánh cầm chừng đề rồi điều đình với Hồ Chí Minh như tướng Revers đã đề nghị? hay muốn bỏ cuộc rút lui sau khi đưa việc Đông-Dương ra Liên Hiệp-Quốc? hoặc muốn thắng trận và ở lại xứ này? Ở trường hợp chót, toàn thể quốc-dân Pháp phải coi chiến-tranh Đông-Dương là vấn-đề quốc-gia trọng-đại, và chính-quyền Pháp có nhiệm-vụ huy động toàn-lực ứng chiến không thể nào theo dõi gọi là, cách 12.000 cây số, và phó mặc cho một đoàn quân viễn-chinh. Đoàn này cần được cải tổ toàn diện, tăng cường đến mức tối-đa, nhất là gột bỏ mọi hình-thức đánh thuê (*mercenaires*). Phải sớm thành lập quân-đội quốc-gia để người bản-xứ thay ta mà chiến đấu cho đất nước họ. Trong khi chờ đợi, phải đổi chiến-lược, xét lại tất cả hệ thống phòng thủ. Phải phòng thủ bằng cách tấn công (*défensive-offensive*) vì chỉ tự vệ là chờ thua trận. Phải triệt thoái nhiều căn-cứ không cần-thiết, lưu-động-hoá các lực-lượng, lập những đơn-vị dễ di chuyển hơn, và có hàng ngàn phi-cơ thay vì hàng trăm, để đánh tận các địa điểm xa xôi hẻo lánh nhất. Không thể dè sẻn nhân-lực cùng vũ-khí. Nhưng liệu nước Pháp có quyết định không?

Chánh-khách nào và chánh-phủ nào trả lời nổi câu hỏi của tướng Juin? Làm sao có được một lập-trường chung đối với Đông-Dương, khi mỗi chánh phủ chỉ đứng vững ít lâu, và khi các đảng phái cũng chia rẽ như các tầng lớp dân-chúng? Phe thì muốn ủng hộ giải-pháp Bảo-Đại và đòi đánh mạnh như Cộng-Hòa-Bình-Dân với Bidault và Coste-Floret; phe thì muốn bắt tay trở lại với già Hồ, như Xã-

Hội và Ramadier. Hữu-phái gây tiết-lộ về phúc-trình bi-quan của Revers đề lật đổ tướng này, một quân cờ của các phái tả. Tả-phái xúi giục thợ thuyền và lính thủy đình công, đề trở ngại việc chế-tạo và vận-tải súng đạn... Rút lui hẳn ? Cực-hữu phản đối kịch-liệt. Tăng quân-phí theo mức cần-thiết ? Cực-tả chống chọi bằng đủ mọi luận-điệu. Phải có uy danh như De Lattre mới đòi gấp được viện-binh, mà cũng chỉ có 15.000, còn nếu thiếu tiền thiếu súng, thì phải cầu cứu Hoa-Kỳ. Nhưng Mỹ đặt điều-kiện là phải dứt bỏ đường lối Thực-dân : khốn nỗi, nếu nói rộng quá quy-chế Liên Hiệp Pháp, thì bao nhiêu Công-Ty, Ngân-hàng, Nghị-sĩ và Cai-trị nhao nhao đả kích. Vậy thì ai muốn, ai cho, và ai dám dứt khoát ? Nên đồng-minh đặc lực nhất của già Hồ, chính là chế-độ đại-ngệ của Pháp.

Lập-trường chánh-trị đối với Đông Dương và VN còn không ngay-thẳng và rõ-rệt, thì nói gì đến đường lối bình-định ? Pháp dự tính phân công, quân-đội Liên-Hiệp Pháp lãnh phần đương đầu với bộ-đội chánh qui của địch, việc loại trừ du-kích đề tái lập an-ninh thuộc trách-nhiệm các lực-lượng cảnh-bị VN. Vậy thì phải giúp đỡ đề tăng cường Cảnh-Sát, Bảo-Chính, Địa-phương-quân, vv... Nhưng mặc dầu các phủ Thủ-Hiến hết sức vận động, các tổ-chức kia vẫn bị bỏ quên, không được hưởng viện-trợ quân-sự, chịu thiếu-thốn về mọi mặt huấn-luyện, lương bổng, võ-trang, đồn-trú, bởi thế hay bị tổn thất nặng-nề và hy-sinh vô-ích. Rồi đến khi thấy cần tăng quân-lực, Pháp chỉ săn sóc tới những tiểu-đoàn quốc-gia, mà cũng không phải vì thiện-ý tạo thành một quân-đội VN cho chánh-quyền Bảo Đại, nhưng đề có thêm phương-tiện xử dụng cho bộ Tham-mưu Liên-Hiệp Pháp. Chứng cứ, là mãi đến khi tình-thế suy sụp rồi, tức là khi De Lattre phải sang đây, sự thành lập các đơn-vị VN mới được thúc đẩy ; và Mỹ còn phải bắt buộc, sự trang-bị bằng quân-nhu viện-trợ mới được đầy-đủ hơn trước, từ cuối năm 1953.

Nhưng giá thử các cơ-quan hữu-trách VN có đủ súng và chịu giúp dân, thì sự cố gắng cũng không mang lại nhiều kết quả, vì không cứu vớt đần bù nổi những sự tàn-hại do quân-đội Liên-Hiệp Pháp gieo rắc ở các vùng hành-quân. Hàng chục ngàn lính là dân thuộc-địa Phi-châu, bị lôi sang VN thì phải đánh, song chỉ thấy mình là kẻ đánh thuê, chớ không rõ mục-đích chiến đấu. Lính Pháp thì biết là đánh cho xứ sở họ, nhưng phần đông không hiểu rằng muốn bình định phải được lòng dân. Bởi thế, binh-sĩ Pháp và Liên-Hiệp Pháp hay sát hại vô ích, bắn phá bừa bãi, hãm hiếp phụ-nữ; tóm lại, là đối xử với dân quê như quân thù phải diệt hơn là người lành phải giúp. Đành rằng ở nhiều trường-hợp, họ không phân biệt nổi dân-quân với thường-dân, nhưng dầu làm lẫn cũng vẫn bị oán hận. Nhiều sĩ-quan Pháp được khuyến-cáo nên ngăn cản cấp dưới, đã trả lời rất thản-nhiên: thì người lương-thiện cứ tránh đi nơi khác, hoặc tổ giác VM, chớ sao cứ chịu sống lẫn với địch đề bị hại oan? các cấp chỉ-huy, như thế không nhận rằng dân bị ép buộc kìm hãm thì rất khó thoát ly. Một đại-tá tỏ ý rất phiền lòng về những sự hung-bạo, song ại thú với cấp trên rằng không thể cấm lính làm càn: « Bọn lính trẻ của tôi thêm khát đàn-bà quá, nếu không nhắm mắt làm ngơ cho chúng bắt mấy thôn-nữ, thì chúng bực bội không buồn đánh nữa, hoặc lỡ ra túng quá mà làm bậy ngay giữa các phố-phường, thì còn nguy hại hơn nữa.» Một tướng 2 sao nhún vai nói với;

một cao-cấp VN: «Rất tiếc, nhưng biết làm thế nào? ngay ở bên chúng tôi, khi quân Đức tràn tới các xã thôn Pháp, chúng tôi cũng đã bị mọi sự khờ-sở, nên rất thông cảm với các ngài, nhưng chúng ta chịu vậy, vì chiến-tranh là chiến-tranh...»

Cứ như vậy, thì các cán-bộ Chiêu-an hay Thông-tin dẫu hùng biện như Tô Tần Lục-Giả, cũng chẳng thể nào dỗ dành lôi kéo được một người dân. Nên cách xóm làng mau bị «ung thối pourri» nghĩa là bị thâm nhập bởi vi-trùng phá-hoại, không còn cách gì cứu chữa. Còn mong gì dân cho tin-tức về đối-phương, hoặc nổi dậy chống những phần-tử mà họ không coi như kẻ thù chung? trái lại, phản-ứng của họ rất dễ đoán, khi nhà bị đốt hay vợ con bị nhục.

oOo

Xét cho đúng, thì quân-đội Pháp không phải là những đoàn người bạc-nhược bất-tài, bất-lực. Nếu được chỉ huy đúng mức, như khi ở dưới quyền De Lattre họ vẫn giữ nổi một truyền-thống chiến đấu thường khiến họ tự-hào.

Nhưng «việc Đông-Dương l'Affaire d'Indochine» của họ không thành, vì những lầm lẫn quá nhiều về cả hai mặt quân-sự và chánh-trị. Hay đúng hơn, thì chế-độ đại-nghị vô-trách-nhiệm đã gây nên tình-trạng vô-chánh-sách, mà hậu quả là sự vô lãnh-đạo đối với chiến-tranh, sự mâu-thuần phi-lý về chiến-lược, sự thiệt-hại và suy-bại tất nhiên.

Pháp đã thua về chánh-trị nhiều hơn về quân-sự. Sau trận Điện Biên Phủ tuy mất 12.000 người, họ vẫn còn hơn 200.000, không kể 150.000 của Việt Mên Lào. Mendès-France lên làm Thủ-Tướng còn tính gửi thêm 100.000 trich ở Pháp và Bắc-Phi. Vậy nếu họ tiếp tục đánh, chưa chắc gì chiến tranh đã chấm dứt ngày 20.7.54.

Nhưng phe phản-chiến đã được dịp lên tiếng đòi rút. Sự chán nản đã tràn ngập đoàn quân viễn-chính mà dư-luận không hề ủy lạo; và mặc cảm tội lỗi đè nặng lên đầu tướng lãnh. Vênh vang hay cúi mặt, cũng dứt bỏ cho rồi.

Số tồn-thất của họ đã được kiểm điểm sớm và kê-khai đủ. Cuộc tàn, ai giấu nữa làm chi?

Nhưng ai thống kê số người Việt chết, số xóm làng bị phá, số mùa màng bị hủy, số gia-đình đã tan tác, và số đau thương không vết của một thảm-kịch 8 năm chỉ mới hẹ màn thứ nhất?

Đ.T.

KỶ TỚI: Bỏ và Đi

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : -210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 23 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

TÂM-LÝ và GIÁO-DỤC (2)

CARL GUSTAV JUNG

Bản dịch của NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

TRẺ CÓ TƯ CHẤT

Thuyết trình soạn cho hội nghị giáo giới hàng năm tỉnh Bâle (Thụy sĩ) năm 1942. Đăng trong « Psychologie und Erziehung » Rascher, Zurich, 1962. — Theo bản dịch của Le Lay từ tiếng Đức ra tiếng Pháp — Buchet Chastel.

(xin xem BK. TĐ, từ số 239)

Bởi tất cả những lý do trên, tôi cho rằng rất khó mà trả lời cho câu hỏi: « Có nên hay không nên thành lập những lớp học riêng cho trẻ có tư chất đặc biệt? » Riêng về phần tôi, tôi không muốn lãnh trách nhiệm tuyển lựa những trẻ vào lớp ấy. Đành rằng ở đây trẻ sẽ tiến rất nhanh về những môn học sở trường, nhưng sự thiếu hụt của chúng về các lãnh vực lý trí hay nhân-bản khác chống lại sự lựa chọn vào các lớp riêng. Sự phát triển của trẻ sẽ có tinh cách phiến diện. Trái lại trong những lớp bình thường, trẻ có thể buồn chán về những môn nó phải chậm chân lại để chờ chúng bạn, nhưng có những môn khác để nhắc cho nó sự thua kém bạn; như thế rất bổ ích về phương diện luân lý. Về phương diện này, một thiên bẩm thường khiến cho trẻ tự kiêu, nên được đền bù lại bằng một sự khiêm tốn thế nào để giữ được thăng bằng. Khốn nỗi trẻ có thiên bẩm lại thường được chiều

trượng, chúng sẵn sàng chờ đợi một sự biệt đãi. Đó chính là điều ông thầy tôi đã nhận ra, cho nên ông đã đãi tôi bằng một « cú nốc ao » luân lý. Ngay bấy giờ tôi chưa biết rút ra kết luận khả quan. Về sau tôi hiểu ông là sứ-thần của định mạng. Ông là người đầu tiên cho tôi hiểu rằng: Thiên bẩm Trời cho có hai mặt, mặt sáng và mặt tối. Thực vậy, khi người ta dẫn đầu kẻ khác, nên sẵn sàng nhận lấy những vố đau, không do thầy bạn thì cũng do nghiệp tặng cho, và thường thì cả từ hai nơi ban phát. Trẻ có thiên bẩm nên sớm nhận ra tài năng vẫn đem lại tình trạng đặc biệt với tất cả mọi rủi ro, đặc biệt là tính tự kiêu. Chỉ có nét khiêm tốn và biết vâng lời mới bảo vệ khỏi rủi ro, và cũng chưa chắc lắm.

Cho nên tôi nghĩ rằng trẻ có tư chất cũng nên được dạy dỗ cùng với trẻ khác trong các lớp học bình thường. Chẳng nên quá chú trọng về tư chất, bằng cách dạy

đồ riêng biệt. Két cho cùng, xã hội nhà trường đã là một mảnh nhỏ của thế gian. Xã hội đó chứa đựng theo một tỷ lệ thu hẹp, tất cả những yếu tố mà sau này trẻ sẽ gặp và phải biết đối phó thế nào. Ngay từ nhà trường trẻ phải được tập thích ứng với hoàn cảnh; nếu đôi khi có xảy ra va chạm thì cũng chẳng đến nỗi tai hại lắm. Lầm lỡ chỉ tai hại nếu xảy ra thường xuyên hay khi nhạy-cảm của trẻ lên đến độ không còn cách nào hơn là đổi thầy cho nó. Sự thay đổi này sẽ hiệu nghiệm, nhưng chỉ nên nghĩ đến nếu quả thực có sự sai lầm về phần ông thầy. Nhiều khi ông thầy phải sửa chữa lại những sai lầm của giáo dục trong gia đình. Chẳng thiếu gì kẻ làm cha mẹ muốn thể hiện tham vọng bản thân mình nơi cá nhân con cái; họ nhồi con cái, thúc đẩy chúng vào những thể hiện hiển hách (lắm khi quá mức giả tạo) có hại cho tương lai của chúng, như trường hợp những trẻ thường được gọi là « thần đồng ».

Cái thiên tài mãnh liệt, có tính cách định mạng, sớm chiếu vết hằn vào định mạng. Nó chế ngự bất chấp gì, vì bản chất của nó là bất khuất, là tuyệt đối. Những cái thường được gọi là « thiên tài bỏ quên » (génie méconnus) rất đáng ngờ. Thường đó chỉ là những kẻ bất lực đi tìm một niềm an ủi cho tâm hồn. Trong đời làm thuốc đã có một lần tôi phải nói thẳng cho một thiên tài như thế rằng: « Có lẽ ông chỉ là một kẻ chẳng làm nên trò trống gì ! » Sau một thời gian tìm hiểu, hai người chúng tôi đã đồng ý về điều đó. Khả năng của người ta có thể bị phá hoại, bóp méo đến vô dụng, cũng như có thể được khuyến khích, phát triển, cải tiến. Thiên tài định mạng cực kỳ

hy hữu, nó như chim Phụng thần thoại, chẳng biết xuất hiện lúc nào. Còn khả năng của tư chất thì trái lại, xuất hiện rất đều, thấy trước được và thường chỉ thiếu sức tự lực phát huy. Cũng như thiên tài, khả năng tư chất có những tư thái khác nhau rất nhiều, nhà giáo cần lưu tâm đặt biệt, vì đời sống của cộng đồng xã hội cần đến rất nhiều tài năng khác biệt và được nẩy nở khác nhau. Sự san bằng như đúc khuôn quần chúng, bằng áp lực đè nén cái bản chất thiên nhiên, nguyên có qui tiện, cao thấp, sớm muộn sẽ dẫn đến tiêu tán. Là vì sự san bằng các giá trị làm mất đi những điểm dẫn-hướng (points d'orientation) thì tự nhiên sẽ xuất hiện nhu cầu muốn được hướng dẫn. Vậy mà người ta có thể lầm lỡ trong việc lãnh đạo nhân quần. Cho nên bao giờ cũng có và phải có biểu tượng lý tưởng cho người lãnh đạo. Cũng như đối với cá nhân, con người chẳng thể ý thức được rõ cái lẽ-sống một cách đầy đủ nếu không biết phục vụ một trật tự tâm linh (orde spirituel) vượt khỏi tầm người đời. Sự kiện đó cần thiết là vì cái « ngã » ý-thức-được (le moi conscient) chẳng phải là tất cả con người, còn có cái phần không-ý-thức-được (l'inconscient) nó bao la và bù đắp cho mới thực sự đầy đủ.

Đứng về phương diện chất-liệu-tâm-trí một đứa trẻ có tư chất là một cá thể vượt lên trên mức độ trung bình. Nếu công nhận là hoàn toàn đúng cái qui-tắc của Lão Tử: « Cái cao tựa lên trên cái sâu », thì trong một con người, quãng cách (cao-sâu) phải tính theo bề cao và bề sâu. Quãng cách ấy phát sinh áp lực thúc đẩy tâm tư và sinh hoạt cơ-thể mỗi người. Khi trẻ có tư chất sống lù mù như nước ao tù, ấy là sinh lực của

nó, cũng như nước ao tù, không có lối thoát, chìm xuống sâu. Cái nguy nan cho trẻ có tư chất chẳng phải chỉ ở phần xuất chúng, mặc dầu có lợi; mà còn ở chỗ hay bị giàng co nơi đáy lòng. Muốn nâng đỡ chúng thực sự, chẳng phải là vấn đề thiết lập lớp học riêng biệt, mà là sự chăm nom tận tình của người dạy dỗ. Thần-kinh-bệnh-khoa nên có mặt tại học đường, tuy chẳng phải đề lấn quyền của môn học nào. Dầu sao, theo kinh nghiệm làm thuốc của tôi, thì chính cái lòng ưu ái đối với trẻ của nhà giáo đóng vai trò đáng quý hơn cả. Đành rằng người ta biết ân các thầy giáo giỏi, nhưng người ta chỉ mến phục những thầy biết đối xử với « con người » trong mỗi chúng ta. Các môn học tập dĩ nhiên là chất liệu cần thiết, nhưng làm cho nó sống động là cái nhiệt tâm giáo hóa, nó như cái sinh tố cần thiết cho tâm hồn tuổi trẻ.

Lại vì trong số trẻ có tư chất, có những tiềm lực hùng hậu không nên hạn chế, bóp nghẹt, những môn học tập ở nhà trường không nên coi nhẹ phần bao quát và phổ biến để thiên về chuyên khoa quá sớm. Trái lại, với tuổi trẻ đang sức lớn, ít nhất phải chỉ cho chúng những cái cửa mở ra các ngành hoạt động của đời sống cả về tinh thần lẫn thể chất. Thiết tưởng, nếu muốn tiến tới trong sự nầy nở dưỡng thành (culture) tổng quát, cần phải nghiên cứu lịch-sử hiểu theo nghĩa càng rộng càng hay. Dầu rằng nên hướng theo thực tế về tương lai, nhưng nghiên cứu quá khứ chẳng kém phần quan hệ. Công cuộc dưỡng thành chính là sự liên tục, đòi hỏi sự liên tục, chứ không thể là một sự tiến bộ cụt mất gốc rễ. Đối với thiên nhiên sự nầy nở dưỡng thành uyển

chuyển có giá trị hơn là những phương sách luyện tập đặc biệt. Như đã nói, sự phát huy đơn độc của một tư bẫm bất lợi cho sự tiến triển đồng đều ở các lãnh vực khác của tâm trí. Vậy mà tuổi trẻ là cái trạng thái quá khứ của con người. Trong quá trình tiến triển, cái bào thai loài người nhắc lại cả cái trình độ sinh vật rồi mới tiến tới hình dáng hài nhi; cũng vậy tâm trí của tuổi thơ là cái thể thức tư duy của người thượng cổ. Tâm trí trẻ nhỏ sinh hoạt trong một thể giới tiền-hợp-lý, nhất là tiền-khoa-học, tức là cái thể giới sinh hoạt của Nhân-loại xa xưa trước chúng ta. Chính trong cái thể giới cổ kính ấy gốc rễ của chúng ta đã ăn sâu vào, chính do cái gốc rễ ấy mà trẻ lớn lên. Càng sớm-biết bao nhiêu trẻ càng rời xa cái nguồn gốc ấy, mà ở lãnh vực nào trẻ càng chậm tiến thì càng bị nguồn gốc ấy níu lại bấy nhiêu. Sự ý thức được nguồn gốc ấy « bắt » cho người đời cái « cầu thông cảm » giữa các thế hệ xa xưa bị sao lãng đi và những thế hệ sau này mà chúng ta chưa rõ ra sao. Làm sao tìm hiểu được tương lai, thể hiện được tương lai trong bản thân chúng ta nếu chúng ta không duy trì được cái kinh nghiệm nhân bản mà bao nhiêu thế hệ qua đi đã tích lũy từ thượng cổ? Thiếu cái kinh nghiệm ấy chúng ta như cụt rễ, không có điểm tựa, sẽ làm mối cho mọi rối loạn tâm hồn. Một thứ học vấn thuần túy kỹ thuật, chỉ nhằm mục đích thực tế chẳng chế ngự được sự ngông cuồng, không có gì chống lại sự mù quáng. Thiếu sự nầy nở dưỡng thành mà nguyên lý sâu xa là mối liên tục lịch sử, tức là thiếu cái lương-tri siêu-cá-tính của con người. Sự liên tục đó nối liền nhưng trái-ngược, vậy rất hữu ích cho trẻ có tư chất để điều hòa tâm trí khỏi

những nỗi xung đột giằng xé của những mâu thuẫn nội tâm.

Tương lai bao giờ cũng bí hiểm ; cần phải thăm dò, thí nghiệm. Có thể nó là cửa ngõ của bệnh hoạn. Cho nên tiến bộ chính đáng chỉ có thể thực hiện được với sự dưỡng thành của tư duy. Tư duy lại phải nương tựa trên một nền tảng vững chắc chỉ có thể tìm thấy được trong sự thấm nhuần những kinh nghiệm đã qua. Kẻ nào không muốn biết đến mối liên tục của lịch sử, đoạn tuyệt với những liên quan quá khứ, không tránh khỏi ngã gục vì những cái tân kỳ làm cho choáng váng. Cái thảm trạng của tân kỳ là bao giờ cũng quá đáng. Thèm khát tân kỳ, nhờ Trời (Dieu merci) chẳng phải là một cố tật của quốc dân Thụy sĩ. Nhưng chúng ta hiện sống trong một thế giới đang sôi động vì những đảo lộn đầy bí hiểm. Đứng trước cảnh tượng kinh khủng và vĩ đại ấy, chúng ta hy vọng rằng thanh niên của chúng ta biết đối phó bằng một sức chống-trả mãnh liệt hơn bao giờ hết. Một mặt đề bảo vệ cho xứ sở được vững bền, và dân tộc trường tồn ; mặt khác vì lòng ái-mộ sự dưỡng thành của văn minh Âu châu nó không có lợi gì mà đòi lấy cái ngược lại những gì là thù thắng quá khứ của Thiên Chúa Giáo.

Có tư chất là kẻ cầm đuốc soi đường. Thiên nhiên đã chọn những kẻ ấy để lo chu đáo cái sứ mạng cao cả này.

Bình luận của dịch giả.

Trong phần nhập đề: « Chẳng biết có lý hay không tôi hỏi tưởng ngày còn đi học... » C. Jung chưa muốn nhất quyết rằng tập quán của một cộng đồng xã hội bắt nguồn từ cách thức giáo hóa thanh thiếu niên ở nhà trường; tập quán ấy

còn chịu nhiều ảnh hưởng khác, nhất là ở một xã hội bị ngoại bang chi phối. Tuy nhiên giáo dục ở nhà trường xưa nay vẫn là phương kế tốt nhất để chuẩn bị cho tuổi trẻ biết đối phó với cái xã hội ngày mai; cho nên vẫn phải lưu tâm đặc biệt đến tư chất của trẻ, ở nhà trường cũng như trong gia đình.

Tư chất của trẻ gồm những tư-bẩm khác biệt, có khi tiềm tàng khó nhận ra. Tư bẩm phát triển không đồng đều, và có thể lại kèm luôn những phản lực tựa như cái mặt của chiếc mề-đay. Tư bẩm lại chẳng phải chỉ đáng quý trong lãnh vực lý trí mà thôi. Một lầm lỗi lớn của giáo dục là coi nhẹ những tư bẩm về hành động thực tế, khiến cho trẻ lớn lên chỉ thích nói, thích viết, thích chỉ trích mà ít làm nên trò trống gì. Lầm lỗi lớn hơn nữa là lãng quên những tư bẩm về tâm hồn, khiến cho thanh niên có thể rất nhiều tài năng xoay trở mà thiếu đức tin, không có lý tưởng. Không nên quá vội tôn sùng thiên tài. Thiên tài tự nó không có giá trị gì. Đáng quý hay không là tác dụng của nó có tốt lành hay không cho bản chất con người, cho bản thân và đối với xã hội.

Những gì C. Jung nói về « lớp học riêng cho trẻ có tư chất » thực đáng khiến cho phụ huynh và nhà cầm quyền giáo dục phải sáng suốt và thận trọng về vấn đề du học ngoại quốc và vấn đề các trường ngoại quốc trên đất nước nhà. Quan niệm của ông về sự cần thiết một « trật tự tâm linh » thì, trừ người cộng sản duy vật, không một nhà lãnh đạo chánh trị hay tôn giáo nào có thể bỏ qua. Quan niệm ấy lại đúng với Đạo lý Đông phương coi cái « ta » ý-thức-được chỉ là một phần nhỏ của cái « ta » không-ý-thức-được nó rộng lớn và do Tiên-nhân và cả

Nhân loại di truyền lại.

Trong phần kết luận, nhà bác học lại dựa nơi kinh nghiệm bản thân về phân-tâm-lý và y-khoa mà nhấn mạnh vào tác dụng tối quan hệ của Luân lý trong công cuộc giáo dục. Theo ông đáng tôn trọng hơn hết là cái tâm hồn của trẻ, là sự nảy nở liên tục của nó từ nguồn gốc xa xưa của Nhân loại, và tức là sự bảo vệ được cái nguồn gốc của Dân tộc. Với dân Thụy-sĩ, vẫn sống an vui từ bao thế kỷ, với ba thứ ngôn ngữ khác nhau và một thể chế cộng hoà tân tiến bậc nhất, C.Jung nói: « Thêm khát tân kỳ chẳng phải là một bệnh tật của quốc dân Thụy sĩ; nhưng chúng ta hiện sống trong một thế giới đang sôi động vì những đảo lộn đầy bí hiểm. Đứng trước cảnh tượng kinh khủng và vĩ đại ấy chúng ta hy vọng rằng thanh niên của chúng ta biết đối phó bằng một sức chống-trả vững mạnh hơn bao giờ hết...»

Đối với một dân tộc như Việt Nam ta ngày nay, một dân tộc đã từng bị ngoại bang thống trị ngấm ngấm tàn phá hầu hết mọi giá trị tinh thần, từ cả một thế kỷ nay, và lại đang sống dở chết dở trong cái hoàn cảnh sôi động vì đảo lộn ấy, thì người Việt Nam biết đối xử ra sao? Cờ động cho Hòa bình chẳng? Thì ai mà chẳng mong được có Hòa bình? Khốn nỗi Hòa bình không phải là cầu xin mà người ta ban cho! Còn muốn chống trả như C. Jung khuyên dân Thụy sĩ, thì công cuộc lại tế nhị và cực nhọc hơn nhiều. Bởi vì, trước hết cần phải biết phục hồi những giá trị tinh thần (thời Lý-Trần) đã bị vùi dập từ mấy thế hệ nay, nhưng chính lại là

những cái mà dân tộc đã được nhờ mới vượt qua những thử thách thảm khốc của lịch sử. Phải hiểu những giá trị ấy là những thể hiện hợp-thời-cơ của cái Đạo lý sinh tồn của dân tộc. Tức là cái trật tự tâm linh mà C. Jung cho rằng phải biết phụng sự thì lẽ sống của con người mới đầy đủ. Lẽ sống có nhân-cách và dân-cách. Có biết phụng sự cái đạo lý dân tộc ấy chúng ta mới thể hiện được những gì ngày nay gọi là cách mạng, là đoàn kết, là tự do, là dân chủ... Thực thi được đúng chánh nghĩa, đó là những đức tính tối thiết cho sự sống còn ngày nay. Chứ không chỉ là những khẩu hiệu suông.

Một nền giáo dục chỉ nhằm có mục đích đào tạo lấy chuyên viên mà thôi thực là thiếu sót lắm. Không được thấm nhuần đạo lý sinh tồn của dân tộc, chuyên viên sẽ đòi hỏi những điều kiện quá mắc mỏ, quá hao tổn cho sự sống còn của quốc gia. Và nếu vì sự thỏa mãn riêng tư mà bị người ngoài mua chuộc thì lại nguy hại nữa mà chẳng hay.

Bó đuốc trong tay kẻ có tư chất phải được đốt lên để soi cho sáng rõ cái sinh-lộ-muôn-đời của dân tộc.

C. G. JUNG

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG dịch

3 TIẾNG THỞ DÀI

3 tiếng thở dài

của 3 nhà thơ đau khổ

HÀN-MẶC-TỬ, QUÁCH-THOẠI,
NHẤT-CHI-MAI.

TRẦN-BÁ-CUNG xuất bản

Giá 15đ

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trú

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

● TỪ - TRÌ

Khủng-hoảng nội-các Tây-Đức một biên chuyện quốc-tê

Trong tháng 11 vừa qua một sự kiện xảy ra mà ít người chú ý tới là cuộc khủng hoảng nội các tại Tây Đức. Tuy nhiên đây là một biến chuyện lớn mà tầm quan trọng vượt quá biên giới của Liên-Bang Tây-Đức. Ở ngoài nhìn vào, ta chỉ thấy một hiện-tượng chính trị nội bộ của Đức, thủ tướng Erhard ra đi, ông Kurt-Georg Kiesinger lập nội các mới với sự tham gia của Đảng xã-hội do ông Willy Brandt lãnh đạo, nhưng thật ra sự ra đi của ông Erhard là phản ảnh những khủng hoảng lớn của nước Đức thời hậu chiến. Từ khi thành lập tới nay, Liên bang Tây Đức đã do đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo liên tục cai trị. Ông Adenauer đã giúp cho nước này xây dựng lại trên hoang tàn gây nên bởi cuộc đệ nhị thế chiến. Ông đã khôn khéo khôi phục lại chủ quyền cho một nước chiến bại. Ông Erhard đã giúp cho Đức lập lại được một nền kinh-tế trù phú vững chắc. Từ 17 năm nay đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU) luôn luôn chiếm đa số ở Quốc-hội. Ngày nay cả ông Adenauer lẫn ông Erhard đều bị loại khỏi chính trường. Đảng CDU tuy còn giữ chính quyền nhưng phải liên-hiệp với các đảng khác.

Sự thay đổi thủ-tướng, và sự lu mờ của Đảng CDU là tượng trưng cho sự khó khăn hiện tại của Tây Đức, tượng trưng cho bản tính của dân tộc Đức và đưa tới những hậu quả quan trọng không những trong nội bộ Đức mà còn trên bình diện quốc-tê nữa.

Cha đẻ của phép lạ kinh-tế

Ông Erhard, thủ tướng từ năm 1963 đã là một vị thủ tướng đầu tiên trong lịch sử Liên Bang Tây Đức bị đa số Dân-biểu Hạ-nghị-viện lật đổ. Người ta lấy làm lạ, không hiểu tại sao một người đã có công rất nhiều với nước Đức như ông Erhard, một người đã được mệnh danh là «cha đẻ của phép lạ kinh tế» Tây Đức lại bị loại bỏ một cách tàn nhẫn như thế. Thật vậy, từ khi thành lập Liên bang Đức năm 1949, khi mà ba quốc gia chiếm đóng Mỹ, Anh, Pháp thoả thuận hợp ba vùng chiếm đóng của họ làm một quốc-gia Tây Đức, ông Erhard với chức vụ phó thủ tướng, tổng trưởng kinh-tế đã kiến-thiết một nước Đức bị chiến tranh tàn phá. Trong khi ông Adenauer, thủ tướng, tranh đấu thu hồi lại cho Đức quốc những quyền hành của một quốc-gia độc lập,

thì ông Erhard đã huy động mọi tiềm năng của quốc dân Đức, để khôi phục lại nền kinh tế suy sụp. Nhờ có ông mà vài năm sau kinh tế Đức được phát triển mau lẹ và trở nên lành mạnh nhất thế giới.

Tây-Đức là một sự thành công vĩ đại của khối tự do và đã làm cho thế giới cộng-sản hằng ghen tức. Thật vậy, năm 1945 khi Đức quốc-xã đầu hàng, đất nước này chỉ là một đám gạch hoang tàn. Nga chiếm một vùng miền Đông, Mỹ, Pháp, Nga giữ ba vùng miền Tây. Vài năm sau, trong khi quốc gia bù nhìn Đông Đức, do Nga sô lập nên tại khu chiếm đóng của họ, vẫn còn là một nước nghèo nàn, túng đói, thì Tây Đức, với sự bảo trợ của Hoa-kỳ và nhất là dưới quyền hướng dẫn của Erhard, tiến vọt lên hàng nhất nhì trên thế-giới về mặt kỹ-nghệ, kinh-tế cũng như về thương mại. Cán cân chi phó Đức luôn luôn thặng dư. Sản phẩm kỹ nghệ Đức tràn ngập trên thế-giới; cạnh tranh với sản phẩm các nước Anh, Mỹ, Pháp. Tây Đức giàu mạnh đến nỗi cung cấp viện trợ kinh-tế kỹ-thuật gần như cho hết các nước chậm tiến trên thế giới. Liên-bang Tây-Đức, do đó, tượng trưng cho sự thịnh-vượng của những nước theo khối tự do Âu-Mỹ.

Dân Tây-Đức có một mức sống cao, người thợ Tây-Đức giờ đây phải làm việc ít mà lại được hưởng những quyền xã-hội, như nghỉ hè có lương; an-ninh xã-hội, rất nhiều. Tây Đức trên thế giới được thiên hạ nể vì. Đến Nga là một nước thù nghịch vì ủng hộ Đông Đức cũng phải thiết lập ngoại giao với Tây Đức. Thế mà Erhard, người có công nhất trong việc

thực hiện những kết quả vẻ vang này lại bị loại. Nhưng thật ra từ khi ông cầm chính quyền tới nay Erhard luôn luôn gặp khó khăn.

Trước hết Adenauer, người mà Erhard kế vị, luôn luôn công kích ông Erhard. Khi hai ông còn làm chung với nhau, ông Adenauer, trong chức vụ Thủ Tướng, lúc nào cũng tìm cách cản đường ông Tổng-trưởng kinh-tế của mình. Adenauer đã từng tuyên bố rằng: Nếu ông rất dốt nát về kinh-tế, thì về chính trị ông Erhard xử sự như một đứa học trò lớp năm. Đến năm 1963, tuy đã gần 90 tuổi, Adenauer vẫn khăng khăng nắm giữ chính quyền. Sau vì áp lực của Đảng Dân-chủ Thiên Chúa giáo quá mạnh nên ông mới phải rút lui và nhường chỗ cho ông Erhard. Sở dĩ Đảng CDU làm áp lực đối với ông Adenauer, vì Đảng này sợ rằng trong cuộc bầu cử sắp tới, ông sẽ không đủ uy tín để đưa đảng tới thắng lợi; chi bằng đưa ông Erhard ra thì đảng còn có nhiều hy vọng duy trì đa số ở quốc hội hơn. Nhưng kết quả cuộc bầu cử Đức năm 1964 đã cho đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo có 245 ghế tại Quốc-hội, đảng Xã hội được tăng cường với 202 ghế và đảng Tự do được 49 ghế. Như vậy Đảng Dân-Chủ Thiên Chúa giáo không nắm được đa số tuyệt đối nữa. Ông Erhard đành phải lập một nội-các liên-hiệp với đảng Tự-Do. Lãnh tụ đảng Tự-do là Ông Erich Mende tham gia chính phủ với chức vụ Phó Thủ-Tướng.

Lãnh đạo một chính phủ liên-hiệp, ông Erhard không thể có nhiều tự do hành động. Hơn nữa đảng Xã-hội Đức (SPD) lại là một đảng đang lên. Với 202 ghế, đảng này trở nên một thiểu số mạnh mẽ vững vàng. Từ khi Đại hội đảng xã

hội nhóm họp tại Bad - Godesberg năm 1959 tới nay, đảng này dần dần trở nên một đảng của nhân dân chứ không phải là của những phần tử trí thức trong giới trường-giả nữa. Ngoài ra trước thái độ luôn luôn dè dặt của chính quyền, đảng Xã-hội đối lập đưa ra một chính sách rõ rệt về vấn đề thống-nhất nước Đức cũng như về vấn đề sửa đổi hiến-pháp hay đường lối kinh-tế. Gần đây đảng Xã-hội đã lượm được nhiều thắng lợi trong cuộc bầu cử địa-phương tại Rhenanie Bắc Wesphalie ngày 10-7-1966. Tại tiểu bang này phe đối lập đã lượm được 573.000 phiếu hơn đảng cầm quyền C.D.U. Vì vậy mà đảng C.D.U đã mất 10 ghế ở Thượng-Nghị-Viện.

Trước sự đối lập của một đảng Xã-hội đoàn kết và tăng cường, đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo lại lung củng nội bộ. Ông Adenauer phá ông Erhard; các ông Barzel, Strauss lại dòm ngó cái ghế Thủ tướng của Erhard.

Thêm vào những khó khăn do các đảng phái gây nên, ông Erhard năm nay lại phải đương đầu với nhiều cuộc khủng hoảng.

Cuối tháng 8-1966, một cuộc khủng hoảng quân sự bùng nổ. Tướng Werner Panitzki tuyên bố với báo chí rằng chính quyền phải chịu trách nhiệm về vụ 61 phi cơ Starfighter bị rớt từ mười năm nay, vì chính phủ đã mua những quân cụ không tốt. Tướng Panitzki bị cách chức, nhưng cuộc khủng hoảng quân sự chưa được giải quyết rõ rệt. Vì bề ngoài tuy chỉ là có sự vô kỷ-luật của một ông tướng, cuộc khủng hoảng này thật ra phản ảnh cho sự thay đổi của cả một

quan niệm về Quốc-phòng Đức. Thật vậy, từ xưa tới nay, Liên-bang Tây-Đức trông cậy vào quân đội Đồng-minh Anh, Pháp, Mỹ đóng trên lãnh thổ Đức với tư cách quân đội của khối Bắc-Đại Tây Dương, để phòng thủ nền độc lập của Đức. Nay Pháp quyết định ra khỏi Minh ước Bắc Đại Tây-Dương và sẽ rút quân khỏi lãnh thổ Đức. Người ta đồn rằng Anh và Mỹ cũng muốn rút quân; vì vậy mà chính phủ Đức phải sửa đổi quan-niệm của mình, phải tăng cường quân đội. Các quân nhân Đức muốn lợi-dụng thời cơ này để củng cố địa-vị của mình theo đúng truyền thống quân-sự của nước Đức thời trước.

Các người đối lập với Erhard âm mưu hạ ông trong lãnh vực kinh tế. Nếu họ hạ nổi ông về vấn-đề kinh tế thì chắc chắn ông phải ra đi, vì xưa nay ông có tiếng là người có công trong sự văn hồi phồn thịnh của kinh tế Đức.

Do đó những người đối lập của ông đã vui sướng nhận thấy rằng giá sinh hoạt càng ngày càng gia tăng, (4% một năm). Cán cân chi phó Đức trong mấy tháng đầu năm 1966 bị thiếu hụt gần một tỷ Mỹ kim. Hơn nữa vì ông Erhard hứa với Tổng thống Johnson mua 550 triệu Mỹ kim quân cụ của Mỹ để trả trợ cho chi phí của quân đội Mỹ đóng tại Đức, nên ngân sách 1967 của Tây-Đức thâm thủng 1 tỷ Mỹ kim. Để giải quyết sự hao hụt ngân sách, Erhard đề nghị tăng thêm thuế. Đảng Tự do được dịp phản đối, đòi giảm chi phí thay vì tăng thuế. Đảng Tự do lợi dụng cơ hội trên rút lui khỏi chính phủ, vì đảng này thấy uy tín đảng CDU suy sụp, muốn xa lánh CDU để sau này không bị liên đới trách nhiệm với đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo

về những thất bại của chính phủ Erhard.

Trước sự ra đi của các Tổng trưởng «Tự do» chính phủ Erhard thành chính phủ thiểu số. Nhưng Erhard từ chối không chịu từ chức vì Hiến-Pháp Tây Đức định rằng đa số ở quốc hội chỉ có thể lật đổ một chính phủ sau khi đã bầu lên một thủ tướng mới.

Erhard quên rằng trong hàng ngũ đảng ông người ta đang âm mưu đẩy ông ra khỏi chính quyền để lên thay ông, Lãnh tụ nhóm Dân chủ Thiên Chúa giáo tại Hạ-nghị-viện, Barzel ngấm ngấm xúi dục Erhard cứng rắn để Đảng Tự do không thể chấp nhận trở về tham chính mà không mất mặt. Lúc đó Barzel sẽ vận động cho đảng CDU cử mình thay Erhard để lập một chính phủ mới có sự tham dự của đảng Tự do.

Nhưng ông Franz Josef Strauss không kém tham vọng. Ông cũng muốn làm Thủ tướng. Ông Strauss trước đây làm Tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ Adenauer. Tháng 10 năm 1962 ông bị báo Der Spiegel tố cáo là đã ra lệnh bắt nhiều người một cách bất hợp pháp. Trước xúc động của dư luận quần chúng, ông bị bắt buộc từ chức trong khi ông đang có nhiều hy vọng kế vị Thủ tướng Adenauer. Franz Josef Strauss hiện đang lên, vì ông là lãnh tụ đảng bộ C.D.U tại tiểu bang Bavière, và trong mấy cuộc bầu cử gần đây tại Bavière, đảng bộ của ông đã thắng lợi lớn. Tháng 8 vừa rồi Viện-Bảo-Hiến rửa sạch cho ông khỏi tội lỗi bằng cách quyết định rằng những biện pháp của ông không trái với Hiến pháp. Ông Strauss do đó được coi là một nạn nhân của một sự phi báng bất công. Tuy có đủ ưu thế, nhưng ông

Strauss chưa muốn làm thủ tướng vào lúc này. Ông biết ra lúc này ông sẽ thất bại. Ông muốn đợi cơ hội thuận tiện để ra chấp chính trong một tương lai vững chắc hơn. Giờ đây ông Strauss chỉ cần một vị Thủ tướng chuyển tiếp để thừa hưởng mọi thất bại của chính phủ Erhard, dọn đường cho ông lên ghế Thủ tướng sau này. Ông Strauss bèn đề nghị ông Kurt-Georg Kiesinger, chủ-tịch tiểu bang Bade-Wurtemberg lên làm Thủ tướng Liên bang Tây Đức. Ông Kiesinger là một nhân vật tầm thường, hòa nhã, có đủ Đức tính để làm một vị thủ tướng mà ông Strauss đang cần.

Ông Erhard bị mọi người trong đảng nhao nhao phản đối. Những người bạn nồng nhiệt nhất của ông đều bỏ ông. Ở Đức người ta ví ông như César, khi bị con của mình là Brutus sát hại, đã thốt lên: «Con cũng làm như vậy ư?». Trước sự chống đối của chính đảng mình, ông Erhard đành từ chức để ông Kiesinger lập chính phủ.

Kiesinger muốn lập một «liên-hiệp nhỏ» (Petite coalition) bằng cách cộng tác với đảng Tự do để lập chính phủ. Nhưng đảng này muốn tránh trách nhiệm về các thất bại của Erhard nên đã hết sức hồ hững với ông Kiesinger và tìm cách liên kết với đảng Xã hội.

Đảng Xã hội lại không nồng nhiệt tham gia nội các mới. Đảng này đang lên, nên muốn đợi cuộc tổng-tuyển-cử năm 1969 để có đa số và do đó sẽ có toàn quyền hành động. Nếu liên kết với đảng Tự do, Thiên chúa thì ông Willy Brandt không được làm Thủ tướng, những chính sách đảng Xã hội đề xướng ra không được hoàn toàn áp dụng, mà lại phải sửa đổi để dung hoà với quan

điểm của đảng C.D.U. Hơn nữa liên hiệp với đảng C.D.U. đảng xã hội sẽ phải dính líu tới những thất bại hiện thời của ông Erhard.

Liên hiệp với đảng Tự do, đảng Xã hội lại càng không muốn vì trước hết lãnh tụ Tự do Erich Mende không dám cam đoan là cả 49 Dân biểu của đảng ông sẽ ủng hộ chính phủ mới. Mà dù cả 49 ông này cùng ủng hộ chính phủ mới thì chính phủ cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn vì chỉ có được một đa số là 5 ghế. Hơn nữa đảng Tự-do không được đứng đắn, đường lối nay thay mai đổi: trong có 4 năm trời mà các Tổng-trưởng đảng Tự-do đã rút lui hai lần khỏi chính phủ.

Sau cùng ông Willy Brandt quyết định liên hiệp với đảng Dân chủ Thiên Chúa vì như vậy Đảng Xã-hội sẽ tỏ ra rằng từ trước tới nay sự đối lập của mình đối với chính phủ rõ ràng có tính cách xây dựng; nay có dịp, đảng Xã-hội không ngần ngại đứng lên phục vụ Tổ-quốc. Ngoài ra ông Brandt sẽ đóng một vai trò tối quan trọng trong chính phủ Kiesinger vì ông sẽ làm Phó Thủ-tướng kiêm Tổng trưởng Ngoại giao. Kết quả là ông Kiesinger thay vì tìm được một «liên kết nhỏ» (C. D. U. +. Tự Do) lại thực hiện được một liên kết lớn» (C.D.U. +. Xã-hội). Hơn nữa «liên-kết lớn» này hầu như phù hợp với ý muốn của dân chúng hơn, vì cuộc bầu cử địa phương cuối cùng ở Bavière đã có kết quả là đảng Tự do bị thất bại trong khi hai đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo và Xã-hội vẫn giữ được nguyên vẹn sự tin cậy của cử tri.

Bị phản bội hai mươi bốn lần.

Sự thay đổi nội các và sự tham chính của đảng Xã-hội là một biến chuyển

ảnh hưởng không những trong nội bộ Liên Bang Tây Đức mà còn trên bình diện quốc-tế nữa.

Ông Erhard chỉ là nạn nhân của thời cuộc. Các vấn đề nan giải phải đối phó không phải chỉ giờ mới có. Các vấn đề này bắt nguồn tại sự cấu tạo của quốc gia Tây Đức, nhưng nay mới được bộc phát vì người dân Đức sau khi kiến thiết lại xứ sở giờ mới rành rang đề lo chuyện chính trị,

Ở Đức từ trước tới nay các chính đảng không bao giờ đoàn kết. Các chính trị gia luôn luôn xâu xé nhau để tranh quyền, họ không ngần ngại phản bội lẫn nhau nếu thấy có lợi, tuy là cùng trong một đảng. Chính vì những sự tranh chấp của các đảng phái mà Cộng Hoà Weimar (1) đã bị sụp đổ và Hitler lên nắm chính quyền. Thống chế Von Schleicher, vị Thủ tướng cuối cùng của chính thể Weimar, khi bị ông bạn là Von Papen lật đổ để trao quyền cho Hitler năm 1933, đã thốt ra: «Thời đừng nói tới sự trung nghĩa của người Đức nữa, tôi cầm quyền có 24 giờ đồng hồ, mà mỗi giờ tôi bị phản bội 24 lần!». Hiện nay cũng vậy, đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo không có đoàn kết, trước đây ông Erhard dòm ngó chức vụ Thủ tướng của ông Adenauer, nay ông Barzel, ông Strauss âm mưu lật ông Erhard. Ngoài ra đảng này lại còn bị chia rẽ nội bộ giữa đảng viên miền Nam và miền Bắc, giữa những người Công giáo và Tin lành.

Đảng Tự do, ít ỏi, gia nhập nội các lại nay đi mai ở, kết quả là chỉ làm cho tình hình chính trị trong nước thêm bất ổn định mà thôi. Đảng Xã hội, tuy

(1) Chính thể Cộng hoà Đức từ 1919 tới 1933 thành lập bởi bản Hiến Pháp thảo tại Weimar sau khi Đức bại trận năm 1918.

đứng đắn hơn, nhưng sự đứng đắn này phải chăng cũng chỉ là một chiến lược để nắm chính quyền.

Một tờ báo Thụy - sĩ có uy tín, tờ Neuer Zürcher Zeitung, gần đây tự hỏi không biết Cộng-hòa Liên-bang Đức có phải là "không cai trị nội" như Đệ-tứ Cộng hòa Pháp chăng ?

Sự khủng hoảng quân sự bắt nguồn từ truyền thống quân sự Đức do vua Frédéric I của nước Đức khi còn gọi là nước Phổ lập ra từ thế kỷ thứ 17. Ở Đức người quân nhân luôn luôn được tôn sùng vì chính quân đội đã xây dựng được tiền đồ vĩ đại của Quốc gia Đức. Nhưng vì sau hai lần chiến bại năm 1918 và 1945 vai trò người quân nhân Đức tạm bị lu mờ. Nay thời cơ đã khác, quân đội lại muốn trở lại với truyền thống cổ-diễn để lãnh trọng-trách quốc gia, vì giờ đây đúng là lúc mà chính phủ Đức phải sửa đổi quan-niệm phòng-thủ. Từ năm 1949 tới nay, các cường quốc Mỹ, Anh, Pháp nâng các vùng chiếm đóng của họ lên hàng quốc-gia Tây-Đức, là vì, trước sự đe dọa của Nga-Sô, Tây Đức được coi như một phần tử quan trọng của Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương. Theo chiến thuật của Minh-ước thì Đức là nơi "phòng thủ tiền đồn" của các nước Tây Âu, vì vậy các nước hội viên của Minh ước phải đóng quân trên lãnh thổ Tây Đức. Nhưng hiện nay những dữ-kiện trên đã thay đổi. Nga không còn đe dọa nội Âu-châu, Mỹ với vũ khí nguyên tử có thể dùng hoá tiền để phòng thủ. Hơn nữa Pháp rút lui khỏi Minh ước và sửa soạn rút quân về. Người ta đồn rằng Anh Mỹ cũng muốn rút quân. Như vậy Đức phải phòng thủ lấy, phải tính chuyện chế bom

nguyên tử, phải tăng cường quân đội.

Nhưng chính việc tăng cường quân đội lại là vấn đề nhức đầu nhất cho chính phủ Bonn, vì nó có liên quan mật thiết với chính sách đối ngoại của Tây Đức.

Đức đã hai lần gây hấn trong thế kỷ này. Giờ đây những nước bạn cũng như những nước thù, người ta luôn luôn e ngại nghi kỵ Đức, chỉ sợ một ngày kia Đức hùng mạnh trở lại, sẽ quay về chính sách xâm lăng cũ. Trong các nước bạn, Pháp là nước sợ Đức nhất, vì trong 70 năm Pháp bị Đức xâm lăng tới ba lần, nên Pháp e rằng Đức sẽ chiếm lại vùng Alsace Lorraine của Pháp. Về phía các nước thù, Ba-Lan cũng lo ngại không kém vì Ba-Lan sau kỳ đệ-nhi thế - chiến bị Nga lấy mất một phần lãnh-thổ phía Đông và đền cho Ba-Lan một phần lãnh thổ Đức ở hữu ngạn hai sông Oder Neisse. Hai sông này giờ đây là biên giới của Đông Đức và Ba-Lan. Ba-Lan lo rằng một nước Đức thống-nhất hùng mạnh sẽ phủ - nhận biên-giới Oder Neisse và tái chiếm các lãnh thổ mà Ba Lan đang chiếm giữ. Ngoài ra cảnh tượng thành phố Varsovie điêu tàn dưới làn đạn của không quân Đức năm 1939 hãy còn là một kỷ-niệm quá gần đối với người dân Ba Lan

Các nước Đông Âu như Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, đều không muốn một nước Đức mạnh. Anh, Mỹ cũng không muốn nước Đức tăng cường quân đội. Họ chỉ muốn Đức tái vũ trang vừa đủ để phòng-thủ Âu-châu mà thôi. Vì vậy mà khi họ chấp nhận cho Đức gia nhập Minh ước Đại Tây Dương, Đức phải cam đoan không được

chế vũ khí A, B, C (1) tức là vũ khí nguyên tử, vi trùng, và hóa học (hơi ngạt). Nước Pháp tuy hiện giờ thân thiện với Đức, nhưng De Gaulle đã long trọng tuyên bố rằng Pháp coi biên giới Oder-Neisse là vĩnh viễn bất khả xâm phạm.

Để bảo-đảm an-ninh quốc-gia, các tướng lãnh Đức đang làm áp lực mạnh mẽ để chính phủ tăng cường quân đội. Nhưng tăng cường quân đội thì các nước khác sẽ phản đối.

Ngoài ra Tây-Đức đòi thống nhất lãnh thổ, muốn sát nhập Đông-Đức vào Cộng-Hòa Liên-Bang Tây-Đức. Các giới chính trị nhất là đảng Xã hội luôn luôn vận động để tiến tới mục tiêu này. Nhưng sự đòi hỏi trên làm Nga-sô lo âu vì nước này luôn luôn bảo trợ cho Đông-Đức, không đời nào lại để cho một chư hầu của mình lọt vào hàng ngũ thế-giới tự-do.

Sư tử bằng cao su.

Trước những vấn đề khó khăn này ông Erhard là một người quá mềm yếu, không tìm được một giải pháp khả quan. Tuy bề ngoài ông luôn tỏ ra cương quyết nhưng thật ra lúc nào ông cũng do dự. Đối lập gọi ông là con "sư tử bằng mousse cao su".

Các đảng đối lập lại còn trách Erhard quá thân Mỹ mà làm thiệt hại cho quyền lợi Đức, như ông nhận mua hàng Mỹ, tài trợ cho mọi chi phí của quân đội Mỹ đóng ở Đức. Hơn nữa họ còn tố cáo khối Bắc-Đại-Tây-Dương đã ngăn cản không cho Đức được thống-nhất trong khi Nga muốn thương thuyết với Tây-Đức năm 1952 để trả lại Đông-Đức cho ông Adenauer. Các đảng đối-lập cho rằng ông Erhard không đủ khả-năng để giải-quyết những vấn đề trên nên không

thể để ông cầm quyền được.

Nay ông Erhard đã từ chức, những người thay thế ông có thể tìm được giải pháp cho các vấn đề mà ông đã không giải quyết được chăng? Thời gian sẽ trả lời câu hỏi này, nhưng trong tình trạng hiện thời ta có thể tin rằng với sự tham gia chính phủ của đảng Xã-hội, chính sách đối ngoại của Tây-Đức sẽ theo một hướng mới.

Đảng Xã-hội có một chính sách đối ngoại hết sức rõ rệt. Cũng như đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo họ muốn giao thiệp trực-tiếp với Đông-Đức để tiến tới thống nhất trong khi cả ông Adenauer lẫn ông Erhard đều làm như không biết đến sự hiện-hữu của chính phủ Pankow. Ông Brandt đã bốn lần sang Đông Bá-Linh để thương thuyết về vấn-đề thống-nhất.

Đảng Xã-hội lại chủ trương Tây-Đức đơn phương từ bỏ không chế-tạo vũ khí nguyên tử, như vậy Nga sẽ hài lòng và có thể bớt cứng rắn trước sự thống nhất nước Đức.

Người ta có thể tiên đoán rằng với ông Willy Brandt ở chức-vụ Phó thủ tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao, Tây-Đức sẽ không liên-kết quá chặt chẽ với các nước Âu-Mỹ trong khối tự-do nữa. Từ nay chính sách của Liên-bang Tây-Đức có lẽ sẽ độc-lập hơn. Chính phủ Bonn sẽ không còn là một đồng-mình dễ bảo như xưa. Nhưng chắc chắn rằng, chính sách đối-ngoại của Willy Brandt sẽ phải dung hoà quan điểm của các nước trong khối Tự do cũng như trong Cộng-sản.

Trước hết ông Brandt phải tỏ ra độc lập đối với Mỹ, vì ông hy vọng rằng :

(1) A: atomique; B: bactériologique; C: chimique.

không liên-kết chặt chẽ quá với Mỹ, Nga sẽ có cảm tình với Tây-Đức hơn. Thân thiện với Nga, Đức sẽ có thể thương - thuyết dễ dàng để Nga trả lại Đông-Đức cho Tây-Đức. Đồng thời với một nước Nga hòa hoãn, Đức bớt được sự đe dọa xâm lăng của Nga. Tây Đức tin rằng Nga sẽ nhượng bộ vì hiện giờ Nga đang bất hoà với Trung Cộng nên muốn giảm bớt tình trạng căng thẳng ở Âu-Châu để rảnh tay đối phó với các khó khăn do họ Mao gây ra. Mặt khác trong lịch sử bang giao Nga-Đức người ta thấy có nhiều liên minh truyền thống giữa hai nước, có thể là điện Kremlin sẽ nghĩ như vậy mà nhích lại gần Đức hơn chẳng ! Nhưng đây chính lại là điều mà các nước Âu Mỹ e ngại : họ sợ rằng Đức với Nga sẽ ký kết với nhau những hiệp ước tương tự như hiệp ước Rapallo năm 1922 hay hiệp ước Molotov-Ribbentrop năm 1939 để Đức bỏ họ mà theo Nga. Vì vậy về phía Hoa Kỳ và thế giới tự do, chính sách của tân chính phủ Đức sẽ phải hết sức khôn khéo để trấn an Mỹ.

Tây Đức sẽ dùng nhiều biện pháp để cho Mỹ khỏi nghi kỵ. Chính phủ Đức cần duy trì tình thân hữu Mỹ-Đức để Mỹ tiếp tục bảo vệ lãnh thổ Tây Đức trong khuôn khổ Minh ước Bắc Đại-Tây-Dương. Đức cũng không quên rằng nhờ có Mỹ mà nền kinh tế của mình trở lại phồn thịnh. Nếu đối lập với Hoa - Kỳ, kinh - tế Đức sẽ bị thiệt thòi. Sau cùng Đức sẽ tuyên

bố từ bỏ không chế tạo vũ khí nguyên tử, như vậy chính sách quân sự của Tây Đức sẽ phù hợp với qui chế một nước chiến bại, bị cấm không được chế tạo vũ khí loại A.B.C. Không chế tạo bom nguyên tử lại vừa làm cho cả Mỹ lẫn Nga yên tâm. Mỹ hài lòng vì thấy rằng, không có bom nguyên tử, Đức không đủ hùng mạnh để hoàn toàn ra khỏi vòng liên kết với Mỹ và như vậy Đức sẽ tiếp tục trông vào Mỹ để phòng thủ lãnh thổ. Còn Nga cũng hài lòng không kém vì Đức không có vũ khí nguyên tử thì dù thống nhất, dù có kinh tế mạnh mẽ cũng không thể đe dọa an ninh của Nga được. Như vậy rất có thể là Nga sẽ nhượng bộ phần nào trong việc thống nhất nước Đức với điều kiện là sẽ được đền bù.

Sau hết một biện-pháp bổ túc chính sách đối ngoại của Đức sẽ là một chính sách thân Pháp. Đức muốn thân với Pháp vì nhiều cơ. Cơ thứ nhất là Đức muốn cho thế-giới biết rằng giữa Pháp — kẻ thù lịch-sử và nhiều lần là nạn nhân của xâm lăng Đức — và Liên-bang Tây Đức ngày nay không còn một sự tranh chấp nào. Cơ thứ hai là Pháp hiện nay dưới quyền lãnh đạo của De Gaulle đã trở nên một nước Trung lập; thân với Pháp tức là ngầm bảo cho các quốc-gia hội-viên của khối Bắc Đại-Tây-Dương là nếu họ còn bực đãi Đức, quốc gia này sẽ gia nhập hàng ngũ những nước có chính - sách tương tự như của Pháp.

Tóm lại chính sách đối ngoại của tân chính phủ Tây-Đức nhằm mục đích thực hiện được thế quân-bình giữa hai khối tự do và cộng-sản. Đức muốn đứng ở một địa điểm giữa Nga và

Hoa kỳ đề tùy cơ ứng biến: nghiêng về bên này một chút đề bắt bên kia nhượng bộ, ngả về bên kia đôi khi đề làm áp lực với bên này. Hai bên cùng nhượng bộ, Đức sẽ ở vào một lợi điểm đề thực hiện mục tiêu của mình là thống nhất và hoàn toàn tự do.

oOo

Thay đổi nội các tại Tây-Đức như vậy là một biến chuyển, quốc tế nhiều hơn là biến chuyển quốc nội, vì nó đã đặt nước Đức vào một vị trí mới trên bình diện quốc tế. Khối Bắc Đại-Tây-Dương sẽ bị yếu đi một phần nào vì từ nay thiếu sự ủng-hộ hoàn-toàn của Đức. Mỹ mất đi một đồng minh dễ bảo ở Âu châu. Vì vậy mà chiến thuật phòng thủ của khối Bắc Đại-Tây-Dương sẽ phải sửa đổi. Chính sách Mỹ ở Âu châu cũng vì vậy mà phải xét lại. Chính

phủ Mỹ sẽ thấy rằng không còn lý do gì mà mình tiếp tục đảm nhiệm công cuộc phòng thủ Âu châu với những giá rất đắt, trong khi các nước đồng minh Âu Châu lần lượt xa lánh hay thờ ơ trước công cuộc phòng thủ của chính họ. Nhất là giờ đây đe dọa xâm lăng của Nga gần như không còn nữa. Cuộc khủng hoảng nội các vừa qua ở Tây Đức sẽ mở đầu cho một giai-đoạn mới trong sự bang giao giữa Mỹ và Âu châu, giữa Nga và lục địa này, và sau hết giữa các nước Âu châu với nhau. Sự ra đi của ông Erhard do đó có ảnh hưởng quốc tế, nhưng người ta tự hỏi rằng, những người kế vị ông có thể giải quyết được ổn thoả những vấn đề gây cản mà Liên-bang Tây-Đức đã và đang phải đối phó chăng?

TỪ-TRÌ

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI BÀN ĐÁNH GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sĩ (Téléphone 1.90.81) SAIGON

nói chuyện « *thiến* » (2)

Thiến vì chiến cuộc

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 239)

Ngoài cái lý do cường tín, còn nhiều duyên cớ thúc đẩy người ta chịu khó hi-sinh hẳn phần «chứng nhân cho nguồn sinh lực» của mình.

Theo các sử truyền cổ đại thì khoảng một ngàn bảy trăm năm trước Tây-lịch, nhà Vua Sésostris, nổi tiếng ở Ai Cập, thường cho dựng lên ở những miền chinh phục được, những đài, những tượng, hình dung cơ quan sinh dục đàn bà, hoặc của đàn ông. Về món đàn ông thì ngụ cái ý đề cao tinh thần can đảm của kẻ thắng trận. Về món đàn bà thì có ngụ ý coi thường những kẻ bại trận.

Nhưng oái oăm thay, nhà vua về sau lại bị một kẻ yêm hoạn đâm chết.

Sống vào một thời mà chỉ khí giới, đao binh mới làm riêng biệt được kẻ thắng bại và từ sự thắng hoặc bại mà phân biệt được tầng lớp chủ nhân và lớp nô-lệ, thì người ta dễ đi đến ý-tưởng biến thân xác kẻ chịu hàng-phục mình thành ra đàn bà. Vì vậy, những lớp nô-lệ đầu tiên đều bị cắt gọn phần dưới. Xét các thần thoại Ai-Cập hay là Hi-Lạp, người ta đều gặp nhiều chuyện trong đó những kẻ chiến thắng không chặt lấy cái thủ-cấp địch thủ như người Á-Đông ta

vốn quen làm một cách nặng nề, mà chỉ bằng lòng thanh-toán phần dưới cho nhẹ nhàng hơn. Chỉ mỗi việc đó cũng cho ta thấy người dân Tây Phương thích sự tiện lợi, và cái tầm mắt của họ cũng không lấy gì làm cao. Chẳng hạn nói về lai lịch của thần Vệ nữ Aphrodite mà các sách vở vẫn không ngớt lời ca tụng, và mới gần đây có một phim ảnh có vẻ xưng tụng nàng nhiều, thì thần thoại của Hi-Lạp kể rằng : anh chàng Kronos đã dùng lưỡi hái kim cương cắt đứt phần dưới của cha để mình là Ouranos rồi ném xuống biển. Nhưng biển vừa gặp cái của nợ ấy thì bỗng dậy sóng trào bọt trào bèo và nảy sinh Aphrodite. Con của Kronos là Zeus đánh bại cha mình rồi cũng cắt tiện phần dưới và đẩy xác cha xuống dưới hố sâu. Đại khái, thần thoại Tây-Phương đều nói lảm nhảm như vậy.

Các di-tích cổ còn lại cho thấy vào một thời rất là xưa những kẻ chiến thắng bao giờ cũng chặt đứt hẳn tay mặt của kẻ chiến bại, ý rằng kẻ ấy không còn xứng đáng cầm gươm, và cắt đứt luôn phần dưới, tỏ một dấu hiệu nô-lệ. Cách mười ba thế kỷ trước Tây-lịch,

vua Méneptah sau khi chiến thắng kẻ thù ven Địa-trung-hải đã cho ghi vào tường đền Karnak các chiến lợi phẩm thu được như sau :

Các tượng người Li-bi bị giết, dương vật bị cắt và mang về đủ, là : 6

Lính Li-bi bị giết, dương vật bị cắt là : 6.359

Lính Xi-cuyn — như trên — : 222

Lính Ê-tờ-ruýt — nt — : 542

Lính Xac-Đi-Niên — nt : — (đọc không rõ)

Lính A-Ca-ên, dương vật mang về cho vua : 6.III.

Trong các đền ở Thèbes, người ta ghi lại chiến công của hoàng-đế Rhamsès II cũng bằng các lời kê khai tương tự kèm theo các hình chạm sâu vào đá hình dung tù binh, kẻ bị trói lại với nhau, kẻ thì đưa tay lên đầu tỏ ý van xin, diễn hành trước bọn quan lại triều đình phụ trách kiểm điểm các chiến lợi phẩm. Ở góc bên mặt thoi thì la liệt bàn tay cùng với dương-vật bị cắt, chứng tỏ lớp người chiến bại đã bị cực hình thảm khốc chừng nào. Dưới bức chạm ấy, có ghi rõ ràng : *Tù binh được mang về trình diện Hoàng Đế ; tổng số là một ngàn người : dương vật cắt được tại trận là ba ngàn cái* ». Có một bức chạm ghi dưới là số của nợ bị cắt tổng cộng trong một trận lớn là 2.525 cái. Chắc chắn là các trận này không có chị em tham dự.

Nhiều dân tộc ở Tiểu-Á ngày xưa như dân Mêdes, Ba-Tur, đều dùng lối hình phạt ấy. Các sử gia nổi tiếng thời

cổ như Hérodote, Xénophon, Plutarque, Strabon đề cập đến vấn đề ấy nhiều lần.

Theo Xénophon thì các bạn hữu của ông, trong lúc rút lui, đã cắt hết dương vật của binh sĩ đối phương tử trận « *cốt làm cho linh hồn họ khùng khiếp* » Làm như linh hồn của họ bao giờ cũng đóng trụ sở ở phía dưới rốn.

Nhưng ai là người đã khởi xướng cái qui chế đặc biệt như vậy để đối xử với tù binh thì không hề nghe lịch-sử nói đến. Lịch sử đôi khi trở thành một loại người căm đáng ghét vì có một số vấn đề ta cần tìm hiểu thì lịch sử lại nhất định dấu kỹ.

Theo một tác-giả vô-danh Hi-lạp mà người ta tìm thấy được tác phẩm rất cổ thì người có cái sáng kiến cắt môn nợ của đàn ông là bà hoàng-hậu Lyttousa, nhưng biết bao nhiêu là nhà khảo cứu lục hết sách vở từ Đông sang Tây vẫn không thấy có bà vợ vua nào có cái tên gọi như thế. Còn như ý kiến của một bộ óc hết sức thông minh ngày xưa là Hérodote thì người Ba Tư chính là tác-giả đầu tiên đã cho xuất bản cái lối cắt xẻo tù binh bại trận. Theo Vossius thì tiếng Latinh *Spado* đề chỉ bọn người yêm-hoạn, là bắt nguồn từ tiếng *Spada*, tên của một làng ở tại Ba Tư, nơi bày sủ ra tục cắt xẻo này trước hết.

Một số tác giả khác lại cho rằng chính bà hoàng hậu Sémiramis, sứ Assyrie, bà hoàng nổi tiếng một thời như là một loại Võ-hậu quái đản, mới là tác giả thực sự của môn cắt này. Sau khi bóp cổ ông chồng là vua Ninus để lên tiếm ngôi, bà cho thiến hết các bọn thị-vệ, có lẽ để lột người này bớt những ý nghĩ lộn xộn khi bà cầm quyền, vừa là một cách

chứng tỏ bà là con người đạo đức thực sự.

Nhưng nhiều sử gia khác có tên tuổi lại bảo rằng bà hoàng ấy không hề thiên một ai hết, trái lại, bà tìm mọi cách nuôi dưỡng những người khỏe mạnh và sau khi sống chung chạ với họ một lần thì giao cho bọn đạo phủ chặt đầu. Tưởng nói cho rõ là tiếng chặt đầu ở đây được dùng theo nghĩa thông thường chứ không có ngụ ý gì lệch lạc.

Một sử-gia khác nổi danh không kém, là Ancillon, vốn người Hi-lạp, bác bỏ các thứ tài liệu trên đây và bảo rằng bà hoàng ấy không hề chặt đầu ai cả, và chỉ bắt họ đem thiên mà thôi, « vì sợ bọn này có thể đi lại với đàn bà khác ».

Than ôi, chỉ có mỗi một bà hoàng-hậu « ngựa » như vậy, mà không biết bao nhiêu là những ý-kiến trái ngược của các sử gia tự hào thông thái. Một số còn nhất định rằng bà hoàng không hề thiên bọn đàn ông khỏe mạnh mà chỉ thiên các đứa trẻ tàn tật, ốm yếu, để cho giống nòi khỏi bị di-lụy về một truyền-thống èo-uột ! Nhưng dù có giải thích bằng cách nào để mà sửa đổi sự thật thì các sử gia cũng không thể nào chối cãi được rằng bà hoàng Sémiramis đã bị chính con trai mình là Ninias thuê một tên hoạn đâm chết.

Người ta thấy rằng cái tội thiên ấy cứ được duy trì mãi về sau này và các vua chúa xứ Babylone khi đánh với người Do Thái đã thiên tất cả tù binh. Trong « Sách các vì Vua » tập hai, có lời nguyện rủa như sau : « *Tất cả gia-đình của gã A-Hạp sẽ bị tiêu diệt : về gã A Hạp thì ta dứt bỏ hẳn phần mà nó dùng để tiến tiện vào tường* » Ở trong Thánh Kinh, đoạn nói về chàng David có ghi rằng người

hùng này đã mang đủ 200 món dương vật máu me lòng rỗng để làm sinh-lễ đến xin cưới cô con gái ông Saül. Gần đây một số bộ lạc thuộc giống Berbères ở các sườn non Atlas vẫn còn tục lệ mang các dương vật kẻ khác đến xin hỏi vợ. Theo họ, đó là dấu hiệu của sự can trường đặc biệt đáng nên hôn-hoan gả liền con gái cho họ. Mà không can trường sao được, khi có đủ sức xô ngã người ta mà còn có đủ lanh lẹ hút được một thứ mà ít ai dám phô trương ra ngoài !

Ở Việt Nam ta, mới ngày nào đây, giống người Dié vùng Toumorong, thuộc về Tây Bắc Kontum, có tục phải nộp sinh lễ hỏi vợ là một bàn tay kẻ thù, của người lạ mặt hay kẻ khác làng. Kề ra đó cũng là một tục lệ dã man, nhưng nếu đem so sánh với cái lối thiên kia thì xem có vẻ tao nhã hơn nhiều. Lại suy thêm về người Việt Nam ta thì thấy chúng ta có những quăn điếm hoàn toàn trái ngược với người nước ngoài : chẳng hạn người dân Chiêm Thành thờ món dương vật và ở sát vách chúng ta, thế mà trải bao thế kỷ ta đã không chịu ảnh hưởng, lại còn thích đem món ấy ra để làm đồ chửi rủa một cách tục tằn những khi có việc giận dữ bạn bè thân mến hoặc là bà con chòm xóm của mình.

Nói chung thì sự cắt xẻo dương vật của kẻ bại trận là một việc làm quá đỗi phổ biến ở trong lịch sử ngày xưa. Vào khoảng thế kỷ thứ VII khi Héraclius là thái thú ở Châu Phi mang chiến thuyền đến Byzance giúp giải phóng cho miền này thì quân chúng kéo ào đến cung điện hoàng đế Phocas vừa rêu vừa chửi náo động vang trời. Hoàng Đế phải chạy trốn chui trốn nhủi, cuối cùng rúc vào một cái miệng cống đen ngòm. Ấy thế mà những cặp

mắt cảm hôn vẫn soi thấy được và theo sử sách truyền lại thì các phụ-nữ lôi ngay ngài ra, lấy dao tranh nhau thiên ngài một cách rất ư lẳng nhằng để cốt hành hạ cho bù lại với những khi ngài cưỡng bức họ. Cuối cùng, sau khi cắt xong phần dưới là phần mà họ cảm thù hơn hết thì họ mới giao phần trên cho quan thái thú chặt đầu.

Câu chuyện trên đây xui cho người ta nhớ đến một sự kiện khác, tuy có đượm màu bi thảm nhưng cũng chứa đầy ý vị khôi hài : vào khoảng thế kỷ thứ X quân đội Hi-lạp tấn công hầu tước Bénévent và hành hạ ngài quá đáng. Bọn ngài là Théobald đem quân tiếp cứu, bắt được một số binh-sĩ Hi-Lạp bèn đem thiên hết, rồi thả trở lại, cho mang một cái thông điệp như sau, để đưa cho vị chỉ-huy của họ : « Biết rằng hoàng đế các ngươi rất khoái những bọn yêm-hoạn, vậy thì gửi đến bao nhiêu gà trống ta sẽ hoàn lại thành gà trống thiên ». Théobald chuẩn bị thiên một trận nữa cho qui-mô hơn thì một ngày nọ có một phụ nữ, chồng vừa bị bắt, la khóc náo động đến xin gặp vị đại - tướng. Cuối cùng thấy bà ta cứ khăng khăng đòi vào, Théobald bèn chấp lời. Vừa gặp, ông ta hỏi ngay.

— Mụ kia, có việc gì đấy ?

Người đàn bà gào lên :

— Thưa ngài, tôi rất lấy làm ngạc nhiên thấy kẻ anh hùng như ngài lại gây chiến với đàn bà chúng tôi khi bọn đàn ông đã bại trận rồi.

Đại tướng trả lời :

— Nói nghe lạ sao ! Từ thuở bọn Amazones đến giờ có ai lại gây chiến với đàn bà làm gì ?

Người kia đáp liền :

— Thưa ngài, không có trận giặc nào dã man hơn đối với chúng tôi là việc ngài cho dứt bỏ những gì mà chồng chúng tôi có thể nhờ đấy giúp cho chúng tôi sinh đẻ. Khi ngày đem thiên họ đi thì không phải ngài hành hạ họ đâu mà chính là ngài hành hạ bọn chúng tôi đó. Mấy ngày vừa qua, quân sĩ của ngài bắt hết súc vật, đoạt hết của cải của chúng tôi mà chúng tôi có kêu than gì đâu. Bởi vì cái món đồ ấy mất đi vẫn có thể sắm lại được. Còn về cái khoản mà ngài vừa cho ra lệnh tước mất của lũ đàn bà chúng tôi thì không cách gì mà gầy dựng lại. Tôi phải thay mặt chị em mà đến van nài tấm lòng xót thương của ngài ».

Cái lối ăn nói chất phác của người đàn bà làm cho toàn thể quân đội cảm động và họ phóng thích lập tức người chồng cùng trao trả lại những gì mà họ tước đoạt. Khi người đàn bà sắp sửa ra về, Théobald bèn gọi lại bảo :

— Mụ kia, nếu ta lại bắt được tên chồng mụ tiếp tục cầm binh khí để chống ta, thì mụ muốn ta sẽ trừng phạt gã thế nào ?

Người đàn bà đáp :

— Thưa ngài, anh ta còn tai, còn mũi, còn mắt, còn tay và còn chân đó là những của riêng thuộc về anh ta, tha hồ ngài muốn cắt lấy chỗ nào cho xứng tội-trạng là tùy bụng ngài. Còn cái gì thuộc về phần của tôi thì xin ngài hãy chừa lại.

Vào thế kỷ thứ 12, vua xứ Na-Uy là Magnus IV bị một gã Ai-Nhì-Lan tên là Gilchrist đánh ngã, chiếm ngôi. Gã này bắt vua đem thiên, rồi cho nhốt vào một nhà tu kín. Thời kỳ có cuộc tàn sát đẫm máu ở Palerme và Messine tại Ý, các người đánh cá thuộc miền Sicile cho chở hàng tấn cá thu ướp muối qua tỉnh Provence, đã gửi kèm theo nhiều thùng đồ-nô chứa đầy dương vật của các Pháp Kiêu để cho người Pháp biết... tay. Tất nhiên, món này cũng được ướp muối cẩn thận.

Nhất là ở trong thời kỳ chiến-tranh tôn giáo tại Pháp. cảnh tượng chém giết, cắt xẻo khủng khiếp diễn ra hàng ngày. Đô đốc De Coligny mặc dầu đã già lợm khòm cũng bị một số cuồng tín đối xử hết sức tàn nhẫn: một gã người Đức, tên Besme, dẫn đầu nhiều người tấn công nhà ông vào lúc nửa đêm, và khi ông già đang còn thiêm-thiếp giấc nồng tên Besme rút dao ba-nha cắt phăng phần dưới của ông. Rồi cùng với các người kia ném xác ông già qua một cửa sổ ở tầng lầu cao xuống dưới mặt đường. Đoạn chúng kéo xác ông đem đi máu me đến giáo-hình-đài ở Montfaucon. Nhưng theo các nhà chép sử thì sự tàn sát của các tin đồ ở trong giáo phái Calvin còn thua kém xa đối thủ của họ. Một anh thợ cạo ở tại Béthune đã khoe rằng trong thời kỳ khá lộn xộn ấy, chính tay anh đã cắt đứt nghiêng của nợ của mười bảy vị tu-sĩ bằng chính dụng cụ mà anh vẫn dùng cạo râu, cạo mặt một cách trân trọng cho nhiều nhân vật đáng kính. Ở Metz, một vị mục sư tuổi tác bị lớp tin đồ giáo phái Calvin chặn thiên, rồi bắt xơi luôn bộ... dái—xin lỗi—mà họ cố nhét vào miệng. Cứ theo sách

vở thì họ cũng có cho lược qua loa, trước khi cưỡng bức chủ nó phải xơi. Nhưng điều khủng khiếp hơn nữa là khi cụ già ăn xong, người ta bèn cho mổ bụng lập tức để người thiên hạ có thể kéo đến xem ruột gan ông ta đã tiêu hoá món ăn ấy thế nào.

Tất nhiên chúng ta không thể kéo dài ngòi bút để nhắc lại những cảnh tượng làm cho nhục nhã con người như vậy. Nhưng ở nơi những giống người mà chút ý tình tôn-giáo có thể gây nên bạo tàn, thậm chí đến thế, thật không đáng cho chúng ta tin tưởng quá nhiều ở cái tư tưởng truyền thống mà họ tự hào, để quên tình thần truyền thống đích thực của ta. Cho đến những người thiểu số ở các núi rừng Việt Nam vốn bị xem như là kém khai hoá, từ xưa vẫn chưa hề bị một cái động lực mê tín hay tín ngưỡng nào thúc đẩy làm nên những chuyện quái ác đến mức độ ấy.

Nhưng có một vài sự kiện về trường hợp cắt xẻo sau đây cũng đáng cho ta lưu tâm. Gần với thời đại này phụ nữ Ả-Rập đã thiên rất nhiều lính Pháp khi họ tấn công xứ Algérie. Ở cuối thế kỷ 19, người ta lượm một người lính nằm mê man trên con đường xe hoả cách Alger vài cây số. Cơ quan sinh dục của gã bị mất, quần đầy máu me cùng chất phân bã. Sau khi đưa gã vào điều trị trong bệnh viện quân-y, người ta lùng bắt một số thường dân Ả-Rập khả nghi nhưng các người này chối cãi kịch liệt và bảo cái tai nạn ấy do một con chó khá lớn trong vùng gây nên, họ chính mắt trông thấy mà không sao can thiệp kịp. Người ta cho bắt con vật, mổ ruột ra xem, thì quả có thấy một phần của nợ người lính trong đó. Tuy nhiên

cái dẫu của chỗ bị đứt tron phẳng đến nỗi không ai tin rằng cái răng con chó có thể ngọt ngào như vậy, mà phải là sự chiều cố của một món dao rất bén. Người ta có thể nghĩ đến tấm lòng căm hờn sâu xa của dân xứ đó đối với kẻ thù. Nhiều bộ lạc dân da-đỏ vẫn đối đãi với kẻ thù như vậy. Nhiều giống dân ở Châu Phi như người Gallas, người ven biển miền Guinée, người Nubiens, người ở vùng Kordofan và ở trung bộ Phi-Châu vào đầu thế kỷ 20 vẫn thích dùng phượng sách ấy để cho kẻ thù khiếp sợ.

Ở Trung-Hoa ngày xưa, người ta vẫn áp dụng lối thiên này đối với con cái kẻ thù, với dụng ý chấm dứt hẳn dòng giống phản loạn. Và cái trường hợp đặc biệt đã đem lại cho loài người một tác phẩm lớn, là Tư Mã-Thiên vì bệnh người

bạn trong khi chép sử đã bị triều đình xử thiên, và đau buồn vì không thể có con nối dõi đời mình, bậc thiên tài ấy đã để lại cho loài người đứa con tinh thần hết sức lớn lao là bộ Sử-ký, viết bằng một thể mới nhất và kỳ thú nhất. Đó quả là một trường hợp bù trừ đặc biệt, và nói theo nhà tâm-lý nổi danh Adler, là một sự *siêu bù trừ* (surcompensation) khiến người ta có thể nghĩ đến câu :

Lạ gì bí sắc tư-phong

Sau khi đã biết :

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng!

VŨ-HẠNH.

Kỳ sau : Một số sự kiện đặc biệt về thiên.

TIN MỪNG

Được tin nữ-sĩ TÚY HỒNG đẹp duyên cùng nhà văn THANH NAM, ngày 21-12-1966 tại Saigon. Xin thành thực chúc mừng hai bạn chung hưởng trăm năm hạnh-phúc

LÊ-CHÂU — LÊ-PHƯƠNG-CHI — LÊ-TẮT-ĐIỀU —
VÕ PHIẾN — NGUYỄN-NGU-Í — NGUYỄN-VĂN-TRUNG.

TIN MỪNG

Được hồng-thiếp báo tin mừng :

cô BÙI THỊ NGỌC VINH, thứ nữ Giáo-sư Bùi-Hữu-Sùng, đẹp duyên cùng cậu TRẦN-THẾ-QUỲNH và hôn lễ cử hành tại Saigon, ngày 31 tháng 12 năm 1966,

Xin chúc tân giai-nhân cùng tân-lang trăm năm hạnh-phúc, và trân trọng gửi lời mừng Giáo-sư Bùi Hữu Sùng.

LÊ-NGỘ-CHÂU

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (15)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Người đàn ông làm việc hối hả. Lưng bị ép mạnh vào một nếp gấp của chiếu đã tê dần, chị toan nói toan di chuyển người sang phía bên nhưng những cử động bấu víu cương quyết của Hải làm mọi ý định mềm rũ xuống, vô dụng. Chỉ còn cách chịu đựng, tiếp tục chịu đựng. Một giọt nước đọng kẽ mắt từ lúc nào bây giờ vì một cử động mạnh của người đàn ông, bật tung từ má chảy buồn buồn xuống thái dương. Hải thở hồn hèn ngay sát cạnh làm những sợi tóc rung động phá vỡ giọt nước li ti bám vào vành tai, chị chợt nhận đồng thời cảm giác giọt nước vỡ tan và cơn khóc đã ngừng. Nỗi tuyệt vọng có từ lúc hoả châu bùng sáng không còn nữa, Hải đó rồi, Hải như bóng đêm là bóng đêm đã tới và chị chẳng còn có thể làm gì hơn là theo đà đẩy mà nằm ngửa chịu đựng. Chị chậm chạp mở mắt, một chiếc lá nào đó theo gió lay động cho mặt trăng thấp thoáng trên kia. Hẳn vội vã hơn, thế là sắp xong rồi. Chị toan nói, mong hẳn nói nhưng không-gian vẫn chỉ là tiếng gió và tiếng lá khô lạo xạo vỡ nát thêm dưới chiếu, chị muốn nghe cái gì khác hơn tiếng thở mỗi lúc thêm đứt quãng. Mong ước đến tuyệt vọng, nhưng hẳn không cần nói, Ba có nói có hỏi han trong lúc... nhưng Ba là chồng, Ba có thương có yêu. Nhưng Ba đâu rồi, Ba ở đâu? Ý nghĩ rằng Ba đang hi hục đào đường, lưng trán đùi mồ hôi ướt bám dưới ánh trăng ngoài kia làm chị nghẹn ngào, muốn vùng lên. Nhưng Hải đã đến cực điểm, Hải không còn là gì hơn một áp lực tua tua dồn chị xuống vết chiếu hẳn đau cứng, hẳn là con vật dằng dai ngấu nghiến miếng mồi để không cần nói không cần phải thốt ra tiếng kêu, bất cứ tiếng kêu loại nào để chị bớt niềm tủi thân. Chị bắt đầu khóc thành tiếng nho nhỏ, giọt nước bám vào mi làm nhoè méo mó và rung rinh mặt trăng bên trên kia, sau lớp lá. Hải rũ một khoảng khắc, lăn sang một bên ngồi dậy. Hẳn không nói và chị tiếp tục để nước ứa ra làm mờ mắt mình. Hẳn im lặng, hẳn đang lục túi áo kiểm thuốc lá, chị không cần ngó cũng biết hẳn sắp hút thuốc, đàn ông nào cũng đến thế, đàn ông nào cũng là mùi thuốc bốc lên khét lẹt, đàn ông nào cũng đến thế, cũng đến chỉ là cái thân thể uể oải dựa tường, dựa vách dựa cột, dựa thành đất lạnh của chiếc hầm. Bây giờ chị hiểu thật rõ tại sao sau ngày bị Tây cưỡng, má hay khóc một mình với những giọt nước rớt trên tro nóng trong bếp. Cái hành động ấy chẳng nghĩa chi hết cho thân thể, một vài gáo nước là không còn dấu vết. Nhưng còn bên trong thì đầy thương tích, người đàn bà là đàn bà cho một người đàn ông thân thể mới thấy được là của

chính mình. Tiếng trẻ khóc làm chị bưng tỉnh, toan ngồi dậy. Không phải tiếng thằng Bê. Người đàn ông giơ chân cản, chị gạt sang một bên:

— Đề tui vô ! Bấy nhiêu chưa đủ...

— Đã ăn nhằm vào đâu.


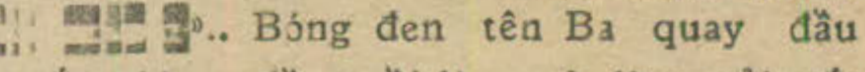

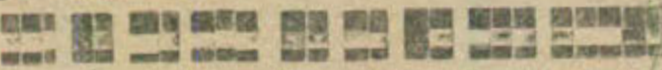
Tiếng nói của người đàn ông làm chị vụt tìm lại sức lực. Hẳn đã nói, hẳn không còn là khối đen tua tuả, không còn là tiếng thở hỗn hển làm rũ liệt tan tành ý muốn chống cự. Bây giờ hẳn là Hải, chính Hải. Chị không còn sợ hãi nhưng tự hỏi còn có thể làm được chi nữa không hay là đề rồi vào những lúc vắng người, ngồi khóc cho nước mắt rớt trên tro tạo những tiếng xèo an ủi sau cùng. Bây giờ chị thấy ngại ngưng chọ cả việc thực hiện dự định đã có lúc ngồi trên thềm hiên :



Vũ ngừng bò, lật nghiêng người thò tay vào túi quần lấy bật lửa bỏ vào túi áo cho khỏi vướng. Con lộ đã gần lắm rồi tiếng cuốc nghe rõ từng nhát cách biệt. Chàng nhô đầu thật chậm khỏi bờ ruộng, đám kiến đen đã trở thành đám người hỗn độn làm việc với những vết sáng loang loáng của kim khí mài phản chiếu ánh trắng. Một vài câu nói đứt khúc tung tới, chàng quan sát tìm kiếm những du kích nhưng những cử động nhòa tất cả vào một khối đen hỗn độn, quều quào. Ánh trắng yếu đi, chàng ngừng lên, đám mây xám đang bay tới che dần mặt trăng, chàng ước chừng chiều dài và tốc độ bay của đám mây rồi nhắm mắt lại, đếm thì thầm như bao đêm nằm thao thức trên chiếc võng treo dưới hàng hiên, trong rừng bờ bụi, tần mẩn tính thời gian che khuất mặt trăng của từng đám mây lớn nhỏ. Chàng tiếp tục đếm, năm sáu, bảy, nên mua vải màu gì làm quà cho Bích ngày mai, ni-lông không nhàu nhưng bây giờ ít người mặc, tám chín, mười, đàn bà kỳ cục chỉ thích theo mốt, mười một mười hai mười ba, còn đẹp hay xấu không quan hệ mười bốn mười lăm, xuống xe đi mua liền cho có vẻ quà, mười sáu mười bảy đàn bà thích nhận quà dù là của chồng, mười tám mười chín hai mươi, đám mây chắc qua rồi, chàng mở mắt từ từ. Một kẻ cầm súng đứng bên này lộ, một người nữa đứng trên mặt đường đang đốc thúc đám dân làm việc, một kẻ nữa đang vén quần đái trên bờ ruộng. Tên thứ tư đâu, tên du kích thứ tư đâu... Chàng cố quan sát, cố tìm. Hay Ra nhìn nhằm một người dân nào. Chàng quay đầu lại phía sau toàn ruộng phẳng và bờ cây gần nhất cũng tít phía xa. Nếu cần phải rút, chỉ còn cách chạy ngược trở lại con đường đất cũ, ven xã. Chàng thở dài trước khi trườn sang bên trái thì thào vào tai một người lính đi cùng :

— Hai anh cố hạ hai tên đứng phía này... Kia kia, một đứa đứng gác gần phía này, một đứa vừa đi tiểu xong đang ngồi xuống hút thuốc đó, chếch ngay bên phải cái cây, thấy chưa ? Còn tên đang thúc dân, đề tôi lại gần thanh toán. Nhớ chỉ nhắm sẵn thôi, khi nào thấy tôi bắn hãy bắn, Hết kẹp là rút thật mau, đừng đợi tôi.

Chàng lăn tròn người sang phía bên kia bờ ruộng, mùi rạ ẩm bốc lên thấp thoáng mùi bùn và mùi cỏ. Phải bò thật chậm, chúng có thể nhìn ra từ quãng cách này, mắt chúng quen bóng tối. Một cục đất nào đó bị cùi chỏ chạm lăn đi mấy vòng, chàng bất động nín thở. Trên lộ, các hoạt động vẫn bình thường, chàng nghe rõ từng câu nói của đám đông nhưng không hiểu nghĩa — từ đây tới lộ còn hơn trăm thước, không hi vọng gì bắn trúng trong thứ ánh sáng này. Liệu còn có thể lại gần hơn nữa không, chàng ngần ngại nhìn khoảng trống trước mặt, nhìn đám đông. Hình như tên du kích vừa lớn tiếng, chàng vội lắng nghe nhưng không kịp. Những mâu âm thanh bẻ vụn vì gió không sao chấp nối được trong trí. Chàng tự dưng thật sự muốn giết tên du kích, muốn như một ao ước, một nhu cầu không thực hiện ngay sẽ làm ray rứt khó chịu. Trăng hoàn toàn ra khỏi mây, chiếu sáng trước mặt một khoảng trống có bụi cây nhỏ thấp trơ vơ. Chàng trườn thật từ từ, súng đề ngang trên hai cánh tay, một đầu gối một cùi chỏ đưa lên, những âm thanh sột soạt khe khẽ dưới người, một đầu gối đưa lên nữa — mong chỗ trống đừng có nước, nếu không... Gần lộ lắm rồi, chàng vòng tay ra phía sau lấy lựu đạn, vành chỗ trống đã hiện rõ, tên du kích đã đề lộ chiếc bao đựng đạn phồng căng nơi thắt lưng. Hắn không nghi ngờ, hắn khinh địch, nếu không đã phải nhìn ra. Chàng khẽ để thân hình tụt theo thành dốc chỗ trống, mùi cỏ ẩm ướt bốc lên sức nức. Không có nước, may quá không có nước ở dưới. Mồ hôi đầm đìa kéo vãi quần dán vào da, chỗ nào cũng mồ hôi nhưng bây giờ chàng mới nhận thấy chúng. Áp sát người vào bờ cỏ, chàng nhận thấy tên du kích đang cúi xuống chỉ trở. Ở khoảng cách này, hắn sẽ chết chắc chắn. Không thể thoát được, không thể thoát nổi. Chàng đặt quả lựu đạn xuống, ngoáy mạnh tròn vào cổ cho khỏi lăn, mở nút bao vải kéo bi-đông ra thật khẽ. Liệu chúng đã nghi ngờ gì chưa, tiếng nút nhựa xoay khẽ, chàng đưa bi-đông lên, thò lưỡi vào miệng bình dẫn nước vào miệng. Những giọt nước mát mẻ và một thoáng gió hạ thấp làm se mồ hôi thành những điểm lạnh lạnh. Mùi cỏ ngái ẩm ướt mỗi lúc thêm dày đặc làm ý chí như nhão nát buông thả tứ chi tâm hồn vào giấc ngủ. Chỗ trống trở thành ấm cúng quen thuộc nhanh chóng và mùi cỏ như rủ rê vào một vùng an toàn. Mi mắt hơi sụp xuống, chàng nhận biết cái cử động nhỏ bé ấy của thân thể. Mình mệt rồi, mình mệt mất rồi, mùi cỏ quá dễ chịu, quá êm đềm. Nhưng còn nhiều việc phải làm, nhiều việc phải làm... Chàng đặt trái lựu đạn đứng thẳng bên trái bụi cây. Tên Năm hẳn đã đưa nòng súng theo từng di chuyển của gã du kích phía trái, nhưng hắn và Sao đều mang tiêu liên khó chính xác ngay từ những viên đạn đầu với khoảng cách ấy. Chàng quyết định sẽ ném lựu đạn vào phía đó ngay sát lộ, vừa không chết dân vừa hạ tên du kích. Ném bằng tay trái để có đủ năm giây cho tay phải bắn hạ tên chỉ huy trên lộ. Năm giây là đủ ngắm và bóp cò, chàng thì thảo ý nghĩ của mình như đề tự nhắc nhở. Năm giây trước khi mọi sự tan hoang với tiếng lựu đạn. Chàng cố suy nghĩ cố ước tính xem cái gì sẽ xảy ra sau khi bóp cò và đàn kiến chạy tứ tung. Hy vọng đâu, gần phía đồn hay xa hơn, cách lộ 300 hay 500, đại đội tên Hải hiện làm gì, rình mò nơi đâu, chàng không biết những điều ấy, không thể biết gì thêm, hiệu

thính viên có nhận thêm tin tức cũng đến thế thôi bởi vì chỗ trũng là không gian tách biệt, khoảng khắc an bình giả tạo mà chiều dài chiều ngắn tùy thuộc chính mình—chàng ngừng đầu lên nhìn bao quát tìm một đám mây thấp, nó kia rồi, không lớn lắm, đang bay lừ lừ. Lớn chừng đó đủ rồi, đủ che khuất ánh trăng cho chàng chạy ngược trở lại chỗ trung đội nằm trong ven con đường đất. Đám mây gần hơn rồi, gần hơn nữa rồi, một thoáng mỏng đã đi ngang phía dưới mặt trăng. Chàng đặt khẩu súng nằm dài trên cỏ, rút chốt an toàn lựu đạn, mắt theo dõi hình dáng người du kích trên lộ. Hắn đang đi dọc mô đất, trà trộn vào dân—làm sao bắn được, trăng sắp bị che khuất, ra đi, mây ra khỏi đám dân đi mây, đám mây sắp tới, ra đi mây... Hắn đứng lại, làm gì thế này, được rồi đó, đi nhanh lên chút nữa, còn ba người dân nữa còn hai người.  . Bóng đen tên Ba quay đầu văng tục, chàng nheo mắt cố tìm đường ngắm đúng, đầu ruồi lờ mờ làm mờ mắt nhưng mũi súng đã vào giữa bụng tên du kích. Bây giờ chỉ còn chờ đám mây—nó còn bao nhiêu đường phải đi tới trăng, bàn tay phải đã hơi cứng lại vì ghi chặt đúng đúng vị trí, mây tới chưa... Không gian vụt u ám, chàng ném lựu đạn không nhìn theo nó đi tới đâu, cúi vội xuống cầm súng. Trước khi bóp cò một thời gian vô nghĩa, chàng thoáng nhận ra người dân tên Ba lao người vào đánh một kẻ kể bên làm che khuất tên du kích. Nhưng ngón tay đã bóp cò, , chàng rủa một tiếng quỉ lên, tên du kích nghiêng người về phía trước lấy đà chạy—chạy đâu, chàng bóp cò liên tiếp, chạy đâu cho kịp mây... Tiếng lựu đạn nổ vang dội, chạy đâu nời, chàng bóp cò, , tên du kích gắng gượng ôm bụng, lắc lư cố bước, ngã chúi xuống. Trước khi xoay người nhẩy ra khỏi chỗ trũng, chàng còn kịp thấy hắn đồ sắp xuống lộ và những người dân nhốn nháo. Đạn kiến đen, chàng co chân nhẩy qua một bờ ruộng, đúng đàn kiến bị ngón tay chọc vào mồi đang xông xáo, con đường đất kia rồi...

Chị đã co chân lên cản, nhưng khi Hải cầm đầu gối ấn sang một bên, chị lỏng lẻo buông thả. Còn giữ chị, thôi cho nó lẩn nữa cho xong đi. Chị nghiêng đầu sang một bên cố nhìn mặt trăng qua lỗ quang lá trên cao, chờ đợi và chịu đựng. Chị toan nói mau lên cho tui còn vô với đứa nhỏ, nhưng lời nói không thốt ra vì một khoái cảm mới mẻ đã dâng lên. Chị hốt hoảng vì chính mình, sao lại thế, sao lại thấy... Chị cố nhìn cho được đủ vòng tròn của mặt trăng qua lỗ quang lá quá nhỏ khi một tiếng súng một tiếng nổ bùng vang dội. Chị toan vùng lên nhưng Hải dùng sức mạnh ngăn cản.

— Buông tui ra ! Vô hằm không chết. . .

— Xa mà... coi mòi xa mà... Im rồi đó thấy không. Tôi còn ở đây làm sao đánh lớn. . .

Hiệu thính viên chưa nói hết câu, Vũ đã mệt mỏi đến độ bàn tay cầm khăn lau mồ hôi trên trán dừng hẳn lại. Tính nhăm rỗi, mụ giao liên đã nói dối, trung đội như thế là kẹt cứng rồi. Ra im lặng xốc lại túi đeo lưng

trên vai, thì thảo qua hàm răng đang cắn cho thẳng hai màu thép của chốt an toàn lựu đạn :

— Tôi đã tát cho con mụ mấy cái ! Nó thề sống thề chết là nó không biết thực chứ không phải định tâm lừa. . . Chúng xung phong, chuẩn úy !

Chàng quì lên, tiếng súng nổ dữ dội bên kia lộ, tiếng kèn lãnh lót cất lên trong tiếng la hét. Chàng giật ống liên hợp đưa lên miệng : « Bắn sát lộ hướng bắc bình du lu cho Vinh ba. Bắn sát lộ. . . ». Không kịp rồi, những bóng đen lố nhố lao qua mặt lộ, không kịp rồi. Chàng giật trái lựu đạn khỏi tay hiệu thính viên, buông ngón tay cho cái thìa bung ra trước khi ném. Hai, ba hay bốn bóng đen đứng sừng lại trong tiếng nổ chát chúa, chàng đưa súng kẹp nách bóp cò, bóp cò liên tiếp. Một lúc khói trắng bung lên cạnh lộ, chàng hồi hả nói vào ống liên hợp : « Đúng rồi đó, đúng rồi ! Vinh ba xin ngay đạn nổ. . . ». Ống liên hợp vụt bị kéo văng khỏi tay, chàng cúi xuống, hiệu thính viên chúi đầu vào cỏ như một chiếc khăn mặt ướt rớt khỏi giây treo. Khi khom người nhặt ống liên hợp, chàng thoáng nhận ra binh Cận bị nầy tung khỏi thành đất, một cách tay gập lại như muốn đỡ lấy đầu. « Vinh ba xin đạn nổ sát lộ. . . Mau ». Không kịp rồi, tiếng kèn của địch lại cất tiếng, chàng quì xuống xỏ tay vào một bên đai máy truyền tin, miệng la lớn :

— Trung ba phân tán. . . Vào ruộng mía !

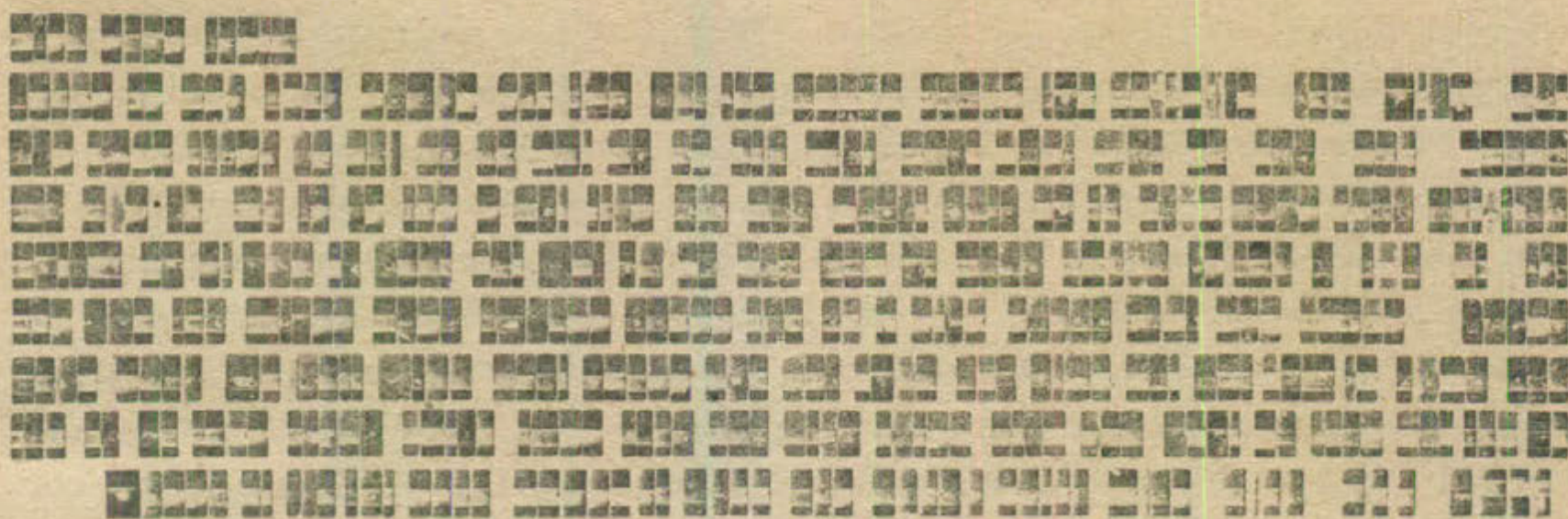
Chàng nghiêng người hất mạnh máy truyền tin lên vai, thoáng thấy Năm và Sao chạy giật lùi, nòng tiểu liên lổm đổm loé sáng. Một bóng đen vụt hiện lên cỏ chàng không kịp quay đầu, hất mạnh chân bật ngựa người sang phía trái. Tên địch theo đà chém ngã chúi ra phía trước, chàng đưa súng dí sát bóp cò rồi chồm dậy nhẩy vọt qua xác hiệu thính viên. Tiếng kèn tiếng la thét nổi rõ trên nền tiếng nổ, chàng lao qua sân đất chói chang ánh trăng, la lớn :

— Trung ba. . . Ruộng mía ! Mau. . .

Một sức mạnh đập vào ngực làm chàng loạng choạng, muốn đổ nghiêng sang, một bên. Chàng gắng sức giữ thế quân bình, muốn tiếp tục chạy nhưng hai chân như từ chối. Sức lực vụt tiêu tan đâu, cơ thể yếu đuối như đang ốm nặng, lão đảo. Qua hàng cây thưa, chàng nhìn thấy lá mía lất phất dưới cơn gió, không thể nào tới đó nổi, không thể nào. . . Chàng vịn hàng rào lẩn đi, chiếc C.10 trên lưng như muốn kéo ngựa ra phía sau nhưng chàng không dám gỡ, sợ buông tay khỏi hàng rào, thân thể sẽ đổ gục xuống vĩnh viễn. Chàng gắng gượng tiến từng bước, phải tìm một chỗ nấp, ruộng mía quá xa, mờ mịt, mình phải tìm một chỗ nấp, một chỗ trú ẩn an nghỉ, một chỗ trú ẩn, một chỗ trú ẩn. . .

Tiểu đoàn trưởng ngả người dựa vào thành vải ghế xích đu, lau nhàu :

— Có ai có ý kiến gì không ?



Tiểu đoàn phó nói nhẹ nhàng :

— Chỉ còn có cách đợi. Mình không thể làm gì khác hơn.

Đúng thế, chưa có thể làm gì hơn, chàng chưa thể làm gì hơn là ngồi nghe hơi rượu bốc nóng trên người và nghĩ đến Linh, nghĩ đến nàng trong chiếc sân đồn mấp mô lấp loáng ánh trắng và thứ màu xanh nhạt của chiếc đèn măng-xông treo phía trong. Vinh lại gằn, cúi xuống cười nói nhỏ :

— Linh mới lại đang nhớ vợ rồi phải không ?

— Cái đó bắt buộc.

— Ăn nói tấn tới rồi đó. Linh mới !

Tiếng cười của Vinh vang lên đơn độc, như một nỗi khó chịu trong không-gian chứa đầy chờ đợi và bị đông. Định ngừng lên hỏi :

— Tại sao không cho Hy đi ngược lên tìm địch có hơn không ?

Vinh không trả lời, cúi xuống buộc lại giày giầy. Không ai nói, không ai có vẻ như nghe thấy, không ai làm gì khác hơn là chìm đắm trong khoảng thời gian bất biến kéo dài từ lúc nhận được báo cáo chốt của trung đội Vũ. Yên đột ngột ngừng đầu khỏi bản đồ :

— Tại sao chưa thấy gì... Tên Vũ phải bỏ tới sát lộ rồi chứ, từ con đường đất tới lộ chưa quá 300.

Vinh đã cột xong giày giầy, đứng dậy vươn vai — Định chợt nhận ra Vinh vẫn trang bị như lúc mới gặp trong nhà hát bỏ hoang sau chợ, chiếc cán dao sáng bóng. Vinh nói :

— Mày không giàu tưởng tượng chút nào mà đòi coi ban 3 ! Mày không thể nghĩ thằng Vũ đang bỏ bồng buồn đi ị sao hả, yên ?

Không ai cười không ai nói thêm, nỗi chờ đợi quá đặc trải dài day dứt. Mọi người chậm rãi kiểm các ly rượu của mình lẫn lộn trên bàn hay cúi xuống cột lại những giày giầy quá rộng hay quá chật. Định cúi nhìn xuống đất, những màu thuốc lẫn lóc bẹp dúm đó. Chàng ngừng lên. Mặt trắng đã di chuyển gần tới cột ăng-ten

có ngọn mềm lá lướt như cành tre non. Trăng sáng quá, những quả tầm ruột bóng hói trên cành và những giọt nước mắt nóng của Linh rơi trên da mặt thật bất chợt. Những khối tròn nhỏ từ kẽ mắt nàng lớn dần và chàng không biết nói gì, để nguyên đầu trên đùi nàng mà nhìn đám mây từ xa tới che phủ mặt trăng. Hôn vô cớ, Linh vẫn có thể hôn và khóc, đôi môi mềm và nóng như chảy tan trong miệng... Ngọn ăng-ten cong hẳn xuống dưới một luồng gió, chàng cố theo dõi nhịp điệu lắc xư của nó để xua đuổi Linh xua đuổi cảm giác vật mềm nóng như chảy tan trong miệng. Chàng theo dõi một đám mây, dáng đi lừ lừ của nó về phía trăng. Gần hơn rồi, gần hơn nữa rồi, một thoáng mỏng đã đi ngang phía dưới. Đám mây đã tới sát, không gian vụt u ám hẳn lên. Chàng giật mình đứng dậy, một tiếng súng nổ kế tiếp ngay bằng một tiếng nổ lớn từ một nơi bên kia cầu. Khẩu súng dựa đùi rớt xuống đất nhưng không ai chú ý. Tiếng rè rè đã từ chiếc hộp vuông trên cột vang ra trong tiếng tiêu liên từng tràng và gấp rút phía xa :

— Vinh ba bá cáo... Thầm quyền Vinh ba đang chạy trở lại ...

Định cúi xuống nhặt khẩu súng lên, đeo lên vai. Bây giờ chàng cũng như mọi người : hướng về chiếc hộp vuông đang phát ra tiếng nói rè rè xen lẫn các âm điện tự chói tai :

— Vinh ba bá cáo, mục giao liên nói dối. Chủ lực địch đóng ngay bên kia lộ sát chỗ đây... Thầm quyền tôi đã về tới nơi...

(Còn tiếp)

THẾ-UYÊN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 50mg

TỪ MALTHUS ĐẾN PINCUS

• NGỌC-VÂN

Điều hòa sinh đẻ

Sanh sản và sản xuất là hai vấn đề luôn luôn làm bận tâm con người. Ngay từ thời thượng cổ con người đã phải dùng những phương pháp dã man như giết trẻ, phá thai, giết người già, ngăn cấm giao hợp để giữ cho số miệng ăn vừa với số thực phẩm. Vào đầu thế kỷ thứ 18, một nhà kinh tế học người Anh tên là Malthus nhắc nhở thế-giới đến cái hiểm họa nhân mãn. Không hiểu Malthus căn cứ vào đâu nhưng ông ta nói dựng đứng lên rằng dân số tăng gia với cấp số nhân (nghĩa là tăng với tỷ-lệ 1, 2, 4, 8, 16, 32 v...v...) còn thực phẩm chỉ tăng gia với cấp số cộng (nghĩa là với tỷ lệ, 1 2, 3, 4, 5, 6, v...v...). Với cái đà tăng gia đó Malthus tiên đoán là một ngày kia thế giới sẽ lâm vào nạn đói khủng khiếp và nhân loại sẽ diệt vong. Gần ta hơn, vào cuối thế kỷ 19, tại Việt Nam có nhà thi sĩ xã hội học cũng lo về nạn nhân mãn. Đó là Tú Xương. Malthus lo về chuyện ăn thì Tú Xương lo về chuyện ở. Malthus, với tinh thần phân tích của Tây phương, viết cả một thiên khảo luận với cái tựa dài lê thê là : *Essay on the Principle of Population as it Affects the future Improvement of Society with remarks or the speculations of M. Godwin, M. Condorcet and other writers* (luận về Nguyên tắc dân số cũng những ảnh hưởng của nó tới vấn đề cải thiện

xã hội tương lai, kèm theo những nhận xét về lời suy đoán của các ông Godwin, Condorcet và các văn-hữu khác). Tú-Xương, với bản tính thâm thúy cổ hủ của người Đông phương, gói gọn cả thuyết-lý của mình vào ba câu thơ ngắn ngủi :

Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn,
Phổ phùng chật hẹp người đông đúc,
Bồng bề nhau lên nó ở non.

Yêu và sống

Từ người thượng cổ, cho đến Malthus và Tú Xương, vấn đề đã được đặt ra dưới khía cạnh này hay khía cạnh khác nhưng cũng không thoát ra ngoài bốn chữ then chốt : sống, yêu, ăn, ở. Như mọi sinh vật khác, tình-dục là một hoạt động then chốt của cuộc sống, Đai sống là con người phải đam mê tình dục nhưng khác với các sinh vật khác, con người không có một cơ-năng thiên-nhiên nào để giới hạn sinh-sản. Súc vật có từng mùa giao-hợp, cây cối có từng kỳ khai hoa, kết quả Nhưng con người có thể giao-hợp và sinh-sản quanh năm. Tính trung bình, nếu sống một cách tự nhiên mỗi người đàn bà có thể sinh được từ mười đến mười hai người con. Hình như tạo hoá lấy làm kiêu hãnh về cái

sản phẩm con người của mình nên mới tạo cho họ một bản năng tình-dục mãnh liệt và một khả-năng sinh-sản vô hạn kỳ.

Nhưng loài người lại nghĩ khác. Vì những lý do kinh-tế, xã-hội, chính-trị hay giản dị hơn là các lý do sinh-kế hoặc sức khỏe, người ta đã thấy có lúc cần phải giới-hạn hoặc điều-hoà sinh đẻ cho thích hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của cuộc sống.

Vì không thể hoàn toàn chế ngự được bản năng tình dục, con người đành phải nghĩ cách hạn chế khả - năng sinh - đẻ. Đó là mục đích của các phương-pháp điều-hoà sinh đẻ từ thượng cổ cho tới nay. Ai cũng biết rằng một hành động giao-hợp chỉ dẫn đến sự thụ-thai khi trứng của phái nữ được cấy giống bởi tinh trùng của phái nam. Dựa trên nhận xét đó, các phương pháp ngăn ngừa sinh đẻ đã tìm cách ngăn sự cấy giống không thể xảy ra bằng cách không cho tinh trùng gặp trứng hoặc bằng cách giết chết tinh trùng trước khi tinh trùng gặp trứng.

Thụ thai theo ý muốn

Nguyên tắc thì giản dị như vậy nhưng thực hành mới khó. Tất cả cố gắng của con người trong địa hạt này từ trước đến nay là tìm ra một phương pháp chắc chắn, giản dị, không hại đến sức khỏe và nhất là không làm suy giảm cảm giác lúc giao-hợp. Cho tới nay người ta đã nghĩ ra nhiều phương pháp từ những phương pháp dân-dị và lâu đời nhất là phương-pháp giao hợp nửa vờ cho đến những phương pháp khoa học phức tạp như phương pháp Ogino, phương pháp nhiệt độ. Giữa hai phương pháp đó là một loạt các phương pháp

khác dùng các dụng cụ (túi cao su, màng cao su hoặc nắp kim khí để che cổ tử cung hoặc chất hoá học khử tinh trùng (kem, thuốc viên sủi bọt, phèn chua, muối và nước chanh vắt pha loãng trong nước) để ngăn cản không cho tinh trùng gặp trứng.

Tại các nước Tây phương những phương pháp này rất thông dụng và vấn đề điều hòa sinh đẻ đã được coi là vấn đề tự nhiên và hợp lý. Các gia đình Tây phương trừu liệu lúc sinh con và số con cái sẽ có, chẳng khác gì khi họ trừu liệu mua thêm một cái xe hơi hoặc làm một chuyến đi vòng quanh thế giới.

Tuy nhiên các phương pháp điều hòa sinh đẻ đó cũng không chắc chắn lắm. Phương pháp nhiệt độ chỉ có thể chắc chắn được 75%, phương pháp Ogino chỉ chắc chắn có 33%, còn các phương pháp cơ học và hóa học khác chỉ chắc chắn từ 40 đến 50%. Vì vậy ngay tại các nước Tây phương cũng còn nhiều trường hợp thụ-thai ngoài ý muốn, Khi áp dụng tại các nước chậm tiến như Ấn-độ, Hồi quốc, các phương pháp này lại vấp phải trở lực nữa là trình độ hiểu biết của dân chúng quá thấp không thể dùng được những phương pháp thông dụng đối với người Tây phương. Hơn nữa nhiều khi dân chúng lại còn nghèo đến nỗi không đủ tiền để ăn chứ đừng nói gì đến việc mua thuốc hoặc dụng cụ ngừa sinh đẻ.

Viên thuốc màu nhiệm

Vấn-đề tìm ra một phương pháp ngăn ngừa sinh sản chắc chắn, giản dị, rẻ, không hại đến sức khỏe và không làm suy giảm cảm giác lại được đặt ra. Nhưng cho tới trước đây vài năm, hầu

như là không có một giải-pháp nào cả. Nhiều nhà kinh tế, xã-hội, chính-trị đã tỏ vẻ bi quan trước những cố gắng tuyệt vọng ngăn chặn đà gia tăng dân số. Giữa lúc tình trạng đang có vẻ đi đến chỗ bế tắc thì một phương pháp mới được bác sĩ Pincus, người Mỹ, khám phá ra.

Các phương pháp ngăn ngừa sinh sản khác chỉ hướng vào giai-đoạn cuối cùng của sự thụ-thai tức là giai đoạn tinh trùng gặp trứng. Các phương pháp này cứ để cho trứng rụng mà chỉ ngăn không cho tinh trùng gặp trứng. Phương pháp của bác sĩ Pincus giải quyết vấn-đề một cách táo bạo và cách mạng hơn bằng cách ngăn cản không cho trứng rụng.

Chu-kỳ trứng rụng được điều khiển bởi sự quân bằng giữa hai kích thích tố do tuyến não-thùy tiết ra là progestérone và oestrogène. Mỗi tháng một lần, tuyến não-thùy ra lệnh cho buồng trứng thả ra một quả trứng bằng cách thay đổi số lượng của hai kích thích tố đó. Phương pháp của bác sĩ Pincus là xen vào hệ thống truyền tin giữa tuyến não-thùy và buồng trứng bằng cách giữ cho thể quân bình giữa progestérone và oestrogène không thay đổi. Buồng trứng không nhận được lệnh của tuyến não thùy, trứng sẽ không rụng như thường lệ. Sự thụ thai do đó không thể có được.

Phương pháp của bác sĩ Pincus dùng những viên thuốc uống đều đều mỗi ngày một viên, trong 21 ngày mỗi tháng. Hiện nay trên thị-trường, loại thuốc viên này được bán với những tên khác nhau như Enovid (làm tại Mỹ), Corovid, Volidan, Ovulen (làm tại Anh). Ở Việt Nam loại thuốc này được bán dưới nhãn hiệu Lyndiol (làm tại Hòa lan) và Menol (làm

tại Pháp). Thuốc có thể mua theo toa bác sĩ, giá tiền thuốc dùng trong một tháng vào khoảng từ 200đ đến 300đ. Nếu dùng đều và đúng phương pháp, thuốc có thể hiệu nghiệm tới 97%. Có điều đáng đề ý là nếu đã dùng thì phải dùng đều. Nếu quên không uống tối hôm trước thì có thể để đến sáng hôm sau.

Nhưng nếu quên không uống luôn hai ngày thì dù ngày thứ ba có uống luôn ba viên để bù lại, thuốc vẫn mất hiệu-nghiệm.

Hiện nay, loại thuốc này rất thông dụng ở Tây phương, Tại Mỹ có 5 triệu người dùng thuốc, tại Anh có khoảng 600.000 người, tại Pháp người ta ước lượng có khoảng 80.000 người. Cho tới nay người ta chưa có những bằng chứng gì chứng tỏ dùng thuốc có hại đến sức khỏe. Tại Pháp, một ủy-ban nghiên cứu gồm 13 nhà chuyên môn danh tiếng về các ngành sản-khoa, bệnh-học, sinh-vật, xã-hội, tâm lý... đã được chỉ định để nghiên-cứu mọi khía cạnh của việc phổ biến loại thuốc đó trong dân chúng. Các nhà chuyên-môn đã đi tới kết-luận là thuốc hoàn toàn vô hại về mặt sức khỏe, không gây ra bệnh ung thư mà có khi lại làm cho những vết ung thư chậm phát triển. Chỉ những người đàn bà mắc chứng trương và tắc tĩnh mạch (phlébites) là không dùng được loại thuốc này. Loại thuốc còn có thêm một đặc điểm là khi thôi không dùng thì người đàn bà lại dễ thụ thai hơn trước khi dùng. Thuốc cũng không có ảnh hưởng tai hại gì tới bào thai, trừ khi người mẹ vẫn tiếp tục dùng nhiều thuốc sau khi đã có mang hai tháng.

Tại Mỹ, chính phủ cũng đề cử một ban chuyên-môn để định ảnh-hưởng về sức khỏe của các viên thuốc ngừa thai. Ban chuyên môn này không kết-luận mộ

cách quả quyết về tính cách vô hại của thuốc, mà chỉ thận trọng nói rằng hiện nay chưa có bằng chứng, chứng tỏ rằng thuốc có hại, nhưng ngược lại cũng chưa có đủ tài-liệu để kết luận rằng thuốc không có hại.

Chiếc vòng xoắn

Các viên thuốc tuy đánh dấu một bước tiến quan trọng trong khoa ngăn ngừa thụ thai, nhưng vẫn chưa phải là một phương-pháp lý-tưởng. Ở tại các nước Á-đông, như Ấn-độ, Hô-i-quốc, Đài-loan, Triều-tiên và Tân-gia-ba, nơi mà vấn-đề điều-hòa sinh đẻ đã được coi là quốc-sách người ta cần đến một phương pháp điều hòa sinh đẻ lý tưởng không những chắc chắn, dẫn-dị, không hại đến sức khỏe, không cản trở giao hợp mà còn phải có thêm hai đặc điểm quan-trọng nữa là rẻ, dễ phổ biến và áp dụng trong quần chúng. Thuốc viên hội đủ các điều-kiện trên nhưng lại không đáp ứng được các điều kiện dưới. Thực ra, thuốc vẫn chưa được dẫn dị lắm vì người dùng có thể quên không uống. Hơn thế nữa, đối với những gia-đình nghèo, bỏ ra 300đ mỗi tháng để mua thuốc nhiều khi cũng là một món tiêu đáng kể.

Để đáp ứng lại nhu cầu của các nước chậm tiến, một phương pháp ngăn ngừa sinh sản dẫn dị và rẻ hơn cả các viên thuốc đã được tìm ra. Phương pháp này được mệnh danh là phương pháp vòng xoắn IUD (intra-uterine device), Dụng cụ của phương pháp này là một sợi dây plastic dài từ 2,5cm đến 3cm quấn lại xoắn như cái ruột gà. Sợi plastic được luồn vào trong tử cung của người đàn bà bằng một ống nhỏ

tương tự như ống dùng để uống nước.

Vòng plastic nằm trong tử cung sẽ khiến cho người đàn bà không thể thụ thai được. Khi muốn có thai, chỉ việc lấy vòng xoắn ra khỏi tử cung.

Hiện nay người ta chưa biết rõ các vòng xoắn tác dụng ra sao vào cơ năng sinh sản để có thể ngăn ngừa thụ thai. Người ta chỉ đoán rằng sự hiện diện của một vật lạ trong tử cung khiến cho cơ-thể tiết ra những chất tương-tự như kháng độc tố có khả năng làm hỏng trứng hoặc diệt được tinh-trùng.

Những vòng xoắn có đặc điểm là không gây ra nhiều biến chứng. Một tháng đầu sau khi đặt vòng xoắn một số người sẽ có thể cảm thấy hơi nhâm nhâm đau, hoặc thấy kinh nguyệt lâu hơn và nhiều hơn, hoặc thỉnh thoảng thấy ra huyết. Nhưng sau thời gian đó cơ thể sẽ quen đi và sẽ không cảm thấy khó chịu nữa. Đối với những người không chịu được phương pháp này, vòng xoắn sẽ tự động bị đẩy ra khỏi tử cung. Ngoài các biến chứng có thể có đó, vòng xoắn là một phương pháp ngừa thai hội đủ các điều kiện lý-tưởng. Phương pháp này được các nước chậm tiến đặc biệt chú ý tới. Ở một vài nước như Hô-i-quốc, Ấn-độ, Triều-tiên, Đài-loan phương pháp này đã được đặc biệt chú ý và phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Triều-tiên và Đài-loan đã thu hoạch được những kết quả đáng kể trong việc áp dụng phương pháp này.

Đạo đức suy đồi

Phương pháp uống thuốc và dùng vòng xoắn đã giúp cho con người hầu như có thể tự làm chủ được khả năng sinh đẻ của mình. Giờ đây điều hòa sinh đẻ không còn chỉ là những phương

tiện đặc biệt dành cho những người trung lưu khá giả, hoặc những người dân ở các nước tiên tiến. Đối với các nhà khoa học, y học, các phương pháp đó hầu như đã giải quyết được những trở ngại kỹ-thuật mà họ hằng bận tâm. Nhưng đối với các nhà đạo đức, các nhà xã hội học, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các phương pháp ngăn ngừa thụ thai giản dị và hiệu nghiệm đã đem đến cho họ những thắc mắc băn khoăn khó giải quyết.

Các nhà đạo-đức lo rằng phương pháp ngăn ngừa sinh đẻ hiệu nghiệm sẽ bị lạm dụng khiến cho trai gái dễ sa vào vòng tội lỗi, coi tình yêu là tình dục, coi tình dục là một phương tiện giải trí hơn là một cái gì thiêng liêng cao cả. Thắc mắc đó không phải là vô văn cứ. Ngay tại Mỹ, người ta đã nhận thấy số các cô gái uống thuốc càng ngày càng nhiều. Nhất là tại các trường Đại học nơi phát xuất quan niệm tự do luyến ái thì uống thuốc ngừa sinh đẻ lại còn là dấu hiệu chứng tỏ một tâm hồn cấp tiến, phóng khoáng.

Nhưng ta cũng phải nhận rằng đạo đức và các tiêu chuẩn đạo đức tùy thuộc vào những yếu tố khác sâu xa hơn (như giáo dục, gia đình xã hội v..v...) chứ không phải chỉ tùy thuộc vào mấy viên thuốc uống hàng ngày hay một vòng xoắn đặt trong tử cung.

Nếu có sự suy đồi đạo đức, các viên thuốc, vòng xoắn cũng chỉ là một dụng cụ chứ không phải là nguyên nhân. Trong một cuộc điều tra ở Pháp người ta thấy rằng trong số mười người con gái tuổi từ 18 tới 20 có uống thuốc, chỉ có một người lập gia đình. Trong khi đó có tới bảy người lập gia đình trong số mười người không uống thuốc. Hình như các cô gái ý có thuốc nên quá dễ dãi đối với đàn ông, con trai. Bởi vậy, các cô đó bị lợi dụng nhiều hơn là được yêu và thường bị đàn ông coi rẻ.

Trọng tội.

Các viên thuốc cũng lại đang là một vấn đề nát óc cho các nhà lãnh đạo công giáo. Hàng triệu cặp vợ chồng công

giáo đang hướng về tòa Thánh để chờ mong một lời hướng dẫn, một hành động khiến cho họ khỏi cảm thấy tội lỗi khi phải dùng những phương pháp ngừa thai. Trong sắc lệnh Casti Connubii năm 1930 đức Giáo Hoàng Pie XI đã long trọng tuyên bố : « Kẻ nào dùng những phương pháp ngừa thai là phạm trọng tội. » Cho tới nay phương pháp ngừa thai duy nhất được tòa thánh chấp nhận là phương pháp Ogino hoặc phương pháp nhiệt độ. Phương pháp phức tạp và phiền toái này đã gây ra nhiều khó khăn và khổ tâm cho những gia đình sùng đạo mà vì sinh kế eo hẹp muốn giới hạn số con cái. Phái cấp tiến trong Công giáo cho rằng nếu tòa thánh đã công nhận giới hạn thụ thai bằng phương pháp Ogino và phương pháp nhiệt độ thì sao lại không thể nói rộng sự công nhận đó đến những phương pháp khác.

Đề định lại thái độ, đức Giáo Hoàng Paul VI đã chỉ định một ủy ban gồm đại diện các khuynh hướng khác nhau trong Gia-tô giáo, và các nhà chuyên môn về y khoa và xã hội. Cả các người dân thường và các bà nội trợ cũng được tham dự. Ủy ban này được mệnh danh là « Ủy ban thuốc viên » có nhiệm vụ nghiên cứu để giúp đức Giáo hoàng lấy một quyết định trọng đại : có nên cho phép dùng viên thuốc hay không ?

Dù nghiên cứu vấn đề dưới khía cạnh khoa học, xã hội, đạo đức hay tôn giáo, những tiêu-chuẩn chúng ta cần phải để ý không phải là những khía cạnh phản khoa-học, phản thiên-nhiên, trái đạo đức, trái tôn-giáo của phương pháp ngừa ngừa sinh đẻ. Trái lại, tiêu-chuẩn quan trọng nhất phải là hạnh phúc, tình yêu và một cuộc sống sung túc, những phương pháp điều hoà sinh đẻ đang hứa hẹn sẽ mang lại cho hàng trăm triệu gia đình đang sống nghèo nhọc trên thửa đất cằn cỗi tại một vùng quê hẻo lánh hay trong những nhà ổ chuột tối tăm ở những đô thị nghẹt thở.

MỘT CHÚT ĐỜI VUI

HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN

tôi còn đó chút tình trôi trong mắt
chút bản khoăn niềm ân sủng riêng mình
xin tiếng hát tưới lên lòng hiu hắt
một đời buồn trên dòng sông thối xanh

tôi đã tự hỏi mình khi mới lớn
có hạnh phúc nào tìm kiếm hay không?
và sống sẽ ôm vào hồn viễn mộng?
sẽ tự hào đời còn chút khoan dung

nhưng đã sống mấy nẻo đường phải tới
tôi xin người chút nhân ái trong tim
hãy vội vã tìm cho mình đất mới
cỏ trong hồn xin đừng mọc xanh thêm

tôi cô độc như triều con nước thờ
bãi bờ xa xin một chút nghỉ chân
và lau lách bên cầu cao sóng vỗ
một chút hồn như khói nhẹ phân vân

tôi còn đó đôi hàng cây đứng ngó
chút hoàng hôn xen một chút đời vui
sẽ nằm ngủ trọn đời trên tháp gió
với mặt trời để lại chút tăm hơi...

Ba người Thánh thiện

LÉO TOLSTOY

NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG dịch

«Hơn nữa, khi con nguyện cầu, con đừng dùng nhiều câu để đọc như những kẻ tà giáo, họ tưởng nhờ nói hay mà kẻ khác nghe theo. Con đừng như vậy, Cha trên trời đã hiểu rõ những gì con cần thiết trước khi con cất lời cầu nguyện» (Matthew, VI, 7, 8)

Một vị giám mục đi tàu thủy từ Arkhangelsk đến Sololetok. Trên tàu còn có những người hành hương đi thăm thánh địa. Thuận gió, trời trong và nước yên. Những kẻ hành hương xúm nhau nói chuyện, kẻ nằm, người ăn, kẻ ngồi, người nói... Vị giám mục cũng đi đi lại lại trên sân tàu. Gần chỗ mũi tàu ngài thấy một nhóm người đang yên lặng nghe một người đàn ông kể chuyện, anh ta đang chỉ một cái gì ngoài biển xa. Vị giám mục dừng lại nhìn ra chỗ mà người đàn ông đã chỉ xem thử có gì, nhưng chỉ thấy ước lóng lánh, không có gì nữa cả. Vị giám mục đi gần lại đám người để nghe. Nhưng thấy ngài, người đàn ông ngả mũ chào và im lặng. Mấy người kia thấy vị giám mục thì cũng cất mũ và cúi đầu chào.

Vị giám mục liền bảo: «Ta đến nghe các con nói chuyện gì, cứ nói đi, đừng ngắt chuyện.»

Một thương gia bạo dạn nhất liền thưa:

— «Dạ, người đánh cá này vừa kể cho chúng con nghe ba người đàn ông già thánh thiện».

Vị giám mục hỏi:

— «Chuyện gì vậy? Kể cho ta nghe xem. Con đang chỉ cái gì ngoài kia vậy?»

Vị giám mục đến chỗ bao lơn tàu và ngồi trên một cái thùng gỗ.

Người đàn ông kể chuyện liền chỉ ra phía trước, bên tay phải và nói:

— «Những hòn đảo nhô lên xa kia. Dạ có hòn đảo mà ba ông già thánh thiện đang ở, lo cứu rỗi linh hồn.»

Vị giám mục hỏi:

— «Những hòn đảo nào đâu?»

— «Dạ, cha ngó chỗ tay con chỉ đó, chỗ có đám mây, ngay phía dưới bên trái đám mây đó, dạ Cha thấy một vệt nhỏ đó».

Vị giám mục nhìn, nhìn kỹ, mặt nước lấp lánh, nhưng mắt ngài chưa quen chẳng nhìn thấy được gì. Ngài nói:

— «Ta có thấy gì đâu. Những ông già sống trên đảo là người gì vậy?»

— «Dạ là những vị thánh. Con nghe nói lâu rồi, cho đến năm ngoái con mới thấy tận mắt.»

Và người đánh cá kể lại chuyện anh ta đi đánh cá, bị đánh tạt vào bờ cát hòn đảo, anh ta không biết là đâu. Sáng sớm ra mới đi loanh quanh thị gặp căn nhà đất. Một ông già đứng cạnh căn nhà, rồi thì trong nhà có hai ông nữa đi ra, họ cho anh ta ăn uống, hơ áo quần

và giúp anh ta sửa lại chiếc ghe.

Vị giám mục hỏi :

— «Trông họ như thế nào ?»

— «Dạ một người thì nhỏ, khòm lưng xuống và già lắm, ông ta mặc một cái áo rộng, và có lẽ già hơn trăm tuổi, râu bạc xám của ông lại trở màu đen xanh lại, ông ta mỉm cười và vô tư như một thiên thần. Một người nữa thì cao lớn hơn và cũng già lắm, ông ta mặc chiếc áo khoác ngoài đã rách, râu bạc và có sợi vàng. Ông ta rất mạnh, ông ta cầm mũi ghe của con mà xoay lại như không, và ông ta cũng vui vẻ lắm. Ông già thứ ba thì cao lớn, râu dài và trắng bạc như mặt trăng, xuống tới tận đầu gối, ông ta có vẻ ưu sầu, lông mày sát mắt và chỉ choàng một chiếc khăn vải bố quanh người.

Vị giám mục hỏi :

— «Họ có nói chuyện với con không?»

— «Dạ họ gần như là chẳng nói gì với nhau, chỉ im lặng làm việc. Người này chỉ cần đưa mắt nhìn, tức thì người kia hiểu ngay. Con hỏi ông già cao lớn xem ông ta ở đây lâu chưa, ông ta liền nhíu mày, nói gì làm bằm và như giận, nhưng ông già thấp liền cầm tay ông già cao, mỉm cười, ông già cao im lặng ngay. Ông già thấp, người già nhất mới nói :

— «Xin tha lỗi bọn tôi». Và ông ta mỉm cười.

Trong khi người đánh cá kể chuyện, thì chiếc tàu đi gần lại phía hòn đảo hơn.

Một người thương gia nói : — «Chừ dạ thấy rõ hơn, Cha xem. «Và anh ta chỉ ra xa.

Vị giám mục nhìn theo, và ngài thấy

một vật nhô lên — hòn đảo. Ngài nhìn và nhìn, rồi ngài đi từ đầu tàu đi tới cuối tàu và hỏi chuyện người lái tàu.

Ngài hỏi : — «Đảo gì ngoài xa kia vậy?»

— «Dạ không có tên, biết bao là đảo như vậy, dạ.»

— «Có thật tại đó có ba người đàn ông thánh thánh cứu rỗi linh hồn không?»

— «Thưa ngài, dạ họ kể vậy, con cũng không rõ có đúng không. Mấy người đánh cá họ nói họ thấy, nhưng có thể là họ bày chuyện vậy.»

Vị giám mục hỏi :

— «Ta muốn ghé đó xem ba người thánh đó. Làm sao để đến đó?»

Người lái tàu thưa :

— «Dạ tàu lớn thì không ghé được, đi ghe thì có thể. Dạ Ngài hỏi thuyền trưởng.»

Thuyền trưởng được mời đến. Vị giám mục hỏi :

— «Cha muốn gặp để xem những ông già thánh thiện kia, xem có đến được hằng ?»

Vị thuyền trưởng tìm lời để tháo lui : — «Dạ được, nhưng mà mắt thì giờ lắm, con, cha cho phép con nói, chứ thật dạ không đáng phải thăm mấy người đó. Con nghe người ta bảo rằng mấy ông già ấy ngu khờ lắm, họ không hiểu chi cả đâu ạ, họ không có biết nói chuyện hơn con cá dưới biển nữa ạ.»

Vị giám mục bảo :

— «Cha muốn biết họ. Con đưa cha đến đó. Rồi cha sẽ trả tiền cho cuộc hành hành trình ấy».

Lệnh được ban ra, buồm đổi hướng người lái tàu cho tàu quay về hướng hòn đảo kia. Một chiếc ghế được đặt nơi mà tàu cho vị giám mục. Ngài ngồi và xem chừng. Mọi người cũng tụ tới và nhìn ra hòn đảo. Nhưng người tinh mắt đã thấy được đá và căn nhà trên đảo, lại có người thấy cả ba ông già. Vị thuyền trưởng lấy ống nhòm ra xem, rồi đưa qua vị giám mục. Vị thuyền trưởng nói :

— «Dạ đúng rồi, cả ba người đàn ông đang đứng trên bờ phía bên phải tảng đá lớn».

Vị giám mục hướng ống nhòm và nhắm về phía đảo. Thật vậy : ba người đàn ông đứng nơi đảo, một người cao, một người thấp hơn và một người rất nhỏ. Cả ba đang đứng nắm tay nhau.

Vị thuyền trưởng đến bên vị giám mục và thưa :

— «Dạ phải ngừng tàu đây, thưa cha chúng con bỏ neo đây và Cha có thể dùng thuyền để vào bờ».

Tàu bỏ neo, hạ buồm, đứng giựt lại và rung rinh. Rồi thuyền được hạ xuống, mấy tay chèo vào thuyền, vị giám mục cũng leo thang xuống thuyền, Ngài ngồi trên ghế giữa thuyền, các tay chèo cho thuyền lướt về phía đảo. Khi còn cách độ chừng ném một viên đá, họ thấy ba ông già đứng nơi đảo : một người cao lớn thì ở trần chỉ mang có một băng vải bố ngang lưng ; một người thấp hơn, mặc chiếc áo rách, và một người rất già, khòm xuống, mặc chiếc áo rộng đã cũ. Cả ba nắm tay nhau.

Mấy tay chèo cho thuyền ghé bờ và móc thuyền lại đậu sát cát. Vị giám mục

bước ra, ba người đàn ông cúi đầu chào. Vị giám mục làm dấu thánh và ban phước lành, ba người càng cúi thấp hơn. Rồi vị giám mục bảo :

— «Các người thánh thiện, ta nghe các người ở đây, lo cứu rỗi linh hồn và cầu Chúa cho nhân loại. Và ta, nhờ ơn Thiên Triệu, ta là tôi tớ Chúa Christ thờ phượng Chúa, chẵn dắt đàn con của Chúa. Nên ta muốn gặp các người, tôi tớ chúa, và nếu được, ta chỉ về cho các người ».

Cả ba người đàn ông im lặng. Họ nhìn nhau và mỉm cười. Vị giám mục hỏi :

— «Các người thử nói ta nghe làm sao các người cứu rỗi được linh hồn mình và thờ phượng Chúa cách nào ?»

Người đàn ông không cao không thấp thở dài và nhìn người đàn ông nhỏ bé già nhất. Người đàn ông cao lớn thì nhu mày và cũng nhìn người già nhất. Người già nhất mỉm cười và nói :

— «Chúng tôi không biết phụng thờ Chúa thế nào, thưa Ngài tôi tớ của chúa ; chúng tôi chỉ phụng sự và lo ăn cho chúng tôi thôi» .

Vị giám mục hỏi : — « Nhưng các người cầu nguyện Chúa như thế nào ?

Người già nhất nói : — « Chúng tôi cầu nguyện như thế này ? Lạy Chúa có ba ngôi, chúng con có ba người, xin thương xót chúng con» .

Và vừa khi người già nhất nói như vậy thì cả ba người già ngược mặt lên trời và cùng nói : « Lạy Chúa có ba ngôi chúng con có ba người, xin thương xót, chúng con » .

Vị giám mục mỉm cười và nói :

— «Các người cũng biết rõ Ba Ngôi rồi đó, nhưng không phải nguyện cầu theo cách đó. Ta mến các người, những người thánh thiện, ta hiểu các người muốn thờ phượng Chúa nhưng các người không biết cách. Các người cầu nguyện theo lối đó thì không phải. Hãy nghe ta bày về. Điều ta bày về đây không phải ta đặt ra, mà là lời Chúa dặn mọi người muốn cầu nguyện Chúa, theo Thánh Kinh đã dạy».

Và vị giám mục kể cho ba người kia nghe Chúa đã hiện hiện như thế nào. Ngài giảng cho ba người nghe về Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần, rồi ngài nói:

— «Đức Chúa Con xuống trần để cứu nhân loại, và đây là cách Chúa dạy mọi người cầu nguyện. Hãy nghe và lặp lại theo ta».

Vị giám mục đọc: «Lạy cha». Một ông già lặp lại: «Lạy cha.» Ông già thứ hai lặp lại: «Lạy cha». Ông già thứ ba lặp lại: «Lạy cha».

Vị giám mục lại đọc: «Cha ở trên trời». Một ông già lặp lại: «Cha ở trên trời.».

Nhưng người không cao không thấp nói vấp cả chữ, không đứng nguyên. Còn người ở trên, cao lớn, thì không đọc đúng được, râu ông mọc kín miệng nên ông không nói rõ được. Ông già nhất, không có răng thì lắp bắp lắp bắp.

Vị giám mục đọc lại. Một ông già lại lặp lại. Vị giám mục ngồi xuống trên một tảng đá, mấy người già đứng quanh, nhìn vào miệng vị giám mục và lặp lại những gì Ngài nói. Vị giám mục tập cả ba người cho đến tối. Ngài lặp một

chữ có khi mười, hai mươi, một trăm lần, và mỗi lần, mấy người già đều lặp lại. Mỗi khi họ sai Ngài lại chữa và bắt đầu lại, tập lại.

Vị giám mục tập cho họ xong cả bài Cầu nguyện chúa mới thôi. Họ đọc lại hết theo vị giám mục, rồi đọc lại hết tự mình. Người không cao không thấp là người thuộc trước hết. Vị giám mục bảo người đó đọc lại nhiều lần, cho đến lúc cả ba cùng đọc được.

Trời đã tối, rặng mọc, vị giám mục mới đứng dậy về tàu. Khi vị giám mục đi, cả ba ông già cúi đầu chào sát đất. Ngài bảo họ đứng dậy và ôm từng người và dặn họ cầu nguyện như Ngài đã bày. Rồi ngài lên thuyền về tàu.

Lúc hướng thuyền về tàu, vị giám mục nghe ba ông già cầu nguyện đang sau. Lên tàu rồi thì không còn nghe được nữa, nhưng vẫn, còn thấy được họ, họ vẫn đứng nguyên một chỗ trên bờ: người thấp nhỏ nhất ở giữa, người cao lớn nhất bên phải và người không thấp không cao đứng bên trái:

Vị giám mục lên tàu rồi thì tàu nhỏ neo, dựng buồm, và gió căng buồm, tàu đi. Vị giám mục đến ngồi chỗ đuôi tàu nhìn lại hòn đảo. Ban đầu còn thấy được ba người già, sau họ biến mất chỉ còn thấy đảo, rồi đảo cũng biến mất, chỉ còn biển bao la, nhấp nhô dưới ánh trăng.

Những người hành hương nằm ngủ cả, mọi vật im lặng trên bong tàu. Song vị giám mục không thấy muốn ngủ, Ngài ngồi một mình nơi đuôi tàu, nhìn nơi chỗ biển mà hòn đảo đã biến đi, và ngài nghĩ ngợi về ba người đàn ông thánh thiện. Ngài nghĩ đến nỗi vui

mừng của họ khi ngài dạy họ bài kinh cầu nguyện, và Ngài cảm ơn Chúa đã dẫn dắt Ngài đến giúp họ, dạy họ những lời thánh thiện.

Vị giám mục ngồi nghỉ ngơi, nhìn qua biển bao la về phía hòn đảo ấy. Ánh sáng chập chờn đó đây trên sóng làm Ngài loá loá mắt. Bỗng ngài thấy có vật gì sáng trắng trên đường ánh trắng : một con chim ? một con hải âu ? có lẽ vậy ? hay một cánh buồm trắng ? Vị giám mục nhìn chăm chú. Ngài nghĩ : « Chắc một chiếc thuyền buồm chạy theo sau chúng ta. Và chắc sẽ kịp. Mới ở xa đây, chừ đã gần rồi. Nhưng thuyền cũng không ra thuyền, mà buồm cũng chẳng ra buồm. Mà như có gì đang theo đuổi chúng ta muốn theo cho kịp. »

Vị giám mục không định được đó là cái gì. Không phải chiếc thuyền, không phải con chim, cũng không phải con cá, mà xem hơn giống như người, song lại lớn hơn một người, và người thì làm sao đi giữa biển vậy. Vị giám mục đứng dậy, tới chỗ người lái tàu và bảo :

— « Nhìn ra xem, gì ngoài kia vậy ? »

Vị giám mục bấy giờ thấy rõ là ba ông già, râu họ dài, chiếu sáng và họ chạy trên mặt biển đuổi theo chiếc tàu rất nhanh, như thè chiếc tàu đứng nguyên một chỗ vậy. Ngài lại hỏi nữa : — « Cái gì vậy ? »

Người lái tàu nhìn ra, sợ hãi quá, bỏ tay lái và kêu lên :

— « Trời ơi ! Mấy ông già chạy theo chúng ta trên mặt biển như chạy trên đất vậy kia ! »

Hành khách thấy đều nghe tiếng kêu, chồm dậy, túa hết lại sau đuôi tàu. Họ thấy ba người đàn ông già đang chạy, nắm tay nhau, hai người hai bên ra dấu cho tàu dừng lại. Ba người chạy trên mặt biển như chạy trên đất liền, chân như không động đậy mà đi...

Tàu chưa kịp dừng lại, thì họ đã tới, níu một bên tàu và ngẩng lên cùng nói :

— « Ngài tôi tớ của Chúa, chúng tôi quên hết cả rồi, quên hết những gì Ngài dạy mất ! Chúng tôi lập đi lập lại được một lúc, còn nhớ được đôi chút, nghỉ đọc một giờ, quên mất một chữ rồi cả bài chạy đâu cả, Chúng tôi chẳng nhớ gì nữa, Ngài dạy lại giúp. »

Vị giám mục làm dấu thánh, cúi xuống phía ba người, và nói :

— « Các người thánh thiện. Lời nguyện của các người cũng đủ đến Chúa. Ta không phải là người được dạy các người. Xin hãy cầu nguyện cho chúng ta đây, những kẻ tội lỗi này. »

Vị giám mục cúi đầu sát đất trước ba người già. Ba người già quay lại và lướt biển đi mất, một vệt sáng chiếu ngời con đường họ đi trên mặt nước cho đến sáng mới hết.

NGUYỄN-KIM-PHƯƠNG (dịch)

TIN MỪNG

Được hồng-thiệp báo tin : nhà văn UYÊN-THAO sẽ làm lễ thành hôn cùng cô HÀNG-THỊ-NGỌC-HÂN tại Dalat ngày 26 tháng 11 năm Bính Ngọ, xin trân trọng chúc mừng tân lang và tân giai-nhân trăm năm hạnh phúc.

LÊ-CHÂU — NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Và bây giờ theo tháng ngày xưa tính
Bạn-bè trôi lưu-lạc mất trong hồn
Tôi ngỡ-ngàng tra thân vào nghiệp lính
Chợt giật mình nhìn lại hẹn lớn khôn

Buổi hằng buổi theo đoàn quân tiến bước
Ra thao-trường tâm nắng gội mồ hôi
Tôi nhìn các em nhìn tôi thuở trước
Chạy dọc đường bưng rồ bánh mâm xôi

Lời em rạo lên cao rồi tắt nghẽn
Tặng dư-ba không lả-lướt chào mời
Đôi tay gầy cặm xương vào xác én
Khấp-khênh chân trần nhịp thở chùng hơi

Bán đi em nhanh nhanh về đi học
Rồi thả trâu, rồi bế bé, trông nhà
Tôi xét mình xin cúi đầu trách móc
Bao lỗ lăm thiếu-sốt phận anh cha

Nên các em còn bơ-vợ đôi rách
Sớm tảo-tần mong kiếm bát cơm vơi
Bốn năm tuổi mũi thòng chưa lau sạch
Đã tranh đua chen chúc với dòng đời



HÈN XƯA

Tôi đi học giữa những ngày kháng Pháp
Quần áo thô xám nếp vải xi-ta
Đêm đến lớp ngọn đèn chai gió táp
Tắt vội-vàng khi tiếng máy-bay qua

Chúng tôi ngồi quanh hiên đình chật hẹp
Bóng thầy chao trên vách chắn phen thưa
Chòm tóc ngắn bên những vòng tóc kẹp
Ngước uống từng lời mắt sáng đong-đưa

Ngồi bút dùng gốc tre già vót nhỏ
Giấy nam-trung còn dấu sợi rơm hiên
Son thầy phê vàng hoe màu thuốc đỏ
Tôi nâng-niu từng nét chữ nghiêng nghiêng

Tan buổi về lo chăn bò, cắt cỏ
Đắp nước, thăm đồng, mót lúa, đuổi-chim
Thương cha mẹ già nua còn khốn-khó
Nước mắt xuôi hàng-máu ngược về tìm

Tuổi học-trò của tôi là thế đấy
Mảnh đất khô cần vượt nở hoa tươi
Quá quen thuộc nên nhọc-nhăn chẳng thấy
Vòng tay ôm hoài-bảo ấm môi cười



Chúng tôi nguyện lớn khôn cùng xây-dựng
Đất-nước Việt-Nam độc lập hòa bình
Cho những ngôi trường oai-nghiêm sừng sững
Tiếng hát học-trò thêm sáng bình-minh

SINH HOẠT

Nguồn - gốc cải - lương từ dân - gian lên sân - khấu

Đó là lễ-tài buổi nói chuyện có trình diễn của giáo sư Hồ-Hữu-Tường, do Tập san nghiên cứu Sử-Địa tổ chức tại Thính-đường Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon hồi 9 giờ 30 sáng Chủ nhật 18-12-1966. Số thính giả tới dự ngồi chật các ghế và chen chúc đứng đầy cả lối đi.

Là một người mê cải lương từ tuổi hoa niên — theo lời giới thiệu của Ông Chủ nhiệm tập san Nghiên cứu Sử-Địa Ông. Hồ - Hữu - Tường mở đầu nhắc nhở tới những người đồng bệnh với ông vào thời đó đã bỏ trường như Tư Chơi, Bảy Nhiêu, Năm-Châu vv... để sau trở thành những nghệ sĩ sân khấu nổi danh hiện tại. Chính do một số bạn mê say cải lương của mình mà diễn-giả có buổi nói chuyện này.

Ngày mà điệu hát cải-lương xuất hiện trên sân khấu, theo nhạc sĩ Trần-văn-Khê trong cuốn *La musique Vietnamienne traditionnelle* là ngày 15-11-1918 tại Vinh Long, do thầy phó tổng Tống-Hữu-Định với tuồng Quốc-trái.

Nguyên-uyên của cải lương là âm nhạc

cờ truyền của ta. Đầu thế kỷ này, đã có những ban tài tử, xuất hiện không biết tự bao giờ, mà hoạt động khắp xứ, tục danh là «Hội Cầm Ca», hòa đờn và ca trong tất cả các dịp vui thanh nhã. Mở đầu trong các cuộc đờn ca là bài «Hành-Vân» chào mừng quan khách rồi đến các bài *Lưu, Thủy đoản, Bình bán vắn, Kim tiền Huế* — mà thuở ấy bình dân gọi là «Gà ba món» Nhưng điệu nhạc được ưa chuộng nhất hồi đó là bản «Tứ đại-oán» đã có những bài ca nổi tiếng như: *Bá nha Tử kỳ, Bá lý hề, Phụng nghi đình, Bùi-Kiệm Nguyệt Nga, khóc phu, khóc thê*. Tới một khi trong một đám ma, người ca bài «khóc phu» hay «khóc thê» lại không ngồi một chỗ, mà đứng lên, lại gần quan tài, ca cùng diễn theo điệu bộ thì lúc đó Ca + Nhạc + Bộ đã tổng hợp cấu tạo được khúc đơn thoại tức là có kịch rồi.

Từ đó «ca bộ» tràn lan rất mau lẹ. Các ban tài tử chọn những bài ca khác với «khóc phu» «khóc thê», mà thêm «bộ» vào đề trình diễn, chẳng hạn bài *Tứ-Đại-oán* kể chuyện *Bùi-Kiệm Nguyệt-Nga*. Rồi lời ca độc thoại, kể chuyện, được sửa lại

gạt bỏ người kể chuyện ra, biến thành đối thoại. Theo diễn giả, như vậy trò «ca bộ» xuất hiện từ 1916, sang năm 1917 thêm «nói lối» nữa, đã lan tràn khắp trong dân gian mà nhiều nông dân cũng diễn-xuất được.

Cũng theo diễn giả thì hồi đó, diễn giả còn nhỏ, thấy trẻ cùng lứa tuổi với mình chơi trò «nhà chòi», lấy các bài ca của người lớn vừa hát vừa làm điệu bộ. Có lẽ người lớn thấy vậy mà bắt chước nên mới nảy sinh «ca bộ» chăng ?

Nhưng đưa ca bộ từ dân gian lên sân khấu theo Ô. Hồ hữu Tường, chính là André Thận. Ông này có gánh xiếc và thấy ca bộ ăn khách nên mới nảy ra ý kiến xen vào chương trình trình-diễn xiếc vài tuồng cải lương ngắn. Chính diễn giả hồi đó đã được xem tuồng «Trang-tử cổ bồn» với nói lối, ngâm kiêu, ngâm tứ tuyệt...rồi. Về sau gánh hát của Thầy Thận bán lại cho Thầy Năm Tú ở Mỹ Tho. Cũng năm đó thầy phó Tổng Tổng hữu-Định ở Vinh Long, cho tập một tuồng viết, có nói lối, ngâm, ca. Đó là tuồng Quốc Trái, đưa lên sân khấu ngày 15-11-1918 mà Ô. Khê đã nói tới.

Tóm lại, khác với «quá trình xuất hiện của hát bội, do người đem một điệu sẵn có đầy đủ ở nước ngoài mà nhập tịch vào xứ», «hát cải-lương là một sáng tác tập thể của dân Việt Miền Nam theo một quá trình tiệm tiến, từ khi nó kết thai trong cái tổng hợp Ca + Nhạc + Bộ cho đến khi nó được dựng lên sân khấu, phải trải qua hai năm». Vậy ta có thể nói rằng ông tổ của hát cải lương là đại-chúng Việt-Nam.

Còn những người đã thương mãi hóa

điệu hát này là ông Audré Thận (cuối 1917 đến cuối 1918), thầy Năm Tú và thầy phó tổng Định.

Cuộc nói chuyện được các nghệ-sĩ sân khấu, Suy-Lân, Phương Ánh v.v... trình

SÁCH MỚI

Bách-khoa Thời đại đã nhận được những sách sau đây, do nhà xuất bản Trình Bày gửi tặng.

Đi tìm An dương Vương, Mị Châu Trọng Thủy từ lịch sử đến thuyết truyền, của Lê văn Hảo, trong « *Tủ sách khoa học nhân văn.* » sách dày 138 trang, gồm 4 chương *Biến cố lịch sử về vua An dương; Di tích khảo cổ và truyền thống phong tục; từ lịch sử đến thuyết truyền; ý nghĩa của thuyết truyền.* Bản đặc biệt không để giá.

Câu chuyện năm mới, truyện của Vladimir Dudintsev, bản Việt văn của Diễm Châu. Sách dày 90 trang, có Phụ lục: *V. Dudintsev dưới mắt Mihaj-lo Mihajlov, nhà văn Nam Tư.* Bản đặc biệt không để giá.

Người đàn bà mang thai trên kinh Đông Tháp, tập truyện của Thảo Trường, dày 100 trang, gồm 5 truyện ngắn. Bản đặc biệt không để giá.

Trân-trọng cảm ơn nhà xuất bản Trình Bày và xin ân cần giới thiệu cùng quý vị độc giả.

diễn xen kẽ các bài bản mà diễn giả đã nêu lên và đưa lại cả một màn Bùi-Kiểm Nguyệt - ga rất đặc sắc, khiến thính giả hoan nghênh nhiệt liệt. Có lúc chính diễn giả cũng ca lên mấy câu nên không khí buổi nói chuyện càng thêm vui vẻ.

Sau hết. Ban tổ-chức mời lên phát biểu ý-kiến Nhạc sĩ Phạm Duy hỏi diễn-giả rằng : **sáng** lập ra cải-lương là nho sĩ hay nông dân, vì theo Phạm Duy các bài Lưu-thủy đoàn, Bình bán vãn v.v... tất phải do những người có một vốn kiến thức về âm điệu, nhạc luật khá cao sáng tác, thì những người ấy chắc không thể ở tầng lớp nông dân được. Diễn giả trả lời vẫn cho rằng cải lương là do đại-chúng V.N. mà ra. Thi-sĩ Đông Hồ cũng

đồng ý như vậy, vì theo ông, lúc có gánh hát cải-lương xuất hiện lần đầu tiên ở Hà-Tiên, hồi ông còn nhỏ, các bậc phụ huynh còn cấm đoán con em đi xem vì khinh rẻ loại ca kịch này, vậy các bài ca đó không thể do các nho-sĩ mà ra được.

Ô. Vương-hồng-Sền trình bày những hiểu biết rất rành rẽ của ông về nguồn gốc Ca bộ và Cải lương, bổ túc cho bài nói chuyện của Ô. Hồ Hữu Tường, và hứa hẹn sẽ cho xuất bản 2 cuốn sách «50 năm mê hát» và «50 năm sưu tầm» những tác phẩm mà mới nghe cái tựa đã thấy thích thú rồi.

THẾ NHÂN

ĐÊM VĂN NGHỆ CỦA SINH VIÊN HỌC SINH SÀI-GÒN

Hãy cho đêm chìm vào quá khứ để thấp sáng trong lòng mình ngọn đuốc soi đường tranh đấu dựng nước và cứu nước của Dân Tộc ! Ý muốn hằng ấp ủ đó của nhiều thanh niên đã được thể hiện trong đêm ra mắt của ĐOÀN VĂN NGHỆ SINH VIÊN HỌC SINH SÀI-GÒN tại Quốc gia Âm nhạc viện tối 11-12. 1966.

Bằng vào ý hướng đó, người ta tin tưởng đón chờ đêm văn nghệ. Và khi buổi trình diễn mới sắp bắt đầu, người thường ngoạn đã chật ních thính phòng. Nhưng khi tấm màn nhung kéo sang bên và trăm con mắt đổ xô vào đấy, thì Việt-Nam găm vóc lại chẳng được thành hình như ý muốn. Có lẽ màn nhạc cảnh vô cùng ý nghĩa về huyền-thoại thành lập xứ sở và diễn-trình tranh đấu dựng nước cứu nước này sẽ làm nổi bật bản

chất hào hùng của những bài ca một thời làm sôi nổi lòng dân, nếu cố công tập luyện đồng ca không chỉ kéo dài có vồn ven một tháng.

Người ta còn đặt kỳ vọng vào đó, vì giọng ca TIẾNG HÁT SÔNG-LÔ và TIẾNG SÔNG THAO có sức truyền cảm của một làn hơi thiên phú. Người ta cũng qua đó kỳ vọng một Ban HỢP-XƯỞNG thuần túy sinh viên học sinh thành hình để, như một thời quá vãng, hát lên giọng hào hùng, lòng nhiệt thành và hồn dân tộc là mầm sống nuôi lớn và làm trưởng thành thanh niên. Hay ít nhất, gắn bó sâu xa vào cùng một sinh hoạt tập thể là điều người ta thường ước vọng trong lúc giới trẻ bị coi như đang phân hoá.

Truyện ca SƠN TINH THỦY TINH mang vào sân khấu những khuôn mặt

thực trẻ. Nhưng chính với những em đó và lời ca đằm ấm dễ thương đó, mà khán giả được sống lại phút say sưa của câu chuyện tình có lối kể dí dỏm và ngộ nghĩnh của Nguyễn-nhược-Pháp.

Phần chính của chương trình là « vở kịch » mang ý hướng đưa người thanh niên trí thức vào lòng dân. ĐƯỜNG VÀO LÒNG DÂN là đường đưa người sinh viên trở về thôn làng nhân một lần lụt lội. Trong cuộc tranh luận giữa thanh niên thành thị đi cứu lụt đó, người ta nhận ra mối lo lắng thường xuyên của sinh viên thật ra chẳng ăn nhập gì mấy với đời sống.

Lẽ tất nhiên, phơi bày đời sống thực của sinh viên đối chiếu với đời sống thực của người dân, người ta mới nhận ra được lớp áo trí thức lừa dối. Từ đó người ta mới hết ảo tưởng rằng trọng tội chiến tranh thì vô hình chứ không hữu thực. Đó là giòng nước mắt đầm đìa của người mẹ quê trên đầu đứa con ủ trợn trong chiếc khăn vải thô giữa hai lòng tay. Người mẹ xứ Gio Linh đang cuốc đất trồng khoai nuôi con kháng chiến chống Pháp thì hay tin con đã bị chém bay đầu. Con ơi ? Con ơi ? Tiếng người mẹ nức nở trong vòng tay ôm đầu con run rẩy làm chảy nước mắt nhiều người

dự khán, khiến trong phút giây xuất sắc của nữ sinh viên Thủy, BÀ MẸ GIO LINH của Phạm Duy thừa nào sống lại giữa những ghen ngào của dân tộc trước cơn lốc tội ác chiến tranh đánh xoáy vào lương tâm, vào sự trường tồn bất khuất của dân Việt.

Chính ý hướng nói lên mối ưu tư sâu xa đó về trách nhiệm : đã thể hiện thành công trong riêng phần vũ điệu cấy lúa, uơm tơ và nhạc cảnh người mẹ và đứa con chiến sĩ chết thảm thê.

Và chính do ý hướng chánh đáng đó cùng riêng màn nhạc cảnh này mà những bạn trong Ban Văn nghệ Sinh viên Học sinh Sài-gòn đã cứu vãn được những khuyết điểm lớn lao về kỹ thuật xây dựng động tác kịch, phương thức dàn cảnh, viết lời đối thoại cũng như những kỹ thuật thông thường về trình diễn, về âm thanh, về ánh sáng... Đó là chưa kể đến tính cách chấp vá vụng về cố cho thành một « vở kịch » khiến những ý tưởng gói ghém trong « vở kịch » vì nhiều và lộn xộn nên người xem không tìm được trình tự tư tưởng mà chỉ thấy qua đây sự tham lam, ôm đồm của người viết.

TRẦN-TRIỆU-LUẬT

NHÀ XUẤT BẢN TRÌNH BẦY

Đã phát-hành :

- KHU RÁC NGOẠI THÀNH *Truyện của THẾ PHONG*
- NGUỒN NƯỚC ẦN CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG *Tiểu luận của ĐỖ LONG VÂN*
- HỒI CHUÔNG TẮT LỬA *Truyện của THẾ NGUYỄN*

(In lần thứ hai)

CÁO LỖI

Vì lý do ngoài ý muốn của chúng tôi, truyện ngắn « Nguồn Cao Nước Độc » của Âu-Hoài-Sương đã ghi trên Mục-lục đến phút chót phải gác lại (từ trang 66 đến trang 73).

Xin trân trọng cáo-lỗi cùng quý vị độc-giả và tác-giả truyện ngắn trên đây.

Tòa-soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

BÁCH-KHOA thời-đại

Số kỷ-niệm 10 năm (Tết Đinh-Mùi)

- 10 năm Chính-trị, Kinh-tế, Giáo-dục, Khoa-học vv ...
- 10 năm cầm bút
- Một cuộc họp mặt đông đảo các cây bút biên-khảo, nghị-luận văn-nghệ đã được bạn đọc tin yêu trong 10 năm qua : Nguyễn-Hiến Lê, Đoàn-Thêm, Trần-Hương-Tử, Nguyễn-văn-Trung, Hồ-Hữu-Tường, Cung-giữ-Nguyên, Lê-văn-Hảo, Duy, Ngọc-Vân, Từ-Trì, Võ-Phiến, Vũ-Hạnh, Đông-Hồ, Bùi-Khánh-Đản, Võ-Hồng, Y-Uyên, Lê-Tất-Điều, Vu-Đoài, Trần-Huyền-An, Huy-Lực, Đỗ-Tấn vv ...

BÁCH-KHOA thời-đại

kỷ-niệm 10 năm (Số 241-242)

- Dày 160 trang, ra mắt bạn đọc vào ngày 20-1-1966.
- Tranh bìa 4 màu của họa sĩ Tạ Tỵ
- Sẽ làm bạn đọc hoàn toàn vui thích trong những ngày đón Xuân, đợi Tết.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

MỤC - LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 229 đến số 240 — Từ tháng 7 đến tháng 12-1966*

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn giúp bạn đọc dễ tìm. Bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
KHẢO - LUẬN				
<u>CHÍNH-TRỊ</u>				
1	Chính phủ mạnh	Duy	234	3
2	Châu Mỹ la tinh trên đường phát triển	Josue de Castro (Tr-Triệu Luật dịch)	235	27
3	Từ Marx đến Teilhard	Cung-giữ-Nguyên	229	23
	— id —	— id —	230	19
4	Vương đạo và quyền mưu	— id —	231	9
—	— id —	— id —	232	15
—	— id —	— id —	233	3
5	Độc tài của đa số	— id —	235	3
—	— id —	— id —	236	3
6	Hiện tượng đế quốc thực dân	— id —	237	11
—	— id —	— id —	238	13
—	— id —	— id —	239	7
7	Phật giáo hay cộng sản lực lượng nào nắm giữ tương lai Châu Á ?	Nguyễn	229	47
—	Sự phục hưng của Phật giáo tại Ấn-Độ	— id —	230	33
—	Phật giáo phục hưng tại Tích Lan	— id —	231	23
—	Phật giáo phục hưng tại Miến Điện và Nhật Bản	— id —	232	35
—	Phật giáo tại Việt Nam dưới mắt ký giả Max Clos	— id —	233	69
—	Phật giáo với Cộng sản: Phật giáo tại Liên xô và Trung Cộng	— id —	235	35
—	Phật giáo đối phó với cộng sản	— id —	236	63

* B.K.T.Đ. số 229	(15-7-1966)	B.K.T.Đ. số 235	(15-10-1966)
B.K.T.Đ. số 230	(1-8-1966)	B.K.T.Đ. số 236	(1-11-1966)
B.K.T.Đ. số 231	(15-8-1966)	B.K.T.Đ. số 237	(15-11-1966)
B.K.T.Đ. số 232	(1-9-1966)	* B.K.T.Đ. số 238	(1-12-1966)
B.K.T.Đ. số 233	(15-9-1966)	B.K.T.Đ. số 239	(15-12-1966)
B.K.T.Đ. số 234	(1-10-1966)	B.K.T.Đ. số 240	(1-1-1967)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
8	De Gaulle và những chuyến công du	Từ-Tri	214	51
9	U Thant và Liên-Hiệp-Quốc	- id -	237	41
10	Vệ binh đỏ, một giai đoạn mới của lịch sử Trung Cộng	- id -	238	3
11	Bầu cử 1966 phản ánh sự tiến triển của xã hội Hoa-Kỳ	- id -	239	49
12	Khủng hoảng nội các Tây Đức	- id -	240	33
13	Lâm Bưu người kế vị Mao-Trạch-Đông	Nguyễn-anh-Tuấn	232	3
14	Những ngày chưa quên : Đời sống trong thời chiến	Đoàn-Thêm	229	31
	- id - : Bên lề cách-mạng	- id -	230	43
	- id - : Bộ đồ ka-ki	- id -	231	13
	- id - : Quốc hội và lập hiến	- id -	232	23
	- id - : Kháng chiến và tản cư	- id -	233	17
	- id - : Tản cư và hồi cư	- id -	234	27
	- id - : Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về	- id -	235	17
	- id - : Lương quốc công thần	- id -	236	23
	- id - : Độc-lập 1949	- id -	237	21
	- id - : Công hay tội	- id -	238	23
	- id - : Các chính phủ 1949-1954	- id -	239	17
	- id - : Chiến tranh Đông-Dương	- id -	240	17
	<u>DANH-NHÂN</u>			
1	Jule Verne đã sống lại	Nguyễn-hiến-Lê	234	9
-	- id -	- id -	235	11
	<u>GIÁO DỤC</u>			
1	Vài cảm tưởng về cuốn sách « Một nền giáo dục nhân bản và dân tộc »	Nguyễn-hiến-Lê	230	55
2	Vài ý nghĩ về « Vài ý nghĩ của Giáo Mục »	- id -	237	33
3	Vấn đề chuyên-ngữ và việc xây-dựng nền Đại-Học Quốc-Gia	Trần-triệu-Luật	337	3
4	Trường tây, trường ta . . .	Nguyễn-văn Trung	236	33
5	Trẻ có tư-chất	Carl. G. Jung (Ng-gia-Tường dịch)	239	31
-	- id -	- id -	240	27

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
<u>KINH-TẾ</u>				
1	Kế hoạch kinh- tế- túc	Duy	229	3
—	- id -	- id -	230	3
2	Xa-lộ Liên-Á	Hoàng-Giao	236	45
3	Châu Mỹ la-ling trên đường phát-triển	Josue de Castro (Tr-triệu-Luật dịch)	235	27
<u>KHOA-HỌC</u>				
1	Bước tiến của con người	Cô-Liêu	231	29
2	Thí nghiệm tình dục	Ngọc-Vân	232	51
3	Tin khoa học	- id -	233	87
4	Quasar : một bí- ẩn của vũ-tr	- id -	234	37
5	Hạn-chế sinh-đẻ	- id -	240	55
6	Chín tháng trong bụng mẹ	Võ-quang-Yến	229	67
7	Chim chóc di-thê	- id -	236	17
8	Nobel khoa học 1966	- id -	240	11
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI</u>				
1	Lá thư Tân-Tây-Lan	Bùi-hồng-Cầm	238	47
2	Lá thư Luân-Đôn	Minh-Quân	233	55
—	- id -	- id -	234	43
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	Cuộc phiêu-lưu của hình-thể trong hội-họa	Thái-Tuấn	230	27
2	Sự đầu thai của một ý nghĩ trong bức họa	- id -	231	3
3	Những dấu chân của A-dam	- id -	234	15
4	Zen và nghệ thuật	Vũ-Trung	232	31
—	Zen và thi ca, trà đạo, viên nghệ, xạ thuật, kiếm đạo, tả thư	- id -	233	25
<u>SỬ</u>				
1	Tiếng nói của « Khiêm-lãng »	Phan-Du	236	39
2	Thử chia thời-đại trong Việt-sử	Nguyễn-Phương	237	27
—	- id -	- id -	238	31

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
<u>TÔN-GIÁO</u>				
1	Phật giáo hay cộng sản lực lượng nào nắm giữ tương lai Châu Á	Nguyễn	229	47
—	Sự phục hưng của Phật giáo tại Ấn-Độ	- id -	230	33
—	Phật giáo phục hưng tại Tích-Lan	- id -	231	23
—	Phật giáo phục hưng tại Miến Điện và Nhật Bản	- id -	232	35
—	Phật giáo tại Việt-Nam dưới mắt ký giả Max Clos	- id -	233	69
—	Phật giáo với Cộng sản : Phật giáo tại Liên-Xô và Trung Cộng	- id -	235	35
—	Phật giáo đối phó với Cộng sản	- id -	236	63
2	Zen và nghệ thuật	Vũ Trung	232	31
—	Zen và thi ca, trà đạo, viên nghệ, xạ thuật, kiếm đạo, tả thư	- id -	233	25
<u>TRIẾT</u>				
1	Từ Marx đến Teilhard	Cung-giữ-Nguyên	229	23
—	- id -	- id -	230	19
2	Biện chứng dầu mỡ	Nguyễn-văn-Trung	231	37
—	- id -	- id -	232	9
3	Thần xác như một giá trị	- id -	233	11
—	- id -	- id -	234	21
—	- id -	- id -	235	43
<u>VĂN HỌC, VĂN HÓA</u>				
1	Tiếng nói của « Khiêm-Lãng »	Phan-Du	236	39
2	Về một thái-độ Văn-Học	Lữ-Phương	230	65
3	Bút ký của Dino Buzzati	Trang-Thiên	229	73
4	Zen và nghệ thuật	Vũ-Trung	232	31
—	Zen và thi ca, trà đạo, viên nghệ, xạ thuật, kiếm đạo, tả thư	- id -	233	25
5	Độc sách « Incognito » của Petru Dumitriu	Trần hương Tử	237	51
—	- id -	- id -	238	37
6	Một ý kiến về văn hóa dân tộc	- id -	240	3

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập hí	Trang
7	Nhà văn và nhà trí thức	Nguyễn-trọng-Văn	239	3
	<u>XÃ HỘI</u>			
1	Hôn nhân dị chủng	Mộng-Trang	229	53
	- id -	- id -	231	45
	- id -	- id -	232	77
	- id -	- id -	233	63
	- id -	- id -	237	61
	- id -	- id -	238	53
	- id -	- id -	239	37
	<u>LINH TINH</u>			
1	Thú hút pipe	Vũ-Bảo	229	13
2	Nói chuyện « Thiển »	Vũ-Hạnh	239	41
—	Thiển vì chiến cuộc	- id -	240	42
SINH-HOẠT VĂN-NGHỆ				
	<u>DIỄN SÁCH</u>			
1	Đọc « Lược khảo văn-học II » của Nguyễn-văn-Trung	Lữ-Phương	229	41
2	Đọc « thơ Nguyễn-đức-Sơn »	Tràng-Thiên	238	57
	<u>SINH-HOẠT</u>			
1	Hai đêm nhạc thanh niên	Vũ-Dzũng	232	84
2	Truy điệu Trương-công-Định	Phạm-long-Điền	232	86
3	Đêm vỉa hè	Lê-tất-Điều	235	85
4	Một ngày lịch của Dưỡng-trí-Viện Biên-Hòa	Ngô-bá-Lí	230	89
5	Những ý nghĩ xuôi dòng về nhạc Trịnh-công-Sơn	Trần-triệu-Luật	235	83
6	Đêm văn-nghệ của sinh-viên học sinh Saigon	- id -	240	74

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số 'ap chí	Trang
7	Đại hội « Bảo vệ văn-hóa dân tộc »	Thế-Nhân	231	81
8	Nhà giáo với văn hóa dân tộc	- id -	232	83
9	Hội thảo về « Hiến pháp dân chủ »	- id -	236	81
10	Cuộc họp ra mắt của Ban chấp hành Lực-lượng B.V.V.H.D.T	- id -	236	82
11	Giải thưởng truyện dài Bút-Việt	- id -	239	83
12	Buổi nói chuyện về « 50 năm cải lương »	- id -	240	76
	Thời sự văn nghệ	Tràng Thiên	229	84
	- id -	- id -	230	87
	- id -	- id -	231	78
	- id -	- id -	232	81
	- id -	- id -	233	81
	- id -	- id -	234	84
	- id -	- id -	235	86
	- id -	- id -	236	85
	- id -	- id -	238	84
	- id -	- id -	239	81
	Phát triển sinh hoạt thanh niên học đường	Phương-Uyên	229	84
	Tin-Khoa-học	Ngọc-Vân	230	83
	Giải Nobel 1966	Thiện-Ý	236	84
	Tin khoa học	- id -	237	87
	Thời sự khoa học	- id -	238	87
	Đại hội Quân Y	- id -	239	86
	<u>BÚT KÝ — HỒI KÝ — TẠP BÚT</u>			
1	Quê tôi nơi nào ?	Đắc-Hung	233	41
—	Quê tôi nơi nào ? Đêm nghe tiếng đại bác	- id -	234	65
—	Quê tôi nơi nào ? Về Phú-Quốc	- id -	235	69
2	Thầy học tôi Cụ Dương-quảng-Hàm	Nguyễn-hiến-Lê	236	11
3	Tạp bút	Võ-Phiến	231	49

S. thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THFO BỘ M N	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
4	Những ngày chưa quên : Đời sống trong thời chiến	Đoàn-Thêm	229	31
—	- id - : Bên lề cách mạng	- id -	230	43
—	- id - : Bộ áo kaki	- id -	231	13
—	- id - : Quốc hội và lập hiến	- id -	232	23
—	- id - : Kháng chiến và tản cư	- id -	233	17
—	- id - : Tản cư và hồi cư	- id -	234	27
—	- id - : Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về	- id -	235	17
—	- id - : Lưỡng quốc công thần	- id -	236	23
—	- id - : Độc-lập 1949	- id -	237	21
—	- id - : Công hay tội	- id -	238	23
—	- id - : Các chính phủ từ năm 1949 — 1954	- id -	239	17
—	- id - : Chiến tranh Đông Dương	- id -	240	17
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Mơ ước lên cao	Lê-tất-Điều	236	51
2	Ngày ngày thoáng qua	- id -	237	75
3	Ngày qua cửa sổ	Bùi-kim-Đĩnh	239	75
4	Nước mắt	Vũ-Đoài	230	80
5	Trong Làng	- id -	233	33
6	Ngày đen của lính	- id -	238	77
7	Đôi giầy đinh	Trần-Đại	232	59
8	Ngôi trường đi xuống	Vũ-Hạnh	229	57
9	Một chuyến bẽ dâu	- id -	237	67
10	Đêm tối và Minh	Võ-Hồng	231	55
11	Chống biểu tình	- id -	235	73
12	Những người ở lại	Trịnh-khải-Nguyên	234	59
13	Tạ từ	Đào-trường-Phúc	235	53
14	Mây trắng, trời xanh, người tử tù	Doãn-quốc-Sỹ	233	73
15	Nước mắt tuổi thơ	Trần-quý-Sách	234	71
16	Đuốc sậy	Y-Uyên	231	63
17	Mỏm cát	- id -	239	61

Số th. tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
<u>TRUYỆN DỊCH</u>				
1	Hành quyết	Milovan-Djilas Nguyễn-Thu dịch	238	71
2	Căn nhà không cửa sổ	Lý-ước-Hàn An-quốc-Minh dịch	237	83
3	Ba người thánh-thiện	Leo Tolstoy Ng-kim-Phượng dịch	240	61
<u>TRUYỆN DÀI</u>				
1	Tiền Đồn	Thế Uyên	229	81
—	- id -	- id -	230	73
—	- id -	- id -	231	73
—	- id -	- id -	232	45
—	- id -	- id -	233	49
—	- id -	- id -	234	78
—	- id -	- id -	236	73
—	- id -	- id -	238	65
—	- id -	- id -	239	57
—	- id -	- id -	240	48
<u>THƠ</u>				
1	Nói với Khiết	Trần-Huyền-Ân	230	32
2	Trời quê mẹ mẹ	- id -	237	79
3	Hẹn xưa	- id -	240	72
4	Tiếng hát giao tình	Phổ-Đức	234	82
5	Bước chân quân trường	Vu-Đoài	236	80
6	Cho hẹn	- id -	239	72
7	Ý niệm thỏa hiệp	Mè-Kung	236	50
8	Tiếng hát Việt Nam	Huy-Lực	230	64
9	Màu vàng đông phương	- id -	238	83
10	Trong vườn mùa xuân	Nguyễn-nhỏ-Nhượng	236	72
11	Nói với bằng hữu	- id -	239	79
12	Nói về một giai đoạn	Hoàng-đìnhhuy-Quan	237	80
13	Một chút đời vui	- id -	240	60
14	Thăm bác	Nguyễn-hữu-Tín	231	54
15	Ý nghĩ bảy giờ	Yến-nguyên-Thanh	233	16
16	Bài thơ tình đầu	Phạm-thiên-Thư	233	48
17	Heo may	Thanh-Thuyền	234	70

TRONG GIA-DÌNH EM-ÀM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!



FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



PURE VIRGINIA